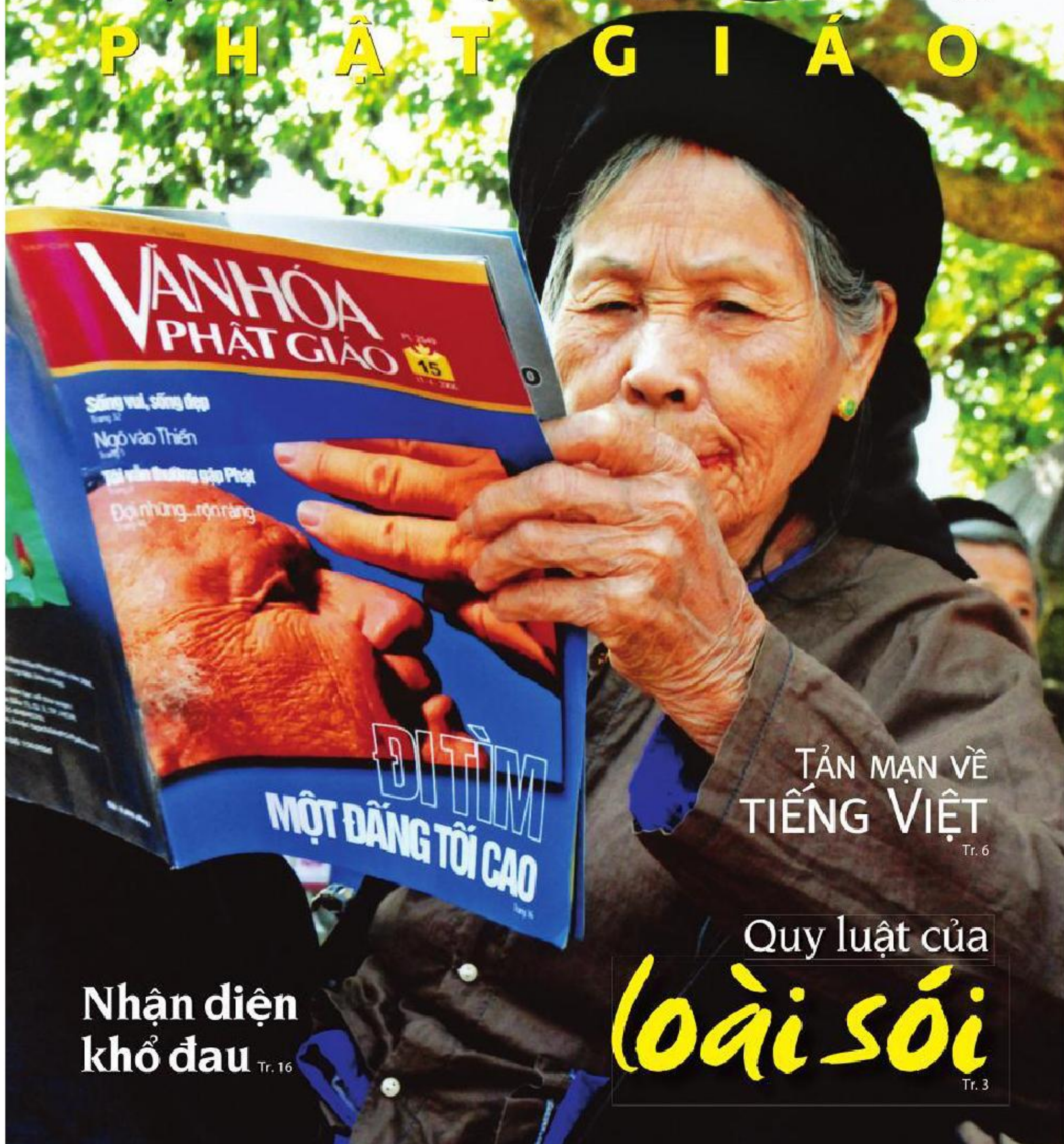


Số 95

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO



Nhận diện
khổ đau Tr. 16

TẢN MẠN VỀ
TIẾNG VIỆT
Tr. 6

Quy luật của

loài sói
Tr. 3



TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

Mái ấm gia đình Việt



Địa chỉ: Số 9, đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Văn phòng đại diện: 215-217 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM
Tel: (+84 650) 3790 955 - (+84 8) 3910 6910 * Fax: (+84 8) 3910 6913
Email: sales@hoasengroup.vn www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Sương, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Quy luật của loài sói (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	5
Tản mạn về tiếng Việt (Nguyễn Thế Đăng)	6
Thăng Bờm trong tâm thức của người dân quê Việt Nam (Võ Văn Lân)	8
Thư trung (Đỗ Hồng Ngọc)	11
Biểu tượng hoa sen trong Phật giáo (N-Phú Xuân)	12
Như giọt nước lá sen (Nguyễn Lạc)	14
Nhận diện khổ đau (Traleq Rinpoche, Châu Văn Thuận dịch)	16
Tâm thức đau khổ (Phillip Moffitt)	19
Nước từ bi (Tsoknyi Rinpoche, Thị Giới dịch)	21
Tiếng chuông ngân, nơi tuổi thơ tôi đi qua (Nguyễn Trọng Nghĩa)	24
Nhân sinh trong tiếng đại ngàn (Trần Văn Hạc)	26
Tạm biệt Maitrigita (Padmaketu, Thuần Chơn dịch)	28
Chén thuốc độc của Socrates (Phạm Văn Nga)	31
Hà Nội như tôi thấy (Cao Huy Hóa)	33
Năm trong một (Hà Thúc Hoan)	36
Đình làng (Huỳnh Kim Bửu)	39
Những giọt nước mắt (Nguyễn Mạnh Hùng)	41
Chốn cũ (Nguyễn Đông Nhật)	43
Phỏng vấn GSTS. Thái Kim Lan, Văn hóa Phật giáo là nền tảng của văn hóa Việt Nam (Thanh Tri thực hiện)	44
Văn tế thác Gougah và thác Liên Khàng (Vĩnh Ba)	46
Giàn hoa trước khung cửa sổ (Nguyễn Văn Tư)	48
Mãi mãi cảm ơn đời (Đan Đình Định)	50
Vườn xưa mắt mẹ (Lê Huỳnh Lâm)	52
Thơ	53
Con nuôi (truyện ngắn của Cầu Đất)	55
Chùa Hội Lâm (Thu Sương)	58
15 ngày	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Chè môn sấp vàng (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Nét đẹp văn hóa. Ảnh: Quảng Tâm

Thư tòa soạn

Quý độc giả thân mến,

Là một cơ quan báo chí hoạt động theo Giấy phép số 96/GP do Bộ Thông tin - Truyền thông cấp ngày 13/10/2004 có cơ quan chủ quản là Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã phát hành số ra mắt vào đúng ngày Nguyên đán Xuân Ất Dậu nhằm ngày 9 tháng 2 năm 2005. Như vậy, khi chúng ta đang chuẩn bị đón Xuân Canh Dần 2010 thì VHPG cũng đang bước vào năm hoạt động thứ sáu. Như đã thông báo, số VHPG đặc biệt mừng Xuân Canh Dần 98 và 99 sẽ được phát hành vào ngày 1-2-2010; thời điểm ấy cũng là dịp để kỷ niệm tạp chí VHPG tròn năm tuổi.

Trong bối cảnh nhân tâm ly tán, giữa lúc người người đổ xô về phía trước tìm kiếm những chân trời xa lạ quyến rũ nhưng đầy bất trắc, việc duy trì một tạp chí không được tài trợ có chủ trương Về Nguồn với mong muốn làm tỏa sáng những giá trị nhân bản đích thực của văn hóa dân tộc bên cạnh việc tiếp biến tinh hoa văn hóa nhân loại với ý thức gan dục khơi trong phù hợp với giáo pháp của Đức Phật, năm năm hoạt động của VHPG là năm năm chịu đựng nhiều thử thách và gánh chịu mọi sự xuyên tạc từ nhiều phía. Tuy nhiên, sự tồn tại của VHPG chứng tỏ chủ trương của Tạp chí đã được đại chúng chấp nhận.

Nhân dịp kỷ niệm năm năm góp mặt vào hoạt động văn hóa và truyền thông trên cả nước, VHPG cũng rất muốn có những hoạt động nhằm đánh dấu sự trưởng thành của một tờ báo đã được công chúng yêu mến và bày tỏ sự biết ơn đối với quý độc giả, các cộng tác viên, các thân hữu và ân nhân. Tuy nhiên, lực bất tòng tâm, những khó khăn chống chọi về tài chánh và nhân sự đã không cho phép chúng tôi thực hiện tâm nguyện.

Để gọi là bù đắp cho sự thiếu sót ấy, VHPG chân thành mời gọi quý độc giả, các vị cộng tác viên, các thân hữu và ân nhân dành cho VHPG một chút thời giờ, ghi lại những góp ý, phê bình, các cảm nhận hay kỷ niệm hoặc bất kỳ một ý nghĩ nào chợt nảy ra trong quý vị quá trình đến với VHPG, mục đích chính là để giúp chúng tôi nhìn lại mình sau năm năm hoạt động. Những bài viết gửi về tòa soạn trước ngày 15-01-2010 có nội dung phổ quát, VHPG xin được trích đăng hoặc đăng toàn văn trong chuyên mục kỷ niệm năm năm kèm với số báo xuân.

VHPG số 95 tiếp tục trình bày những giải pháp Phật giáo và Phật giáo Việt Nam cho những vấn đề nhân sinh đang làm chúng ta ray rứt. Chúng tôi tin tưởng một cách dứt khoát rằng tư tưởng từ ái không vương mắc cái tôi mà Đức Phật xiển dương từ hơn 2.500 năm trước luôn luôn giúp chúng ta tìm được con đường thoát khỏi những triền phược của xã hội. Vấn đề là chúng ta có thiện tâm và cần tỉnh táo để nhận biết trên tinh thần tôn trọng mọi khác biệt của từng cá nhân để có được cách hành xử lợi mình lợi người và lợi cả hai như lời Đức Phật luôn nhấn mạnh.

Không đủ điều kiện in lịch bán, nhưng kèm theo VHPG số 95, chúng tôi cũng phát hành một quyển lịch treo gồm năm tờ có chủ đề Bốn mùa lễ Phật gửi tặng quý độc giả đặt báo dài hạn, các đại lý, các cộng tác viên, thân hữu và ân nhân; hy vọng phần nào thể hiện được lòng biết ơn của chúng tôi.

Xin chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Quy luật của loài sói

NGUYỄN CÁN

Vi đâu nên nổi???

Ở bất kỳ một xã hội nào, dù theo chủ thuyết chính trị nào hay dưới hình thức quản lý hành chính nào đi nữa, thì mục đích sau cùng của tổ chức xã hội cũng là hạnh phúc của từng cá nhân, từng gia đình, từng cộng đồng dân cư và toàn thể mọi người cả về vật chất lẫn tâm hồn. Thế nhưng đọc trên báo chí gần đây, từ những phóng sự về các trẻ mồ côi bị đầy đọa phải lang thang ăn xin khắp phố hay làm công đến kiệt sức trong các cơ sở sản xuất, nhiều em bị bệnh ngặt nghèo, đến những bài viết kể lại tình trạng trẻ em vùng lũ bỏ học vì thiếu tiền, thiếu ăn, thiếu cầu qua sông... rồi lại đến những sự thật bị bóc trần về

các đường dây chặn dắt người già ăn xin... liệu có ai trong chúng ta không cảm thấy xót xa? (Đọc các bài "Vỡ diễn đầy đọa tuổi thơ", báo *Tuổi Trẻ* 18/10 và "Nước mắt tuổi xế chiều", báo *Tuổi Trẻ* 25/26/11). Có người đã cay đắng nhận xét: "Chặn dắt, khai thác hình ảnh sức lực trẻ em và cả những người già yếu, bệnh tật như một công cụ làm tiền là biểu hiện của một kiểu ứng xử theo bản năng trong quá trình kiếm sống, chỉ phù hợp với quy luật hoang sơ mạnh được yếu thua" hoặc "cá lớn nuốt cá bé" (TS Nguyễn Ngọc Điện – *Tuổi Trẻ* 26/11). Nói theo Karl Marx thì đó là quy luật của loài sói, những con mạnh nhất sẽ tồn tại sau khi xâu xé những con yếu hơn.

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta có bao giờ tự hỏi, giữa lòng một xã hội có tổ chức chặt chẽ như hiện nay, vì sao vẫn còn những đường dây vô nhân tính như vậy, được điều hành bởi những kẻ xấu xa, nham hiểm, đã lộ mặt cho nên không khó để xác minh lai lịch và triệt hạ? Có cần phải, như một nhà xã hội học đã đề nghị, xây dựng “khung pháp lý” để trấn áp? Thật ra chúng ta có “thừa” pháp lý để phản ứng, bằng cách ngăn chặn hay thậm chí tổng giam lũ đầu gấu kia, khi chúng ta nhận ra tính phi pháp của những đường dây bóc lột và đày đọa con người ấy. Thử hỏi các tổ dân phố, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ ở đâu khi mà những chuyện nêu ở trên không mới, không lạ và hình như xảy ra đã lâu? Các nhà quản lý kêu gọi sự chung tay của toàn xã hội. Nhưng có lẽ chúng ta hãy tự kiểm điểm lòng mình xem còn chăng tình yêu thương và lòng tử tế hay chúng ta cũng để “gió cuốn đi” rồi! Phải chăng thái độ “sống chết mặc bay” hay quy luật “lý của kẻ mạnh” đã tác động không chỉ ở trong các chuột, trên những ngõ ngách mà đã lan ra cả mặt phố, vào trong vi-la, lên rừng xuống biển...?

Ở bình diện lớn hơn, lại cũng trên các phương tiện truyền thông, chúng ta ghi nhận tình trạng dự án treo, lừa dân vào những khu vực tái định cư với một số tiền đền bồi không thỏa đáng (dự án Sơn Tiên ở Đồng Nai, dự án mở rộng sân golf Long Thành đến 1.200 ha, dự án HUD Nha Trang...), để lại nhiều dấu hỏi về mối quan hệ doanh nghiệp và cấp thẩm quyền sở tại, khiến dư luận bức xúc. Khi người dân bị cưỡng chế (đọc *Văn Hóa Thể Thao, Người Lao Động*, 26 tháng 11/2009).

Nếu vì những mục tiêu cao đẹp và có lợi cho cộng đồng, tại sao không ai giải thích cho dân hiểu? Còn nếu đặt mình vào địa vị người dân, liệu các chủ doanh nghiệp hay dự án có sẵn lòng hy sinh không? Như vậy là cả xã hội cũng đang bị cuốn theo những tham vọng mà ở đó “con người hoạt động như những cỗ máy với chức năng chính là kiếm tiền càng nhiều càng tốt... vì “Tham muốn xét ở một góc cạnh nào đó là một cơn đói, đói, đói mà không có gì đáp ứng được” (Đức Đạt-lai Lạt-ma [ĐLLM]) thế nên “trong sự mê loạn của thế giới hiện đại này, chúng ta đã đánh mất khả năng quan sát nhìn nhận giá trị con người. Mọi người chỉ dành hết tâm trí cho những sản phẩm mà họ làm ra được”

(ĐLLM). Ta hiểu sản phẩm ấy có thể là chức vụ, là nhà cửa, là áp phe, là cơ hội, là dự án...

Có bậc thức giả đã đặt lại vấn đề “*Nhưng nếu mọi tham vọng cá nhân đó được đặt vào một tham vọng chung, lớn nhất cao nhất, đúng nhất, tốt đẹp nhất, là tham vọng vì hạnh phúc lâu dài của nhiều người, thì mọi tham vọng của cá nhân sẽ hài hòa trong tham vọng lớn nhất của tất cả nhân loại là Bồ đề tâm. Như biển cả có thể dung chứa mọi dòng sông dơ sạch. Những mâu thuẫn cá nhân, những mâu thuẫn của mọi lĩnh vực xã hội chỉ có thể hài hòa chung sống trong một không gian lớn nhất và cao nhất: Bồ đề tâm*” (Nguyễn Thế Đăng – *Tinh thần Đại thừa trong sự nghiệp phát triển của một quốc gia – VHPG số 92*).

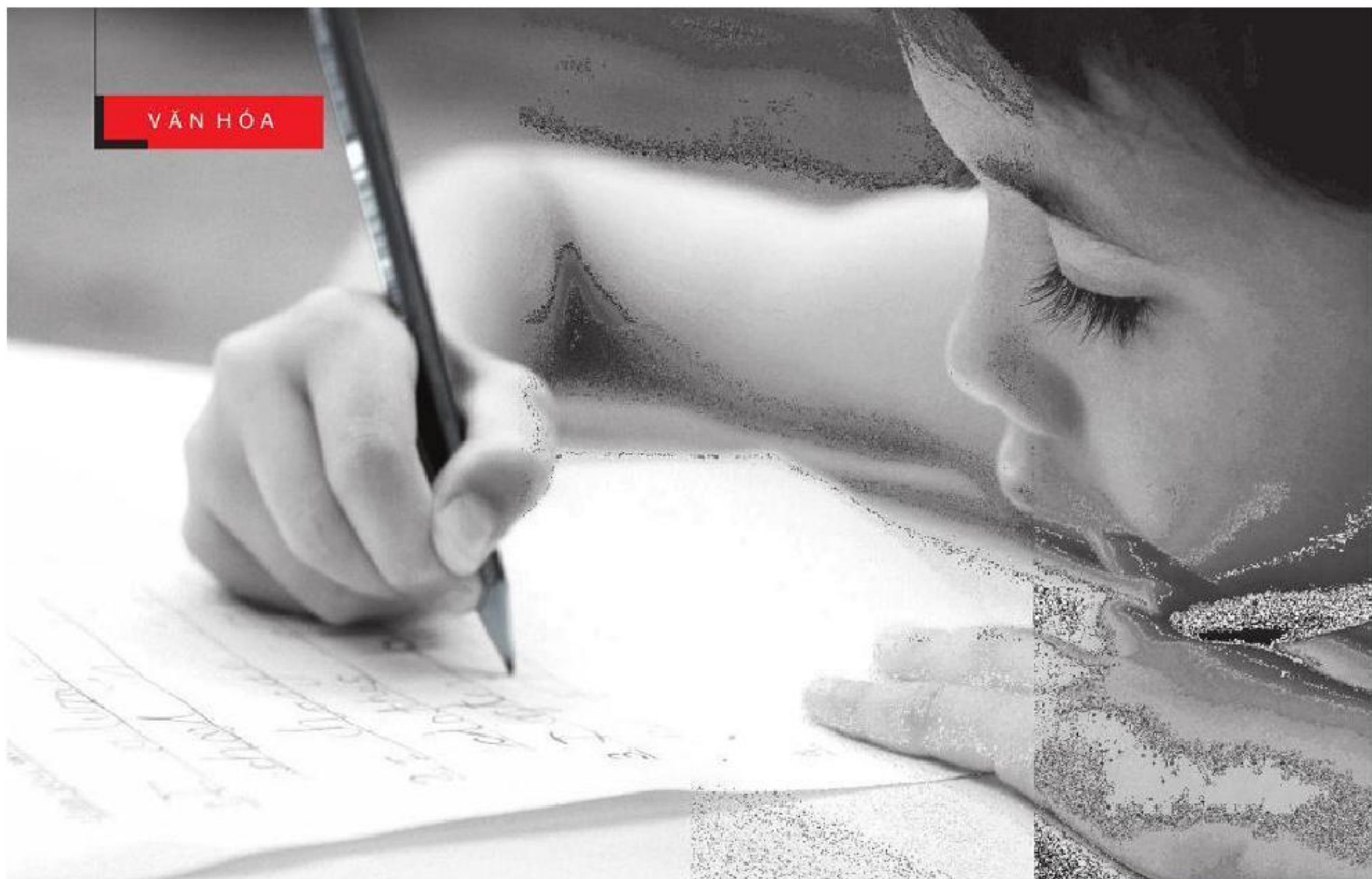
Nói ngắn gọn “*Lời đề nghị chân thành nhất của tôi là bạn hãy rèn luyện lòng yêu thương và lòng tử tế của mình cho dù bạn có tin vào một tôn giáo hay tín ngưỡng nào hay không*” (ĐLLM).

Hãy bình tâm mà suy xét để rồi từng người thắp lên niềm tin về tình yêu thương, lòng khoan dung và sẽ cảm thấy bình yên hơn, tự tại hơn để chúng ta không còn thờ ơ với nỗi đau của người hàng xóm, của kẻ bên đường, của trẻ thơ lăn lóc, của người già bơ vơ trên đường phố. Mỗi người hãy chìa một tay ra, hành động thay cho khẩu hiệu, để những buổi họp tổ dân phố khi bình xét “gia đình văn hóa”, “khu phố văn minh” hãy thêm vào đấy những nội hàm mới là hành động thiết thực vì cộng đồng: giúp bao nhiêu người cơ nhỡ, khó khăn. Rồi những nhà quản lý xã hội, những “công bộc” của dân sẽ tự vấn lương tâm mình xem đâu trên xóm dưới có ai cần giúp đỡ và lên kế hoạch kêu gọi ai, đoàn thể nào làm gì... chứ không chỉ bản khoản về đẹp lòng lệ đường hay thu phí vỉa hè như bấy lâu(!)... Những nhà lãnh đạo vĩ mô thì phải xét xem dự án có đưa dân đến chỗ khốn cùng không hay có kế hoạch tái định cư chu đáo chưa? Chỉ có tình yêu thương và lòng tử tế, chúng ta mới hy vọng xây dựng “**một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh**” như chúng ta vẫn thường tự ca ngợi bấy lâu. Hãy nghe Nehru nhắc điều Phật dạy: “*Thông điệp của Đức Phật đối với thế giới là hãy thương yêu hết thảy muôn loài với lòng từ bi bao la. Ở đời này, không bao giờ hận thù xóa bỏ được hận thù, chỉ có tình thương mới xóa bỏ được hận thù. Và con người chỉ chiến thắng tội ác bằng điều thiện, chiến thắng sân hận bằng lòng bao dung*.” ■



*Khi xúc chạm với đời
Tâm không động không sầu
Không ướn niễm, an ổn
Là điều lành tối thượng*

**Kinh Điều lành tối thượng –
Kinh Tập**



Tản mạn về tiếng Việt

NGUYỄN THẾ DĂNG

*Một mai, một cuộc, một cần câu
Thơ thần dù ai vui thú nào
Ta đại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn người đến chốn lao xao.
Thư ăn măng trúc đồng ăn giá
Xuân tắm hồ sen hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

Đó là một bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm mà tôi bị 'bắt buộc' học thuộc lòng vào những năm đầu trung học. Đến bây giờ vẫn nhớ. Một nhân cách đẹp Việt Nam trong một lối sống Việt Nam với những sự vật quen thuộc Việt Nam. Tất cả đã nằm thế kỷ. Vậy mà mỗi khi nhớ đến vài câu của bài thơ, tôi vẫn thấy ông như đang ở trước mắt, trong vườn, và thấy mình cũng đang 'thơ thần' trong vườn như Nguyễn Bình Khiêm. Đâu phải chỉ thơ thần trong vườn. Mà thơ thần trong lịch sử. Như ông.

Cái gì làm cho khoảng cách không gian thời gian 500 năm không còn tồn tại? Ngôn ngữ. Phép lạ của ngôn ngữ.

Ngôn ngữ là một phép lạ. Nó là một thứ mạng mà nhờ

đó tôi có thể nối kết với Vô Ngôn Thông, Lý Công Uẩn, Trần Nhân Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du và bất kỳ ai trong lịch sử Việt Nam đã từng nói và để lại tiếng nói. Ngay cả phép lạ phi thường của thời hiện đại, máy điện toán chỉ với hai ký hiệu 0,1 mà có thể ghi nhớ và chuyển chở tất cả văn hóa, khoa học, mỹ thuật... loài người thì thực ra phép lạ ấy cũng chỉ để phục vụ cho phép lạ ngôn ngữ là chính.

Những con người sẽ qua đi, chúng ta sẽ qua đi, nhưng ngôn ngữ vẫn tồn tại. Tồn tại cho đến con người cuối cùng trên trái đất. Nguyễn Du đã qua đi, căn nhà nơi Nguyễn Du đã sống, cây bút lông, nghiền mực, ngọn đèn dầu quen thuộc với Nguyễn Du trong lúc ông viết văn cũng không còn. Nhưng tiếng nói Nguyễn Du, ngôn ngữ Nguyễn Du vẫn tồn tại không chỉ qua *Truyện Kiều* mà còn trong các tác phẩm văn học khác.

Đôi khi ở những nơi xa xôi, bất ngờ nghe được vài tiếng nói địa phương, sự bối hồi đảo ngược về nguồn cội của một đời người. Nơi đó, những khoảng trời thơ ấu. Nơi đó, những người thân đã từng nói những tiếng này nay đã mất. Sự vắng mặt tồn tại trong rải rác những tiếng địa phương đặc biệt này.

Ngày nay điều may mắn cho dân tộc là chúng ta có một tiếng Việt chung nhất, người ở mũi Cà Mau nghe người ở Lạng Sơn nói vẫn hiểu dễ dàng. Nhưng cũng chớ đồng nhất hóa mà trở thành đồng dạng và đơn điệu. Cần giữ lại những tiếng địa phương. Chúng ta đã thấy sự thất bại của Quốc tế ngữ (Esperanto, sau hơn 100 năm, cả thế giới chưa đến 2 triệu người sử dụng) là như thế nào. Tiếng địa phương là cái duyên (và cả cái dướng), cái hồn của một vùng. Không có sự phát âm những tiếng ấy, đôi môi kia sẽ không được như vậy nữa, đôi mắt sẽ không có màu sắc và ánh nhìn như vậy nữa.

Tiếng nói, hay ngôn ngữ, là một trong ba thành phần tạo nên một con người, theo đạo Phật. Ba thành phần đó là thân, ngữ, tâm hay thân, khẩu ý. Ý hay tâm thì rất khó biết vì nó không biểu lộ. Nhưng ngữ hay khẩu là cái biểu lộ, cái đại diện của tâm ý, cho nên chính nó là cái để đánh giá một nhân cách, đo lường chiều cao chiều rộng của một tâm thức. Cũng chính nó tạo ra những tương quan xã hội, những liên hệ thông tin. Thân là cái biểu lộ nhiều nhất, cụ thể nhất, nhưng cũng có thể hóa trang nhiều nhất. Bằng quần áo, bằng trang điểm (cả bằng giải phẫu thẩm mỹ!), bằng những đồ dùng đi với thân. Ngôn ngữ là tính tình con người, là con người thật nhất, hầu như không thể hóa trang, giả vờ. Ngôn ngữ là sự trang điểm (mà Phật giáo gọi là trang nghiêm) của con người, là sự nở hoa của nhân cách.

Thế nên, qua ngôn ngữ, qua tiếng nói chúng ta có thể đánh giá từ một con người cho đến một quốc gia. Không phải là nhà xã hội học, nhà kinh tế chính trị học, hay nhà doanh nghiệp, chúng ta rất khó biết một đất nước phát triển cả về mặt vật chất và tinh thần đến đâu (rất khó nếu chỉ nhìn vào những gì họ quảng cáo, những con số họ đưa ra, hay chỉ đi qua một vài đường phố lớn của họ...), nhưng chúng ta có thể biết họ có thực sự phát triển toàn diện hay không, có thực sự thịnh vượng hay không nhờ nhìn vào sự phát triển ngôn ngữ của họ. Ít nhất là qua ngôn ngữ (đã được dịch) của những nhà lãnh đạo của họ. Không thể nào che giấu được. Không thể nào có xã hội phát triển nếu ngôn ngữ không phát triển. Không thể nào có xã hội cao cấp nếu ngôn ngữ thấp là tẻ. Đơn giản, bởi vì ngôn ngữ không phát triển nghĩa là trí óc không phát triển.

Đừng có nói tôi chỉ giỏi toán, giỏi khoa học kỹ thuật nhưng tôi dở ngôn ngữ. Newton, Einstein, Planck, Heisenberg, Bohr... đều có ngôn ngữ chính xác, phong phú, đẹp đẽ. Chắc hẳn vì sức mạnh và sự nâng cao của ngôn ngữ mà Einstein đến thăm Tagore, Suzuki đến thăm Heidegger, và Ideka nói chuyện với Kim Dung... Mọi người cao cấp trong bất cứ lĩnh vực nào đều có một ngôn ngữ đúng tầm cỡ của họ. Một quốc gia giàu mạnh phải có một ngôn ngữ giàu mạnh, một quốc gia phát triển phải có một ngôn ngữ phát triển. Và dĩ nhiên một quốc gia còm cõi suy dinh dưỡng chỉ có thể có một ngôn ngữ còm cõi suy sinh dưỡng.

Không có ngôn ngữ thì không có tư duy, vì tư duy là tư

duy trên ngôn ngữ và bằng ngôn ngữ. Ngôn ngữ kém thì tư duy phải kém. Thế nên khẩu của một dân tộc kém thì ý của dân tộc ấy phải kém. Thân, khẩu, tâm ý là một hợp thể thống nhất.

Thời bây giờ con người ít đánh nhau, ít tiến hành chiến tranh, nghĩa là quân sự do thân hành động không còn là sự quan trọng duy nhất. Công việc chính trị được tiến hành chủ yếu bằng ngoại giao, thương thuyết, nghĩa là dựa trên lời ăn tiếng nói. Từ trọng tâm là quân sự của đời xưa chuyển qua trọng tâm là ngoại giao của đời nay, chúng ta thấy đó chính là sự tiến hóa của con người. Tiến hóa từ thân qua ngữ. Và từ ngữ qua tâm có lẽ là công việc của thiên niên kỷ này chăng? Có phải định mệnh thiêng liêng của ngôn ngữ là dẫn dắt chúng ta đến Tâm như Trần Nhân Tông đã nói không? "Trăm năm lòng nói lòng" (Bách niên tâm ngữ tâm, *Đăng Báo Đài Sơn*).

Ngôn ngữ là một loại năng lượng. Năng lượng ấy không hề cạn kiệt chừng nào còn có con người. Sự đoàn kết hào hùng của toàn dân ở Hội nghị Diên Hồng có được chẳng phải là nhờ ngôn ngữ và qua ngôn ngữ hay sao?

Thế nên khi đang lo khai thác năng lượng và khoáng sản từ nhiều nguồn thì cũng chớ quên rằng chúng ta cũng rất cần khai thác nguồn năng lượng và khoáng sản ngôn ngữ trong tâm ý của mình. Vốn sống dân tộc – ngôn ngữ – cần phải được giữ gìn và làm giàu có thêm qua mỗi thế hệ. Không có cách gì phản bội tổ tiên nhanh bằng cách làm hư, làm nghèo nàn, làm xơ cứng ngôn ngữ, bởi vì ngôn ngữ nằm trong tầm tay và trong quyền lực của mỗi chúng ta. Chúng ta đã không sinh nó ra – mà trái lại, nó đã sinh ra chúng ta – thì chúng ta hoàn toàn không có quyền hủy hoại nó.

Tiếng Việt là di tích cổ xưa nhất và cũng là gia tài hiện đại nhất của người Việt. Di tích đó không cần phải đi hàng trăm hàng ngàn cây số mới thấy được, mới nghe được, mới chiêm ngưỡng được. Nó đang ở trong tâm ý và trên môi của mỗi người Việt.

Khi nhận định rõ rằng ngôn ngữ là cái miệng, là bản sắc, là tâm ý, tâm hồn của một dân tộc, chúng ta biết chúng ta phải làm gì. Chúng ta cũng biết một cách căn bản những đứa con của dân tộc có hiểu với ngôn ngữ của dân tộc là những ai.

Chắc hẳn với nhiều người Việt, tiếng Việt vẫn là cái gì còn ở phía trước. Mãi mãi ở phía trước.

Vì phụng sự ngôn ngữ là phụng sự cho dân tộc. ■

Cáo lỗi

Do lỗi kỹ thuật, VHPG số 94 có in dư một đoạn ở cuối bài "Tìm hiểu con đường văn hóa Việt Nam" của tác giả Nguyễn Thế Đăng, nay xin được đính chính như sau:

Bài viết nói trên chấm dứt ở cuối dòng thứ 11 (đếm từ dưới lên), cột 2, trang 38.

Chân thành xin lỗi quý độc giả và tác giả Nguyễn Thế Đăng.

Thằng Bờm

trong tâm thức của người dân quê Việt Nam

VÔ VĂN LÂN



Gần đây, nhiều người nhắc đến kỷ niệm 'Quốc văn giáo khoa thư' và tìm cách giải mã 'điều gì ẩn tàng sau các câu chữ trong những bài ca dao mộc mạc mà bọn học trò chúng tôi thời đó hầu hết đều thuộc lòng, nếu không thuộc trọn cả bài thì cũng nhớ được vài câu, đến nay đã bốn năm chục năm qua, mà mỗi khi nghe nhắc lại vẫn còn nhớ ngay. Trong bài viết này, tôi xin chia sẻ một số nhận thức chủ quan khi cố gắng tìm hiểu ý nghĩa cuộc trao đổi giữa phú ông và thằng Bờm được thể hiện qua ca dao.

Khi được tiếp cận với giáo lý uyên áo, thâm diệu của đạo Phật, tôi mới giật mình hiểu rằng những câu chuyện bình thường, những hình ảnh đơn sơ, gần gũi thể hiện trong ca dao hay tục ngữ thường khi lại có khả năng chuyển tải những triết lý cao siêu, những bài học thâm thúy, minh triết trong cuộc sống của ông bà ta. Vậy, đằng sau hình ảnh của Bờm trong ca dao là điều gì? Bài ca dao thì quá mộc mạc, có lẽ ai cũng nhớ:

*Thằng Bờm có cái quạt mo.
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu.
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè.
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim.*

*Phú ông xin đổi đôi chim đôi mồi,
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi.
Phú ông xin đổi năm xôi, Bờm cười!*

Một vài dị bản có những khác biệt về 'một xâu cá mè', 'ba bè gỗ lim', hay 'con chim đôi mồi', nói chung không ảnh hưởng gì đến việc tìm hiểu ý nghĩa bài ca dao.

Chữ 'bờm' đã từng có lúc gọi cho chúng ta hình ảnh cái chòm tóc của một đứa trẻ trong khoảng từ hai ba tuổi có khi đến khoảng bảy tám tuổi, nhưng không biết đích xác xuất phát từ đâu và có từ bao giờ mà 'bờm' lại được sử dụng như một tính từ, một thuật ngữ phổ biến trong dân gian, có mặt cả trong văn học. Tra cứu trong *Tự điển Tiếng Việt* (Hà Nội - 1967) thì bờm được định nghĩa là người ngốc nghếch nhưng thực tế. Trong *Tự điển Việt Pháp phổ thông* (Sài Gòn- 1950), bờm được dịch ra tiếng Pháp là *garçon stupide* (thằng ngốc). Hai quyển tự điển gặp nhau ở chỗ gán cho thằng Bờm ý nghĩa con người ngốc nghếch, tuy có điểm khác là *Tự điển Tiếng Việt* thêm một ý 'thực tế'. Tuy thế cả hai định nghĩa đều không nói lên hết đặc trưng của từ 'bờm'. Một thời 'bờm' được sử dụng như 'cái mốt' trên báo đài, trong đời sống hằng ngày để trêu hùa người quê mùa, khờ khạo, đại dốt. Mượn hình ảnh Bờm để bông đùa, giễu cợt hay chọc quê! Thấy ai đó có lời nói, cử chỉ, thái độ có vẻ khác đời một chút, kẻ sành dùng ngôn ngữ hình tượng với ý trêu chọc không ngần ngại hạ ngay "bờm!". Thật oan cho 'Bờm'!

Theo thời gian, bài ca dao trên được hiểu theo nhiều cách khác nhau, mỗi cách hiểu cũng có thể chứa đựng một giá trị nào đó. Tuy nhiên, hiểu đúng tính cách 'bờm' cũng là cách đúng đắn để trả lại nguyên giá trị bài ca dao. Như mọi tác phẩm văn học, để đánh giá đúng mức giá trị nội tạng, tất yếu phải truy tìm xuất phát điểm, trở về bối cảnh ra đời. Quê hương của Bờm, hẳn ai cũng biết, là nền văn hoá 'làng xã' Việt Nam đặt nền tảng trên tinh thần biết đủ, hoặc có thể nói một cách văn hoa là *tri túc tiện túc* hay *thiểu dục vi lạc*; lấy nếp sống đơn giản, bình dị, thanh đạm làm niềm vui, hạnh phúc; thể hiện mối quan hệ hài hòa giữa người và người, giữa người và thiên nhiên. Trong bất kỳ xã hội nào, thời đại nào, cộng đồng con người không sao tránh khỏi sự chênh lệch người giàu kẻ nghèo, sự sai biệt tầng trên lớp dưới. Nhưng không phải vì thế mà xã hội luôn luôn có mâu thuẫn! Ngược lại, thực tế chứng tỏ đã có một thời mọi thành phần, mọi đối tượng trong xã hội đều biết sống thích nghi để cùng tồn tại. Trong đó có phú ông, tiêu biểu cho tầng lớp trên giàu có, nhà cao cửa rộng, ruộng vườn cò bay thẳng cánh... nhờ thế không có chức mà có quyền... Ở đây ta thấy từ phú ông không hàm ý mỉa mai, cho nên, có thể thấy phú ông trong bài ca dao *Thằng Bờm* đại diện cho lớp người làm giàu chân chính, có hiểu biết và cũng bản khoăn đến thân phận con người. Trong khi đó, thằng Bờm tiêu biểu cho lớp dưới gồm đại bộ phận người dân nghèo sống bình dị, gần gũi với thiên nhiên, không có nhiều nhu cầu. Và trọng tâm chủ yếu bài

ca dao đặt ra là hướng giải quyết sự phân cách này. Bằng cái nhìn khách quan cởi mở, không đứng về bên này hay bên kia, ta thử xem xét thái độ của phú ông và của thằng Bờm, qua đó thể hiện một mảng tâm thức của người dân nông thôn nước ta trước đây trong lối giải quyết mối quan hệ sai biệt này một cách đúng đắn, tránh cách hiểu máy móc, định kiến như bao lâu vẫn có. Trên cơ sở đó, ta có thể phục hồi giá trị đáng có của bài ca dao - nội hàm bài học sống - mà ông cha ta đã gói gắm cho con cháu qua kho tàng ca dao tục ngữ.

Quả thật, có lúc bằng cái nhìn chủ quan, phiến diện, người ta đã có cách hiểu sơ sài, lệch lạc, rằng Bờm được dùng để ám chỉ người quê mùa ngốc nghếch. Nhưng theo ông bà ta xưa, ai dám bảo người nhà quê sống tri túc là đại, người thiếu dục là ngu! Cuộc sống đời thường chứng tỏ bao kẻ khôn ngoan, nhiều tiền lắm của lại khổ đau dài dài do mưu mô tính toán, lo của cải mất mát... sợ hậu quả việc làm sai trái, bất chính dẫn đến thù oán, kiện tụng... làm sao an vui, hạnh phúc được. Ngược lại không ít kẻ nghèo mà vui. Như thế ai đại ai khôn?

Thử nghe cụ Nguyễn Bình Khiêm, một vị khoa bảng tiêu biểu cho tầng lớp trên, lớp trí thức của xã hội nói về đại khôn: "*Ta đại ta tìm nơi vắng vẻ. Người khôn người kiếm chốn lao xao!*" Còn nhà thơ Trần Tế Xương lại cho rằng: "*Khôn nơi cò bạc là khôn đại. Đại chốn văn chương ấy đại khôn! Mấy kẻ nên khôn đều có đại. Làm người có đại mới nên khôn!*". Cụ Trạng Trình, một nhà Nho khoa bảng, tự nhận mình là người đại, còn Tú Xương lại cho rằng cái đại của người này chính là cái khôn của người kia và ngược lại. Như thế phải chăng đại khôn chỉ là hai phạm trù của tư duy luận lý, là sản phẩm của óc phân biệt nhị nguyên theo chủ quan của mỗi người, mỗi giới. Chân lý phải phù hợp với hiện thực khách quan, không tùy thuộc nhận định theo luận lý chủ quan của người này, người nọ, bất kể người đó là ai, một triết gia hay bậc giáo chủ. Trên cơ sở đó, từ cổ kim đến đông tây, thực tế đều chứng tỏ hạnh phúc hay giá trị của cuộc đời không hẳn có được từ cuộc sống vật chất dồi dào, đầy đủ mọi thứ của cải, tài sản, nhà lầu, xe hơi... Ngược lại, hạnh phúc luôn đến từ nếp sống đơn giản, bình dị mà ai cũng có thể thực hiện được. Tri túc thường lạc! Ở quê ta trước đây có một thời mọi người bất luận giàu nghèo, với những gì ít ỏi họ có, hầu hết đều sống an vui, hạnh phúc. Cũng thế "*Thằng Bờm có cái quạt mo*".

Quạt mo là vật dụng thông thường làm từ chiếc mo cau mà trước đây ai cũng dùng đến, từ giàu nứt đổ vách đến nghèo rớt mồng tơi ai cũng có. Chiếc quạt mo ở đây đã biểu thị cho nhu cầu thiết yếu và gần gũi với mọi người mọi giới, ngoài việc đem lại sự mát mẻ trong tiết trời nóng nực, còn có thể có bao lợi ích khác như xua muỗi, đuổi ruồi, che nắng... có khi dùng lót ngồi. Thế nên "*phú ông xin đổi ba bò chín trâu*".

Thằng Bờm có cái quạt mo là điều bình thường, phú ông hẳn cũng có quạt mo, lại còn có quạt giấy, quạt xếp, quạt lông ngỗng, lông phụng... nhưng tại sao phú ông lại

đòi cho được chiếc quạt mo của Bờm, mà đổi đến ba bò chín trâu. Với điều kiện đổi chác thoạt nghe tưởng chừng phi lý! Chính điều này nói lên ý nghĩa biểu trưng của việc đổi chác mà bài ca dao nhằm đến. Ý nghĩa biểu trưng đó là gì? Phải chăng phú ông, như những nhà trọc phú thời nay thích sưu tập những món đồ tầm thường của người nổi tiếng, quyết tâm sở hữu cho bằng được cái “quạt mo của thằng Bờm” để làm phong phú bộ sưu tập của mình? Hay chỉ vì phú ông ngông nghênh hợm hĩnh, muốn khuất phục Bờm bằng mọi giá? Diễn biến của quá trình thương lượng cho thấy phú ông không thuộc về các trường hợp ấy. Ngôn ngữ nhẹ nhàng không mang tính cách châm biếm của bài ca dao cũng cho thấy phú ông không thuộc hàng trọc phú. Cũng cần lưu ý rằng ngay từ đầu, cuộc thương lượng đổi chác đã diễn ra trong một không khí bình đẳng. Dù phú ông có thể có quyền thế nhờ giàu có, nhưng ông đã *xin* đổi chứ không hề có thái độ trịch thượng. Do đó, chúng ta có thể suy diễn, phú ông đã nghĩ rằng chiếc quạt mo của Bờm phải mang một thần lực nào đó mới khiến cho anh ta có được một cuộc sống an nhiên tự tại trong cái vẻ bên ngoài thiếu trước hụt sau, một điều mà ngay trong cảnh giàu sang của mình, có lẽ phú ông chưa đạt được. Muốn chứng nghiệm điều suy nghĩ của mình, phú ông quyết tâm có được chiếc quạt mo của Bờm.

Chính vì thế, ngay trong đợt thương lượng đầu tiên, phú ông đã đưa ra cả một tài sản đồ sộ với ba bò chín trâu, hy vọng thuyết phục được Bờm. Kiểu từ chối “Bờm chẳng” đã làm phú ông choáng váng! Với nhận thức thông thường ban đầu, phú ông cho rằng ba bò chín trâu đã đủ cho Bờm trong một cuộc đổi chác sòng phẳng vì ở xuất phát điểm của cuộc đổi chác, ông đã đánh giá rất cao chiếc quạt mo trong tay Bờm, trong khi ông cho Bờm cũng chỉ là một người có lòng tham cầu vật chất. Lời từ chối của Bờm buộc phú ông phải xác định lại một thang giá trị đối với Bờm. Đến lúc ấy, biết Bờm không phải là người tham cầu vật chất, phú ông bắt đầu lờ mờ hiểu rằng giá trị thật của cuộc sống an nhiên tự tại mà Bờm có không phải là ở của cải. Do đó, việc phú ông đưa ra những vật trao đổi khác có giá trị thấp hơn món hàng trao đổi ban đầu không phải là phú ông có ý định hạ thấp giá trị của chiếc quạt mo hay giá trị của Bờm theo chiều hướng lừa gạt một kẻ ngốc nghếch như nhiều người thường hiểu. Vấn đề của phú ông là làm thế nào bắt mạch được ý thích của Bờm, thế thôi! Trong chiều hướng đó, tất cả những vật trao đổi mà phú ông đưa ra là những gì mà phú ông có và phú ông sẵn lòng trao đi để đón nhận chiếc quạt mo từ tay Bờm. Vì thế mà có những dị bản cho thấy các món hàng trao đổi phú ông đưa ra không phải lúc nào cũng có giá trị thấp dần, từ *ba bò chín trâu* đến *ao sâu cá mè* hay *một xâu cá mè*? Từ *cá mè* đến *một bè gỗ lim* hay *ba bè gỗ lim*? Và sau đó, từ *gỗ lim* đến *con chim đối mồi* hay *đôi chim đối mồi*? Người ta có thể chấp nhận bất kỳ dị bản nào, vì tất cả đều chỉ có ý nghĩa tượng trưng, không hề muốn nói rằng các vật mà phú ông đem ra đổi chác có giá trị thấp

dần. Mặt khác, ở một góc độ nào đó, có thể thấy cả phú ông lẫn Bờm đều không hoàn toàn ý thức được thế nào là hạnh phúc. Một bên là phú ông chỉ lờ mờ thấy được Bờm có một cuộc sống an nhiên tự tại với tài sản chỉ là chiếc quạt mo, trong khi mình ruộng đồng cò bay thẳng cánh mà thấy vẫn luôn luôn phải lo nghĩ. Một bên, Bờm chỉ thấy mình không cần phải bám víu vào của cải danh vọng gì cả mà cứ sống thành thoi. Cho nên, trong cuộc trao đổi ngộ nghĩnh của bài ca dao, đến khi phú ông đưa ra một vật trao đổi thích hợp với hoàn cảnh và nhu cầu của Bờm ngay lúc ấy thì Bờm cười.

Đến đây chúng ta có thể hiểu rằng “Bờm cười” gợi ra sự thích thú, thỏa mãn của một tâm hồn ngây thơ, hồn nhiên. Nụ cười đó xóa tan mặc cảm người trên kẻ dưới, phá bỏ sự phân cách giữa hai đối nghịch giàu nghèo. “Bờm cười” đối nghịch với “Bờm chẳng” được lặp lại đến ba lần, khẳng định thái độ vô tư, đồng thời thiết lập cơ sở bình đẳng trong đối xử. Không khí của bài ca dao cũng cho phép chúng ta nhận định rằng phú ông giàu có quyền thế nhưng vẫn không dám thấy mình vênh vang hơn Bờm nghèo nàn chỉ có trong tay chiếc quạt mo, vẫn an vui với cái gáo dừa, chiếc bầu đựng nước, và thích thú với... nằm xoi.

Thì ra, chiếc quạt mo mà phú ông tin rằng có mang thần lực đến mức ao ước có được qua việc đổi chác cũng chỉ là chiếc quạt mo bình thường, nhưng lại biểu trưng cho sự thanh bản, giản dị, cho *hạnh phúc chân thật*, ở đây là hạnh phúc đơn sơ của người nông dân Việt Nam. Đây chính là cái hạnh phúc vì *không chấp vào tôi, không chấp vào cái của tôi* như lời Phật dạy. Kẻ có hạnh phúc là kẻ không nghĩ mình là ông này ông nọ, không sợ mất mát quyền lực, danh tiếng, không sợ hao hụt của cải, như Bờm; khác hẳn với những người đang thủ đắc tài sản lớn, danh vọng cao, như phú ông. Phong cách của thằng Bờm trong bài ca dao cũng có thể phù hợp với phong cách Tuệ Trung Thượng Sĩ, một thiền sư cư sĩ đời Trần, với “*Trời đất liếc trông chữ sao thành thang. Chống gậy rong chơi chữ phương ngoại phương. Hoặc cao cao chữ mây đỉnh núi. Hoặc sâu sâu chữ nước trùng dương. Đói thì ăn chữ cơm tùy ý. Mệt thì ngủ chữ nào đợi quê hương. Hưng lên chữ thổi sáo không lỗ. Chỗ lạnh chữ đốt giải thoát hương. Nhọc chút chữ nghỉ đất hoan hỉ. Khát uống no chữ thang tiểu dao...*” (Phóng cuồng ngâm-Tuệ Trung Thượng Sĩ). Đây cũng chính là hình ảnh của Alexis Zorba⁽¹⁾ con người sống an nhiên tự tại, đói ăn khát uống.

Do đó, tìm lại yếu tính “bờm” phải chăng cũng là hành trình tìm về nguồn cội, tìm lại bản chất uyên nguyên vốn có của con người, tìm về Như Lai tạng tính, Phật tính nơi mỗi người! Là “điều gì đó” mà ông bà ta gởi gắm qua bài ca dao. ■

(1) Nhân vật trong “Alexis Zorba, con người chịu chơi”, tiểu thuyết của Nikos Kazantzakis, nhà văn hóa lớn người Hy Lạp.

“Thư trung...”

ĐỖ HỒNG NGỌC

“Ở đầu thế kỷ 21 này, đĩa CD Rom và máy điện toán trong công nghệ tin học thật sự là một mối đe dọa đối với sách in, và không ít người đã lo rằng một ngày gần đây sách điện tử sẽ thay thế hẳn sách in. Đối diện với nỗi lo này, chúng tôi, những người yêu sách không hề mảy may e ngại và còn dám quả quyết rằng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra, lúc này cũng như mai sau. Lý do đơn giản là cái đĩa CD không thể có được vai trò như một cuốn sách in, là thứ có thể đến với mọi người một cách trực tiếp không cần phải qua một khâu trung gian nào: ta có thể nằm trên vông đọc sách, ra bờ hồ đọc sách, đi tàu hỏa đọc sách v.v. Trong khi để đọc được cái đĩa trên máy điện toán, người đọc trước tiên là phải có tiền mua máy, rồi lại phải có nguồn điện hoặc pin, và phải làm nhiều thao tác rắc rối, không phải bất cứ chị em bán hàng nào, hoặc em bé đánh giày nào cũng làm được, và có điều kiện để làm được.”



Đó là những lời tâm huyết trong “Thư ngỏ gửi tất cả những người yêu sách” của nhóm vận động thành lập “Câu lạc bộ Người yêu sách” sau cuộc thi Sách Vàng trong Hội sách tại TP.HCM.

Thực ra, với những người yêu sách, mê sách, thì không có lý do gì để phải... hoảng sợ trước sự phát triển của công nghệ thông tin! Bởi vì sách in không chỉ để đọc mà còn để nhìn, để ngắm, để ngửi, để nghe.... Thời còn in typo, xếp chữ chì, bước vào nhà in nghe cái mùi mực, mùi chì, riết rồi ghiền. Nhìn những người thợ xếp chữ ở trần tròng trực, hai tay thoăn thoắt bắt chữ, xong vở một cái cộp lên giấy, ta có ngay một bản vở còn ướt mực, nóng hổi, “vừa thổi vừa đọc”! Rồi nhìn ông thầy “cò” (correcteur) ốm nhom, râu lồm chồm như nhiều ngày quên cạo, chăm chú móc từng chữ sai trong bản vở (morasse), hí hoáy lòng vòng như vẽ bùa - chỉ có những người thợ xếp chữ mới biết ông ta muốn gì - để sau đó, ta có bản vở thứ hai rồi thứ ba, cho đến lúc sạch trơn không còn sai một lỗi nhỏ. Thật là kỳ công mà cũng thật là... thú vị! Hiện nay, trên một vài phố nhỏ ở Paris, người ta còn thấy trưng bày trong tủ kính những trang bản thảo do chính những nhà văn nổi tiếng tự sửa morasse cho mình. Ta như có dịp thấy Victor Hugo, Lamartine, Marcel Proust... ngó trước mặt mình, chăm chú, hí hoáy... móc từng dòng từng dòng, xóa, xóa, thêm, thêm...

Có một thời mỗi loại sách có kiểu giấy riêng. Thơ được in trang trọng nhất trên giấy có hoa văn, mùi thơm thoang thoang, khổ to, chữ bự, cứ như một bức tranh. Tiểu thuyết, sách nghiên cứu... dùng những loại giấy khác nhau. Mỗi nhà xuất bản thường “chơi” một loại giấy riêng, cách đóng riêng, trình bày riêng. Nhìn qua là biết ngay của nhà xuất bản nào. Có “nhà” không dùng giấy trắng láng mà in trên giấy dày, xù xì, màu gỗ như gạo lứt, thô ráp, rờ đủ sướng.

Sách lại không xén sẵn mà để nguyên từng “cahier” cho người đọc được cái thú tự rọc lấy. Khi rọc - bằng một con dao không bén - chẳng những được nghe tiếng soàn soạt, lít rít, mà còn được thấy giấy vụn bướm ra, tung tóe như cánh bướm, được ngửi mùi gỗ thơm vương vít trong bụi giấy... Tóm lại, ngửi, nghe, nhìn, sờ... đủ kiểu trước khi sách được đọc. Mà vẫn chưa đọc ngay đâu. Hẳn coi cái cách người ta trình bày bìa, trình bày sách, kiểu chữ, dàn trang ra sao cái đã. Hẳn coi những dòng ghi ở cuối sách, cho biết in lần thứ mấy, bao nhiêu cuốn, có bao nhiêu cuốn đặc biệt được đánh dấu riêng, dành cho tác giả... để tặng bạn bè, người thân cái đã. Rồi mới đọc. Đọc nhâm nhi hay đọc ngấu nghiến. Đọc ngồi hay đọc nằm, đọc đứng, đọc đi, tùy. Nhưng khi đọc, thường có cây viết chì cùn, giắt ở mép tai, thỉnh thoảng đánh dấu chỗ này chỗ nọ, ghi chú điều này điều khác. Tóm lại, người mê sách đã biến cuốn sách đầu đầu thành thân quen, gần gũi, riêng tư của mình... Vài chục năm sau, một hôm dọn dẹp nhà cửa, tình cờ đọc lại những dòng xưa, nét cũ... không khỏi bàng hoàng, ngậm ngùi!

Sách còn một chức năng khác: Một ông bạn kể chuyện ông mê cô hàng xóm xinh đẹp, không dám nói, một hôm gởi tặng nàng cuốn “*Hình như là tình yêu*” của Hoàng Ngọc Tuấn (ông chưa hề đọc) rồi hối hộp chờ đợi. Khá lâu sau, nàng gởi tặng lại ông cuốn “*Tâm tình hiến dâng*”, bản dịch thơ Tagore (cũng chưa hề đọc). Thế rồi hai người cùng đọc với nhau tới bây giờ... chưa biết chán!

Người mê sách còn phải luôn cảnh giác vì người xưa có câu: “Thư trung hữu nữ nhan như ngọc”, trong sách có cô gái đẹp như... ngọc. Nên phải hết sức cẩn thận. Không khéo có hôm nàng hiện ra, hỏi không đáp... bèn giao hoan như trong *Liêu trai chí dị* thì nguy!

Tóm lại, còn lâu mới “diệt” được sách in! ■

Biểu tượng hoa sen trong Phật giáo

N-PHÚ XUÂN



Khi mùa hạ đến, những khóm sen trong lòng ao đầm lại đâm chồi nảy nụ. Thân sen hình trụ có gai nhỏ, phiến lá hình lòng to có gân tỏa tròn, hoa có nhiều lớp cánh. Theo y học cổ truyền, các bộ phận của sen từ lá, cuống, ngó, cánh hoa, đến nụ hoa, gương, hạt, củ, tim... đều có thể được dùng để chế thành nhiều vị thuốc quý có các tác dụng cầm máu, an thần... chữa được những bệnh như kiết lỵ, mất ngủ... Sen quen thuộc với tuổi thơ của bao người qua những buổi trưa hè tắm mát bên hồ sen tỏa ngát. Còn đối với các bà, các mẹ thì đóa sen luôn chuyên chở thành tâm để dâng lên cúng Phật mỗi độ vào Hạ.

1. Hoa sen trong truyền thuyết, nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo

Truyền thuyết của Phật giáo vẫn kể lại, tại vườn Lâm Tì Ni, vào lúc Đản sinh, mỗi bước trong bảy bước đi đầu tiên của Đức Phật đều có hoa sen hiện ra nâng đỡ. Khi vừa thành đạo, Ngài phân vân trước con đường giáo hóa chúng sinh. Giáo lý giải thoát tế nhị, thâm sâu, ly dục, vô ngã, đi ngược với tập quán ham muốn và suy tư chấp trước của con người, làm sao để con người có thể tiếp nhận giáo lý ấy? Nhưng sau khi nhìn ngắm hồ sen, qua tuệ nhãn của mình, Đức Phật thấy rằng giữa cuộc đời này có nhiều hạng căn cơ khác nhau. Có căn cơ thấp như khi sen còn trầm luân dưới đáy bùn, có căn cơ cao như khi đã vươn lên thành hoa sen xòe nở đón nhận ánh sáng mặt trời. Tương tự, nếu có những người mãi đắm chìm trong dục vọng thì cũng có những người căn cơ cao có thể đón nhận được giáo lý uyên thâm mà Đức Phật đã chứng ngộ. Do đó, Đức Phật quyết định lên đường chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

Khởi nguyên của lịch sử Thiền tông cũng gắn liền với hình ảnh hoa sen qua sự kiện Đức Phật truyền chánh pháp nhân tạng cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp ở hội Linh Sơn. Truyền

thuyết cho rằng một hôm Đức Phật chỉ cầm một cành hoa sen đưa lên trước mặt mọi người. Tất cả đều im lặng không hiểu. Riêng ngài Ma-ha Ca-diếp ngộ được và đáp lại bằng nụ cười hiểu biết. Lúc đó Đức Phật mới nói: *"Ta có Chánh pháp nhân tạng, Niết-bàn diệu tâm, thực tướng vô tướng, vi diệu pháp môn, bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền nay trao cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp"* (Liên đăng hội yển).

Từ lâu, trong kiến trúc Phật giáo, hình ảnh hoa sen đã được đưa vào trang trí ở vị trí chủ đạo. Ngay từ việc chọn thế đất làm chùa, người ta cũng phải lưu ý đến "... bên phải có hình hoa sen tràng phướn, long báu...". Hoa sen cũng nằm trong biểu tượng tòa sen nơi Phật ngự. Tòa sen vừa là bệ đỡ cho pho tượng cao hơn, uy nghi hơn vừa mang ý nghĩa Đức Phật là đấng đã giác ngộ, đã tìm ra chân lý nên ngồi trên tòa sen để thể hiện sự thanh tịnh tỏa sáng về trí tuệ. Cũng có thể hiểu theo cách giải thích của Mật tông, hình ảnh Đức Phật ngồi trên tòa sen biểu thị Phật tính nơi một con người đã phát triển rực rỡ. Đài sen thường được tạo thành hai lớp cánh hoặc ba lớp cánh ở dạng nở xòe mềm mại, nét cong nét uốn khá sắc sảo. Một lớp cánh quay xuống theo theo bàn tay phải của Phật biểu hiện sự nhu thuận, một lớp cánh quay lên nâng đỡ Đức Phật biểu hiện sự điều phục. Nói chung, tượng Phật dù đứng hay ngồi cũng đều ngự trên tòa sen nhiều tầng. Đó là sự biểu hiện của linh thiêng thoát tục, sự này nở tinh thần hướng thiện.

Sen còn được thể hiện trên các kiến trúc ở cổng chùa và ở các tháp. Cổng chùa thường là cổng tam quan, nghĩa là cửa giới, cửa định, và cửa tuệ. Đó là ranh giới giữa cõi cõi thánh với cõi phàm, lại thể hiện phương châm tu hành của người Phật tử. Vì lẽ đó, những họa tiết trang trí trên trụ cổng thường là cảnh sắc thanh tịnh hay truyện tích nhà Phật, trong đó không thể thiếu họa tiết hoa sen. Hoa sen được đắp nổi trên trụ cột với một hoặc hai lớp cánh cong, thanh mảnh. Trên những ô

học cổng chùa, họa tiết hoa sen là cả một đóa sen tám cánh rõ ràng. Ba cánh dưới tượng trưng cho Tam bảo Phật - Pháp - Tăng. Năm cánh trên tượng trưng cho năm hạnh của năm vị Phật và Bồ-tát mà người Phật tử muốn hướng tới.

Vào trong không gian chùa, hình ảnh ngôi tháp tạo nên điểm nhấn khá độc đáo. Ở Việt Nam, tháp và chùa là hai công trình độc lập khác hẳn với ngôi tháp ở quê hương Phật giáo Ấn Độ. Đặc biệt, ở Huế đã hình thành hệ thống tháp mộ với lối kiến trúc đặc trưng. Trong đó họa tiết hoa sen được trang trí trên chóp tháp mang ý nghĩa sâu sắc. Ở trường hợp này ngôi tháp chính là *tòa cửu phẩm liên hoa*.

Hình ảnh hoa sen còn được trang trí trên chuông chùa. Bằng chất liệu đồng, những họa tiết hoa văn trên thân chuông được thể hiện rất tinh xảo. Đặc biệt, hình ảnh hoa sen được trang trí tỉ mỉ trên vai và miệng chuông khá thẩm mỹ. Cánh sen thường đan lẫn tua quăn, hoặc được cách điệu bằng những đường cong như lượn sóng...

Nói tóm lại, trong nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo, ta thấy người thể hiện luôn tìm cách đưa hình ảnh hoa sen vào với ý hướng biểu thị những chiều sâu ý nghĩa của hoa sen. Vì thế mà có người cho rằng đạo Phật là đạo "*Hoa sen*".

2. Ý nghĩa biểu tượng của hoa sen trong văn hóa tâm linh Phật giáo

Thật ra, chẳng riêng gì giới Phật tử mới quý trọng hoa sen. Từ 5.000 năm trước, người Ai Cập cổ đại đã thể hiện lòng sùng kính đối với hoa sen và dùng sen trong nhiều nghi thức tế lễ. Đường như từ Ai Cập, trước hết sen đã được phổ biến ra nhiều vùng khác như Ba Tư, Ấn Độ, và Trung Quốc rồi sau đó được đưa đến trồng ở các địa phương khác nữa, trong đó có khu vực Đông Dương.

Tại Ấn Độ, hình ảnh hoa sen mọc trên bùn đã được coi là biểu tượng của đạo đức và thể hiện cho sức mạnh tinh thần. Các văn bản cổ Ấn Độ đã nhắc tới hoa sen tám cánh như một biểu tượng của sự hài hòa trong vũ trụ. Là một tôn giáo sử dụng nhiều ngôn ngữ biểu trưng và là một hệ tư tưởng cách mạng so với tư tưởng Bà-la-môn, Phật giáo đã phát triển nhiều ý nghĩa biểu tượng của hoa sen. Sen được coi là mang nhiều đức tính gắn gũi với cuộc đời của bậc giác ngộ, nói lên được những lời dạy của Đức Phật, cho nên được coi là *vi diệu*.

Sen ẩn sâu dưới bùn xa lìa trần cấu gọi là *u vi*, giống như cuộc đời của người tu hành luôn tránh xa những điều trần tục; cuộc đời ấy là sự dắng hiễn âm thầm, là nỗ lực vươn đến sự giải thoát chứ không khoe khoang. Quả thật, đối với bông sen, một nửa cuộc đời của nó nào ai biết được, nhưng nó vẫn âm thầm tự mình vươn lên khỏi mặt nước u tối để tỏa hương.

Sen khiêm tốn không khoe tài đua sắc với các loài hoa khác trên đồng nội gọi là *ẩn vi*, thể hiện sự khiêm nhường như cuộc đời tu hành của người Phật tử. Họ không đua chen danh lợi, những tiếng tăm hay của cải vật chất chỉ là phù du. Và vì lẽ đó họ chọn những nơi hẻo lánh để tĩnh tâm tu Phật.

Lá sen ngửa rộng lên trời với những thớ mạch như nét vẽ của thiên nhiên gọi là *tế vi*. Tất cả mặt phải của lá đều hướng lên tượng trưng cho sự thành tâm. Tương ứng, người Phật

tử có nhiều pháp môn tu tập, đều quy về một hướng giải thoát. Một điều đáng quý nữa ở chỗ tuy lá sen chưa phải là hoa, nó cũng có thể tô điểm cho hồ sen. Tương tự, với tâm hạnh của người Phật tử, dù họ chưa chứng ngộ đạo giải thoát, lòng từ bi và thái độ dũng cảm sống một đời trung thực của họ cũng đủ giúp ích cho cuộc đời và cho xã hội.

Mọi thành phần của sen đều có công dụng, hoặc để chữa bệnh, hoặc để ăn, được gọi là *tinh vi*, cũng giống như thân, khẩu, ý của một người Phật tử biết thúc liễm thân tâm luôn luôn có công dụng cứu người giúp đời.

Sen không sớm nở tối tàn, mà sáng thì nở để đến đêm lại búp; được gọi là *ẩn hiển tùy nghi diệu*. Người Phật tử khi cần thì ra mặt, khi không cần thì lắng lặng ẩn cư.

Sen chẳng vì mùa xuân mà khoe hương sắc, chẳng theo mùa thu mà úa tàn, mỗi năm mỗi mang thân một thân mới, một hoa mới; được gọi là *hàn thử bất thiên diệu*. Người Phật tử cũng vậy, không vì gặp được thuận duyên thì hăng hái đến khi đối mặt với trở ngại thì bài hoải buông xuôi, mà luôn luôn tinh tấn hướng tới con đường giải thoát trong lúc vẫn dững mãnh cứu người giúp đời. Cuộc đời sen lại còn như là một minh họa cho thuyết luân hồi của nhà Phật. Dưới mặt nước trầm mặc sau mùa sen tàn lụi ta tưởng chừng chôn dấu đời sen mãi mãi. Nhưng không, dưới ấy không có gì mất đi, chỉ là sự chuẩn bị cho một kiếp mới hiển hiện. Sen tàn, sen nở, sen tàn... cũng chỉ là vòng luân hồi thường tình như quan niệm Phật giáo bấy lâu.

Sen có hoa quây quần hạt, hạt xúm xít trong hoa gọi là *tổng biệt tế chương diệu*; biểu thị cho lối sống của Tăng già luôn gắn bó với nhau trong tinh thần lục hòa mà từng cá nhân một vẫn tự chủ. Sen vừa là hoa vừa là quả gọi là *nhân quả đồng thời diệu*, là một minh họa khác cho thuyết nhân quả của Phật giáo. Nhờ tất cả các đức tính cao quý đó mà sen gắn gũi Đức Phật, biểu thị được ý Phật.

Đạo Phật truyền vào Việt Nam cũng làm phong phú thêm cho ý nghĩa biểu tượng của hoa sen đối với người Việt. Hành trình của hoa sen đi từ thiên nhiên đến tiềm thức của con người để trở thành biểu tượng Phật giáo thật sự như một căn duyên. Cái căn duyên ấy chính là sự hòa quyện giữa những đức tính tốt đẹp của một loài thảo mộc với tâm tính con người khi được làm cho nhu nhuyễn bởi giáo lý nhà Phật. Cũng cái căn duyên ấy đã khiến người Phật tử Việt Nam sử dụng hoa sen làm biểu tượng cho niềm tin và sự tinh tấn của mình trên con đường vươn tới đạo giải thoát... Cũng như đạo Phật, sen là biểu tượng của sự cao quý giữa cuộc đời, hình ảnh của chơn tâm thanh tịnh đồng thời cũng là khát vọng vươn đến cái chân thiện cao đẹp muôn thuở của con người. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đăng Duy (2001), *Văn hóa tâm linh*, NXB Văn hóa thông tin.
2. Pháp sư Tuệ Luật (Minh Đức dịch) (2006), *Phật giáo với nhân sinh*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
3. Hà Văn Tấn (1992), *Chùa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.



Như giọt nước lá sen

NGUYỄN LẠC

Kinh *Pháp Cú*, kệ số 336, nêu một thông điệp thoát sầu khổ thật nhẹ nhàng và thi vị:

*Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.*

Rất lạc quan và thi vị, ảnh dụ "giọt nước lá sen". Sầu muộn hay tâm khổ tâm ưu - cái điều tưởng như nặng nề khó buông bỏ lắm, cũng chỉ mong manh như giọt nước, nhanh chóng rơi khỏi tâm tư con người, như giọt nước

long lanh tuột khỏi lá sen! Nhờ đâu? Nhờ tu tâm. Nhờ tập cho cái tâm ngay thẳng, trong sáng, bớt ham muốn, bớt suy tính thiệt hơn, bớt vui buồn, bớt phản ứng yêu ghét. Nói cách khác, nhờ tập nhận ra sự thật "trở trêu" của hiện hữu mà cái tâm dần sáng ra, bớt quay cuồng, bớt vùn vẫy, trở nên thanh thản, không còn vọng động, không còn toan tính, không còn vui buồn hay phản ứng yêu ghét. Đạo Phật gọi như vậy là tu tâm, chiến thắng tự ngã, sự hàng phục hay chiến thắng ái dục. Cái tâm mà mỗi ngày không tu không tập thì ái dục có cơ hội xâm nhập,

giống như nước mưa xâm nhập vào ngôi nhà vụng lợp vậy. Nhưng nếu cái tâm ấy được tu tập thường xuyên thì ái dục không có cơ hội xâm nhập, giống như mưa không thể thấm vào ngôi nhà khéo lợp¹.

Ái dục hay còn gọi tham ái, là trạng huống khao khát thỏa mãn đối với mọi ham muốn dục vọng. Nó là gốc rễ của sáu muộn khổ đau và con đề trực tiếp của vô minh. Trạng huống ấy nảy sinh do sự giao tiếp giữa các giác quan và các đối tượng bên ngoài, biểu hiện qua hai tâm thái thỏa mãn và bất thỏa mà thuật ngữ đạo Phật gọi là tham (*abhiñjana*) và ưu (*domanassa*). Tham và ưu là hai trạng thái tâm lý phát sinh trong đời sống hằng ngày của con người, cơ bản do xúc (*phassa*) sanh tạo. Chúng ta sống ở đời chạm mặt với rất nhiều đối tượng khác nhau, cả vật lý lẫn tâm lý. Mắt chúng ta tiếp xúc với sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý suy nghĩ. Sắc thì có sắc khả ái và sắc không khả ái; thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng có hai mặt của chúng. Như vậy cả thế giới khách quan, tốt hay xấu, đều có mặt trong chúng ta. Chúng ta thường thức về mỹ miều của thế giới nhưng đôi lúc chúng ta cũng chịu cảnh âm ảm của cuộc đời. Tham (*abhiñjana*) là trạng thái ham muốn, đắm đuối nảy sinh do duyên các đối tượng khả ái, thích ý, hấp dẫn. Ưu (*domanassa*) là trạng thái phiền muộn hay buồn chán phát sinh do duyên các đối tượng không khả ái, không thích ý, không hấp dẫn. Hai trạng thái này hiện diện và chi phối hầu như toàn bộ cuộc đời chúng ta mà theo Phật giáo, chúng là pháp ô nhiễm, ác, bất thiện (*pāpakā akusala dhammā*) bởi chúng quấy rầy tâm tư và khiến nảy sinh khổ đau. Chúng là hệ quả của cái tâm ái luyến đeo bám vào các pháp (đối tượng của các giác quan), căn bản do vô minh hay do không hiểu rõ các pháp là duyên sinh, vô thường, vô ngã mà phát sinh.

Thông thường chúng ta sống ở đời biểu lộ bằng hai thái độ, yêu và ghét. Chúng ta yêu mến cái gì khả ái, thích ý, hấp dẫn và chán ghét cái gì không khả ái, không thích ý, không hấp dẫn. Cái gì chúng ta yêu mến, thích ý thì chúng ta khao khát, mong muốn có được nó, chiếm hữu nó, cố giữ cho nó tồn tại mãi. Đó gọi là tham. Cái gì chúng ta chán ghét, không thích ý nhưng phải đối diện thì chúng ta sinh bức tức hay phiền muộn. Đó gọi là ưu. Như vậy, tham và ưu, yêu và ghét chỉ là các phản ứng của chúng ta đối với sự thật khách quan hay hiện tượng duyên sinh của cuộc đời. Chúng ta xem các phản ứng như vậy là "sống" và cố gắng chúng tỏ sự khôn ngoan của mình ở trong đó. Nhưng sự đời duyên sinh, biến đổi vô thường, mai nắng chiều mưa. Hoa có đẹp thì cũng sớm nở tối tàn. Đâu có gì bền chắc mà chúng ta phản ứng? Đạo Phật cho rằng sở dĩ chúng ta tỏ thái độ phản ứng, yêu hay ghét, vui hay buồn, trước mọi hiện tượng duyên sinh vô thường của cuộc đời ấy là bởi chúng ta không nhận rõ bản chất của chúng. Chúng ta yêu mến hay ghét bỏ cuộc đời bởi chúng ta không thấy được sự thật duyên sinh, vô thường, vô ngã của hiện hữu.

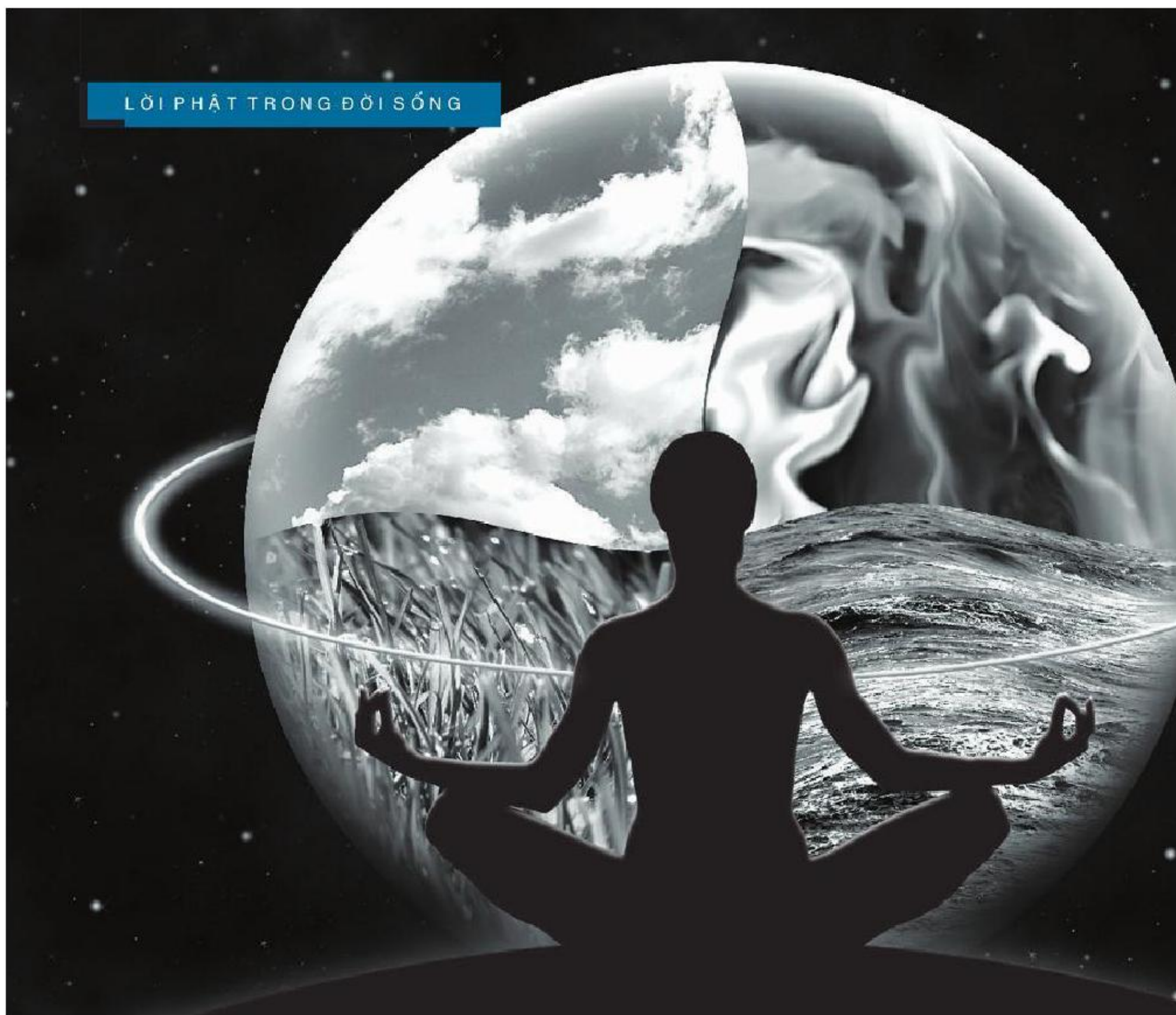
Sự đời được hay mất, tốt hay xấu đều bị cuốn trôi bởi quy luật vô thường. Chúng không tồn tại mãi. Nhưng do không hiểu hay không chịu chấp nhận sự thật vô thường của cuộc đời nên chúng ta tỏ thái độ phản ứng, yêu hay ghét, và chính điều này khiến chúng ta khổ đau. Cũng cần hiểu thêm rằng tham hay ưu, yêu hay ghét chỉ là phản ứng hai mặt của một thực tại tâm thức bị chi phối và trói buộc bởi tham ái. Chúng ta yêu mến hay chán ghét cuộc đời bởi chúng ta quá luyến ái cuộc đời. Yêu quá mà không được như ý muốn thì sinh phiền muộn. "*Ái luyến sinh sầu ưu*"² là thế. Kinh *Trung Bộ* kể rằng có chàng thanh niên kia ái luyến một cô gái; do quá ái luyến cô gái nên khi trông thấy người mình yêu đứng ngồi cười nói vui vẻ với một người đàn ông khác, chàng kia liền sinh tâm bức tức, phiền muộn, đau khổ.³ Đoạn kinh nêu một tình huống rất thường tình ở đời nhưng để nói lên rằng khổ đau hay phiền muộn phát sinh do tâm ái luyến. Từ đây, luận đề giải thoát sáu muộn nêu tiếp trong bản kinh là, nếu chàng thanh niên kia không ái luyến cô gái thì sự kiện bức tức, phiền muộn, khổ đau không nảy sinh⁴. Thật đơn giản nhưng khó làm!

Khó làm thì mới tập. Đạo Phật là con đường thực tập. Rõ ràng phải thực tập xem xét và thức tỉnh nhiều lần và lâu bền về tính chất bất toại của hiện hữu thì cái tâm tham ái mới được khắc phục. Các bậc Thánh đã chiến thắng tự ngã nhìn cuộc đời bằng con mắt giải thoát. Họ đã thu thúc lục căn và chứng nghiệm cuộc đời – vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly các pháp ở đời – bởi họ đã thực tập phương pháp quán niệm nhiều lần và lâu bền đến độ thuần thực. Tâm của họ không còn dính mắc hay bị trói buộc bởi sự kiện hơn thua, được mất, xấu tốt của cuộc đời. Họ đã chiến thắng lòng tham hay sự ái luyến. Thánh giả Sàriputta, người đã chứng ngộ sự thật cuộc đời nhờ thiền quán, phát biểu: "*Con mắt không bị trói buộc bởi các sắc, các sắc cũng không trói buộc con mắt, nhưng chính lòng tham hay sự ái luyến do duyên mắt và các sắc là sự trói buộc. Cũng vậy, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và cảm xúc, ý và các pháp*"⁵.

Như vậy, dưới cái nhìn của các bậc giác ngộ thì con người không bị trói buộc bởi cuộc đời, cuộc đời cũng không trói buộc con người, nhưng chính cái tâm ái luyến hay sự phản ứng yêu ghét của con người trước mọi hiện tượng sinh diệt của cuộc đời mới trói chặt người ấy vào vòng luẩn quẩn khổ đau. Nói cách khác, người ta có thể thoát khỏi mọi phiền muộn khổ đau ngay trong cuộc đời này, nếu biết điều phục lòng tham hay chiến thắng ái dục. ■

Chú thích:

1. *Pháp Cú*, kệ số 13-14
2. *Kinh Pháp Cú*, kệ 213
3. *Kinh Devadaha*, Trung Bộ
4. *Kinh Devadaha*, Trung Bộ
5. *Kinh Kotthika*, Tương Ưng Bộ



Nhận diện khổ đau

TRALEG RINPOCHE

Đạo Phật rất chú trọng đến *dhukka*. *Dhukka* là từ Phạn ngữ, được đa số người dịch thành *suffering* trong Anh ngữ, có nghĩa là sự đau khổ. Nhưng *dhukka* là một khái niệm bao hàm nhiều nghĩa. Nó không chỉ có nghĩa là đau khổ theo cách hiểu thông thường của chúng ta. Con người trải nghiệm sự khổ dưới nhiều hình thức. Có loại khổ liên quan đến nỗi đau khổ rõ rệt và đơn giản nhưng còn có những hình thức khổ khác không làm người ta thực sự cảm thấy khổ sở chút nào. Nhiều khi chúng xuất hiện với chúng ta dưới hình thức lạc thú của hạnh phúc giả tạm.

Một số nỗi khổ có thể tránh được, có những thứ khổ không thể tránh né và chúng ta cần phải hiểu sự khác nhau giữa hai loại.

Nhiều người đã nghe nói đến Bốn Chân lý Cao cả (Tứ Thánh Đế) trong đạo Phật. Thực ra, cao cả chính là con người nhận thức đầy đủ bốn chân lý ấy. Người nào đạt đến sự hiểu biết đầy đủ về khổ và cách đối phó thì có thể gọi là người cao cả.

Phẩm chất cao cả đó phát sinh không phải từ sự trốn chạy đau khổ mà nói đúng hơn là từ sự hiểu biết đầy đủ về Khổ đế. Trước hết chúng ta chấp nhận thực tại khổ đau



dưới mọi hình thức – chúng ta không chối bỏ nó. Sau đó chúng ta có thể đi đến chỗ đánh giá cao tính chất tạm gọi là “cứu rỗi” của khổ đau như thế nào. Chúng ta không mong cầu đạt giác ngộ *bất chấp khổ đau*. Chúng ta dụng công để đạt giác ngộ *bởi vì khổ đau*.

Có rất nhiều điều chúng ta có thể học tập từ kinh nghiệm khổ, vốn là đặc điểm của toàn bộ vòng đời duyên sinh, bánh xe luân hồi gây ra bởi thói quen chấp thủ của chúng ta. Có thể là điều không vui khi nghe nói cuộc đời tràn ngập khổ đau, nhưng chỉ vì chúng ta cảm thấy bất mãn hay đau đớn, các lạc thú của chúng ta không kéo dài, các giấc mơ của chúng ta biến thành ác mộng, điều ấy vẫn không có nghĩa đời sống chúng ta hóa ra vô nghĩa.

Bao lâu chúng ta còn bị đắm trước hay vướng mắc vào cảnh giới luân hồi, bám víu vào một phiên bản cố định của thực tại, chúng ta còn trải nghiệm nhiều hình thức đau khổ. Nhưng chúng ta không cần phải trải nghiệm như thế. Những hình thức khổ đau đó có thể tránh được.

Đạo Phật dạy cho chúng ta biết rằng nếu chúng ta tu tập thái độ đúng đắn và có khả năng nhìn vào chính bản thân, nhìn vào những hướng sống, sở thích và những mô hình thói quen thì chúng ta có thể giảm thiểu và cuối cùng, loại bỏ những hình thức khổ đau có thể tránh được.

Lẽ dĩ nhiên có những hình thức đau khổ khác mà chúng ta không thể tránh nếu chưa đạt được sự giác ngộ đầy đủ hay viên thành Phật quả. Các đau khổ mà chúng ta tự chuốc lấy do tâm vọng động của mình sinh ra thì có thể tránh khỏi, còn những hình thức khác như già, bệnh, chết thì không thể tránh.

Một khi chúng ta đã chấp nhận rằng chúng ta có thể gặp những hình thức khổ có thể tránh thì giải pháp gồm hai phần: Nhìn vào các nguyên nhân gây khổ và tìm phương cách để giảm trừ hay chặn đứng nó. Khi chúng ta nhìn vào nguyên nhân của khổ chúng ta không chỉ thuần túy truy tìm nguồn gốc của sự đau khổ. Chúng ta còn phải nhìn kỹ vào những tâm trạng, thói quen và những thái độ tạo ra những gì mình cho là những giây phút hỷ lạc hay mãn nguyện. Một trong những điều hiểu biết sâu sắc mà đạo Phật mang lại cho chúng ta ấy là chúng ta không thể tin tưởng vào những trải nghiệm tức thời để biết chúng ta đang được an lạc hay khốn khổ. Trên bề mặt ta cảm thấy vui hay mãn nguyện hoặc mọi sự có vẻ dẫn đến thất bại buồn rầu nhưng những cảm nhận ấy chưa hẳn phản ánh đúng thực trạng. Chúng ta cần phải nhìn sâu hơn nữa.

Theo lời dạy của Đức Phật, chúng ta có thể phát hiện tính chất vô ngã vô thường của vạn pháp quanh ta làm phát sinh bất hạnh và đau khổ. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là sự cảm nghiệm vô thường vô ngã chính nó là đau khổ hay nguyên nhân trực tiếp gây ra đau khổ. Chúng ta ngộ nhận thông điệp của Đức Phật khi nghĩ rằng vạn pháp vô thường vô ngã hay không có cái ngã bền vững làm phát sinh đau khổ. Những thực tế cơ bản này không phải đích thực là nguồn gốc của khổ.

Khổ sinh ra không phải do chính vạn pháp hay do bản chất vô ngã của chúng. Nói đúng hơn, tâm của chúng ta bị vô minh che mờ nên cứ nghĩ rằng hạnh phúc trường cửu có thể đạt được qua những gì phù du tạm bợ. Đó là lý do tại sao chúng ta được chỉ dạy đi tìm giác ngộ hoặc đạt niết bàn. Chúng ta phải ổn định tâm chúng ta vào cái gì bất biến. Thông thường, ổn định tâm vào cái bất biến có tác dụng làm tâm an tĩnh, ngoài ra nó còn đưa đến một trạng thái cho phép ta am hiểu cái phù du tạm bợ với tâm thái xuất phát từ một cái nhìn sáng suốt hơn, một tâm thái không tìm kiếm hỷ lạc chân thường từ những thứ mang bản chất vô thường vô ngã. Thực hiện điều đó, bạn có thể biến đổi bản thân thành con người cao cả.

Nếu không có Khổ đế và Tập đế, sẽ không có Diệt đế và cũng không có Đạo đế. Không đế cao những mặt tiêu cực của kiếp người, trái lại đạo Phật trình bày một bức tranh rất đầy đủ của thân phận làm người. Đạo Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ những hiểm họa lẫn cả những hứa hẹn của nhân tính. Chúng ta tập trung chú ý vào đời người, không phải vì

đạo Phật chẳng quan tâm đến các hình thức sống khác, mà nói đúng hơn là vì đạo Phật, dưới mọi hình thức và trong mọi truyền thống của nó, đã chọn con người là thứ quý nhất. Hiện thân làm người được xem như một chiếc xe tối ưu chúng ta có thể dùng và vận dụng một cách hiệu quả trên cuộc hành trình hướng đến giác ngộ. Theo giáo lý cao siêu của Đức Phật, định mệnh của chúng ta nằm trong chính tay ta. Đó là điều chúng ta có thể thấy khi hiểu đúng Khổ đế một cách đầy đủ. Chúng ta có thể tiếp tục ngụp lặn trong khổ đau và khổn đốn hoặc có thể sáng kiến bắt tay làm một việc gì đó, như là tu tập đạo pháp. Điều này giúp chúng ta nhìn thấy được bản chất sự của sự việc xảy đến với ta, một phần trong cuộc sống thường nhật.

Giáo lý đạo Phật cho thấy rất rõ chúng ta không nên kỳ vọng luân hồi là niết bàn. Nghĩ như thế là chối bỏ chân lý cao cả thứ nhất và đó là điều nhầm lẫn lớn nhất. Điều đó hoàn toàn không hợp lý. Là người học Phật, chúng ta được chỉ dạy phải nhìn thấy một cách trung thực điều gì khả hữu và điều gì bất khả. Bài học đầu tiên của chúng ta là phải biết kiếp luân hồi không mang lại tất cả những điều nó hứa hẹn... Chúng ta phải thừa nhận các dục lạc tạm bợ chỉ là dục lạc tạm bợ, không có gì hơn. Bao lâu không nhận ra điều đó, chúng ta không chấp nhận Chân lý Cao cả thứ nhất và sự không chấp nhận này chỉ tạo thêm sự bất bình, nản chí. Quả thật, chúng ta cảm thấy thất bại trong nỗ lực xóa tan khổ đau.

Luân hồi là cảnh trần ai. Khổ đau tràn ngập trong cõi luân hồi. Tuy nhiên phần lớn khổ đau chúng ta có thể tránh. Chỉ cần biết uốn nắn tâm thức, ta có thể đối mặt với các nỗi đau đớn thân xác, buồn khổ tinh thần với quyết tâm và dũng khí mạnh mẽ hơn. Ta có thể không lấy làm buồn khi kẻ khác nói xấu mình, có thể không sợ hãi vì những điều người ta nói về mình. Khi cảm thấy mất mát hay buồn phiền, chúng ta có thể không bị những cảm xúc áp đảo, làm ta tuyệt vọng hay buồn lòng nản chí. Chúng ta cũng có thể biết làm thế nào để không tạo thêm đau khổ bằng cách chấp nhận những nỗi khổ không thể tránh là già, bệnh, chết. Cố làm ra vẻ trẻ trung hơn, người ta không trở thành trẻ hơn. Giả vờ bệnh tình của mình không trầm trọng chẳng làm cho hết bệnh. Làm ra vẻ không phải sắp chết trong khi bạn đang dở sống dở chết cũng sẽ không đưa đến một đời sống bất diệt. Ngoài những hình thức khổ này thuộc về đời người, còn có những hình thức khổ không thể tránh trong môi trường chung quanh như động đất, sóng thần, lụt lội. Cũng có khổ đau do nghịch cảnh như rớt máy bay hay tai nạn xe hơi. Có những hoàn cảnh vượt ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Cố tìm cách kiểm soát chúng là cách đưa ta đến với khổ đau.

Lạc thú cũng lắm khi là nguyên nhân tạo khổ. Chúng ta thích thú ngồi sưởi nắng nhưng một lúc sau cũng thấy trở nên khó chịu. Ngồi lâu có thể dẫn đến rộp da và đến cả ung thư da. Chúng ta hưởng lạc thú khi ăn những món ngon nhưng ăn đi ăn lại hoài cùng một thứ có thể làm ta hết thú vị. Và các thói quen ăn uống của chúng ta còn

có thể dẫn đến những chứng bệnh trong người. Có thể chúng ta nghĩ rằng chúng ta ham ghiền lạc thú bởi vì nhận thấy đối tượng mê say đem lại thú vị. Nhưng khi đã ghiền thứ gì thì chẳng còn thú vị chút nào.

Mặc dù trong tư cách làm người, chúng ta khổ đau, chúng ta cũng không phải chịu khổ không mục đích hay ý nghĩa. Chân lý Cao cả thứ nhất cho chúng ta thấy ý nghĩa của đau khổ. Những trải nghiệm đau đớn có thể dạy chúng ta nhiều điều. Đạo Phật xem đời như một trường học, ở đó ta có thể học hỏi từ những trải nghiệm đau đớn của chúng ta. Việc học tập này không theo đường lối ấu trĩ càng ngày càng xoáy sâu vào những trải nghiệm khổ đau của chúng ta và trở nên day dứt với chúng rồi than vãn, đến độ chúng trở thành những tình cảm bức xúc ôm kín trong lòng. Ở đây, học là vận dụng những trải nghiệm đau khổ của chúng ta – chân lý khổ đau – với tinh thần quả cảm và bình tĩnh và từ đó làm bản thân chúng ta trở nên mạnh mẽ hơn, chín chắn vững vàng hơn.

Giáo lý nói đến đạo pháp như là một vị thuốc chữa lành mọi bệnh tật của chúng ta. Tuy là một vị thuốc, đạo pháp không phải là vị thuốc có tác dụng cắt cơn tạm thời. Không giống như ta uống thuốc Prozac để trị trầm cảm. Đạo pháp có tác dụng điều trị bệnh mãn tính. Pháp sẽ không ngăn chặn các triệu chứng cũ của chúng ta thỉnh thoảng tái phát, nhưng qua cách hấp thụ đúng đắn chất giải độc chữa bệnh do đạo pháp cung cấp, chúng ta có thể dần dần khắc phục những phiền não dài hạn. Pháp là phương thuốc giải độc chữa trị đau khổ nhưng khổ đau sẽ không biến mất trong một sớm một chiều. Chân lý cao thượng thứ tư – Đạo đế – cho thấy rõ điều đó.

Chúng ta phải đi theo con đường trị bệnh và đi trọn vẹn. Việc này phải mất thời gian. Có thể lúc mới khởi hành chúng ta kỳ vọng được chóng thoát khỏi đau khổ trong kiếp luân hồi. Khi chưa đạt được mong muốn đó có thể chúng ta đâm ra thất vọng, bức mình hoặc phản uất, thậm chí có thể ta thán hay thóa mạ đạo pháp. Chúng ta không thể tiêu hóa vị thuốc mạnh đạo pháp bằng chỉ một liều duy nhất, nhưng khi điều trị bản thân dần dần từng bước, khả năng của chúng ta hấp thụ đạo pháp tăng lên. Sau đó chúng ta có thể dùng – và phải dùng những liều thuốc càng mạnh hơn. Làm được điều này, chẳng mấy chốc chúng ta có thể thấy công hiệu thực sự và năng lực chữa trị của đạo pháp. Pháp là phương thuốc mạnh nhất đối trị khổ đau.

Châu Văn Thuận dịch
(theo *Shambhala Sun*)

Traleg Kyabgon Rinpoche đã được giáo dục theo truyền thống bởi một vị hóa thân Lạt ma Tây Tạng (Tulku) và cũng đã hấp thụ nền giáo dục toàn diện của phương Tây. Ông đặc biệt quan tâm môn Tâm lý học và ngành Tôn giáo Đối chiếu. Hiện nay ông là Chủ tịch và nhà lãnh đạo tinh thần của Viện Phật học Kagya-E-Vam ở Melbourne (Úc) và Viện Nghiên cứu E-Vam tại miền Bắc tiểu bang New York.



Tâm thức đau khổ

PHILLIP MOFFITT

Phillip Moffitt là thành viên của Hội đồng các Giáo sư Kiên Trì (*Spirit Rock Teachers' Council*) đồng thời là sáng lập viên và Chủ tịch Viện Quân Bình Cuộc Sống (*LifeBalance Institute*). Ông giảng dạy về phương pháp thiền Vipassana và hành động có ý thức tại các trung tâm ẩn tu trên khắp nước Mỹ. Bài viết sau đây trích từ một quyển sách mới xuất bản của ông Khiêu vũ với cuộc đời: Tìm kiếm Ý nghĩa và Niềm vui trong Sự Đối mặt với Khổ đau (*Dancing With Life: Finding Meaning and Joy in the Face of Suffering*).

Giáo lý về Tứ diệu đế của Đức Phật khởi đầu bằng lời huấn thị cho rằng nếu ta muốn đạt được tự do, ta phải hiểu biết và trải nghiệm đầy đủ xem cuộc đời của chúng ta bị bện dệt và bị quy định bởi khổ như thế nào, nghĩa là những kinh nghiệm tâm thức của chúng ta về sự bức dọc, lo lắng, đau đớn, khủng hoảng, bất ổn, thiếu thốn, thất bại, và thất vọng, mỗi kinh nghiệm ấy đều được cảm thấy là nỗi khổ trong tâm thức. Giáo lý ấy thường được nói tới với danh từ "Khổ đế".

Đức Phật nhận diện ba loại khổ: nỗi khổ của sự đau đớn về thân xác và tâm trí; nỗi khổ của sự thường xuyên biến đổi; và nỗi khổ về bản chất duyên sinh của cuộc đời, vốn tạo nên một loại áp lực và sự bất an hiện diện thường trực, ngay cả trong những thời khắc vinh quang nhất.

Loại khổ thứ nhất là nỗi khổ hiển nhiên gây nên bởi sự khó chịu về thân xác, từ một sự đau đớn nhỏ nhất do sự va vấp của một ngón chân, bởi cơn đói, bởi sự mất ngủ, cho đến nỗi khổ sở của một chứng bệnh kinh niên. Nó cũng là nỗi khổ của cảm giác xuất hiện vào lúc ta trở nên thất vọng vì sự việc không diễn ra theo ý ta, hoặc ta hoang mang trước sự bất công của cuộc đời, hoặc lo lắng về tiền bạc hay về việc phải đáp ứng sự kỳ vọng của người khác. Hằng ngày, ta đều có vô số kinh nghiệm làm cho ta chán nản, lo âu, căng thẳng... từ việc bị kẹt xe đến việc quên hoàn tất một công việc quan trọng cho tới việc làm mất lòng một người mà ta yêu mến trong lúc tranh cãi. Có phải đúng vậy không? Về các vấn đề như tình yêu, gia đình, công việc, và lòng tự tin... phải chăng ta không có kinh nghiệm về hàng loạt những cảm xúc tiêu cực như thế từng lặp đi lặp lại mãi?

Bên cạnh nỗi khổ mà ta có kinh nghiệm với tính cách là hậu quả của các biến cố đau đớn, tạo chấn thương và làm lo lắng, còn có một loại khổ thứ hai mà bạn thường phải đối đầu một cách đều đặn. Đó chính là sự khổ gây nên bởi một thực tế là cuộc đời vốn thường xuyên thay đổi. Chẳng phải là thường thường, ngay cả những khoảnh khắc mà ta cảm thấy hạnh phúc trong đời sống cũng tan biến hầu như ngay lập tức? Một điều gì đó thật sự tốt đẹp xảy ra trong công việc, hoặc vợ chồng bạn đang thưởng thức một buổi sáng thân thiết trên giường ngủ, hoặc bạn vừa chia sẻ một nụ cười quý giá với đứa con trai, và rồi tất cả vỡ lẽ hết! Thế là xong! Ngay bấy giờ, bạn lại đang băn khoăn về một hạn chót, hoặc đang vật lộn với một vai trò đáng chú ý khác của mình, hoặc đang đối phó với những nhu cầu của đứa con, và toàn thể những cảm giác thoải mái ấy được thay thế bởi sự lo âu, sự mệt mỏi và sức nặng của trách nhiệm. Thực tế, không một khoảnh khắc nào xác thực vì khoảnh khắc kế tiếp luôn luôn bám theo sát gót. Điều đó giống như một cuộc bắn phá liên tục của sự biến đổi làm xói mòn mọi trạng thái hạnh phúc. Tâm thức chẳng bao giờ tìm được một chỗ để ngồi lại thưởng thức cuộc đời mà không có sự sợ hãi. Phải chăng sự nghịch lý nằm ở chỗ điều thường hằng duy nhất trong đời bạn là sự thay đổi?

Giống như bất kỳ một người nào khác, bạn luôn luôn làm bất kỳ điều gì có thể làm được để kéo dài, để củng cố, và để tăng thêm số lượng những khoảnh khắc dễ chịu trong cuộc sống của mình, nhưng chẳng có điều gì có hiệu quả một cách nhất quán. Luôn luôn có một khoảnh khắc trở ngại tiếp theo. Bất kể bạn cố gắng tới mức nào để tự làm khuây (và có thể bạn là một trong số những người có nhiều tài năng trong việc tạo ra sự khuây khỏa), hệ thống thần kinh của bạn vẫn cảm nhận được cái vũ điệu biến đổi ấy, ngay cả khi bạn không nhận thức rõ điều

đó, và nó gây đau khổ, thường là còn đau khổ hơn vì bạn đang cố không thêm biết đến nó.

Chắc chắn là bạn cảm nhận được sự đau đớn, sự bối rối, và sự căng thẳng, rằng cái dòng thay đổi bất biến ấy luôn đem lại cho cuộc đời bạn, với mỗi một khoảnh khắc đáng ưa là một khoảnh khắc kế tiếp đáng chán. Những hàm ý của vấn đề thật là rộng lớn: Hằng ngày bạn vẫn đưa ra từng chọn lựa một trong bối cảnh ấy. Bạn không thể thoát khỏi điệu vũ liên tục ấy. Đó chính là sự thật phổ quát và lạnh lùng của cuộc sống. Không một ai trong chúng ta – ngay cả những người giàu có nhất, khôn ngoan nhất, nhiều quyền lực nhất – có thể giành được quy chế miễn trừ. Mọi người đều cảm nhận sự đau đớn, mọi người đều sẽ mất người thân, mọi người đều bệnh hoạn, và mọi người đều phải chết.

Hơn nữa, hàng ngày, ngay cả trong những lúc thanh thoi vui thú, phải chăng chúng ta không cảm nhận một sự bất an về tương lai? Tâm thức băn khoăn lo lắng đó chính là một biểu hiện cho hình thức đau khổ thứ ba mà Đức Phật đã chỉ ra – tính không thỏa mãn vốn có của cuộc đời do bản chất không bền vững của nó. Ngay cả khi bạn là một kẻ may mắn về phương diện sức khỏe thể chất và tinh thần, và ngay cả bạn được sống trong một môi trường an ninh nhờ có những tiện nghi vật chất, cuộc đời của bạn vẫn đầy dẫy những yếu tố bất trắc. Bệnh hoạn, tai nạn, sự đổ vỡ về tình cảm, sự suy thoái về kinh tế, và cái chết thường xuyên ẩn nấp quanh quất đâu đó. Phải chăng những đe dọa đó không làm cho bạn cảm thấy lo âu và thiếu an toàn?

Trong cuộc sống trưởng thành, đã bao lần bạn trải nghiệm trạng thái buồn nôn và chán ngán dẫn xuất từ cảm giác vô nghĩa về cuộc sống của mình? Hãy nghĩ về tất cả những cơ hội ấy khi bạn cảm thấy như thể bạn đang bỏ phí cuộc đời mình, hoặc bạn chỉ đi qua cuộc đời ấy như một kẻ mộng du, hoặc vì bạn không sống với một ý thức chân thành sâu sắc nhất của chính mình. Hãy ghi nhớ những lần mà bạn cảm thấy trong những điều mà bạn làm hàng ngày có quá ít những điều thật sự có ý nghĩa lâu dài. Vào một thời điểm nào đó trong cuộc đời, chúng ta đều trở thành những con mối của những giai đoạn tối tăm hầu như không thể chịu đựng nổi, đầy hoang loạn và bị thất bại của sự tự ngờ vực chính mình và sự dầy vò hết sức sinh động.

Điều mà Đức Phật chỉ ra cho chúng ta là nỗi khổ vốn là một trải nghiệm của tâm thức. Ngài không ban tặng cho chúng ta sự khuây khỏa trước nỗi đau khổ. Ngài ban tặng cho chúng ta sự khuây khỏa từ khả năng phản ứng tâm thức cực độ vốn gây ra cho chúng ta nỗi khổ ấy. Thoạt đầu, điều đó nghe có vẻ xa lạ, nhưng thật ra, nhận thức ấy thích ứng với những căn nguyên tư tưởng phương Tây về sự đau khổ. Chúng ta chỉ đã đánh mất sự kết nối với căn nguyên tư tưởng ấy mà thôi. Những nhà minh triết cổ xưa của chúng ta đã biết cuộc sống đầy khó khăn, và họ cũng đã phát hiện rằng có một sự khác biệt giữa sự đau khổ của cuộc đời và phản ứng của chúng ta với sự đau khổ ấy.

Lâm Hạnh Nhiên dịch
(theo Shambhala Sun)



Nước Từ Bi

TSOKNYI RINPOCHE

Cái thấy đúng đắn, chân thật là cái thấy về sự hợp nhất không thể phân ly giữa tánh Không và Từ bi. Sự điên đảo khởi lên khi một điều gì đó có vẻ như vậy mà lại không như vậy, giống như việc nhận lầm sợi dây thừng là một con rắn. Đó là một sự lầm lẫn rõ ràng vì hiển nhiên sợi dây thừng không phải là con rắn.

Làm sao để có được cái thấy đúng đắn và chân thật đó? Chúng ta có vô số niệm tưởng, cái này tiếp nối cái kia, vận hành trong tính chất nhị nguyên của chủ thể và đối tượng. Khi chủ thể đeo đuổi hay nắm bắt đối tượng,

thì điều đó là cái mà chúng ta gọi là tâm hay tâm thức. Khi có sự bám víu chủ-khách này thì nghiệp phát sinh. Khi nghiệp phát sinh thì liền có điên đảo.

Cái luôn luôn tìm bắt đối tượng đó là cái chúng ta cần khám phá. Thật sự nó là cái gì? Hãy nhận diện một cách rõ ràng và trực tiếp cái gì đang khởi lên. Điều đó cũng đơn giản và trực tiếp như bật sáng một ngọn đèn. Thay vì chạy theo niệm tưởng cái này tiếp nối cái kia, hãy để một khoảnh khắc cho phép tâm nhận ra chính nó. Khi đó, không còn cái gì để nhìn thấy ngoài một sự mở toang. Bản chất của tâm là rỗng không, rộng mở và tự do.

*Cái tâm bận rộn, chấp trước này,
Luôn luôn đeo bám sự việc bên ngoài,
Hãy cho nó một phút nghỉ ngơi để nhìn ra chính nó.
Trong phút giây nhận ra đó,
Tâm này sẽ trở nên rộng mở,
Tự do, và không giới hạn.
Cái đó được gọi là tánh Không.
Đồng thời, có một sự nhận biết chắc chắn rằng nó là
rỗng không.
Cái đó được gọi là tánh biết.
Tánh không và tánh biết của tâm vận hành cùng lúc.
Chúng không phải là hai thứ riêng rẽ.
Trong thực tế, chúng không thể phân ly.
Cái đó được gọi là vô ngại.
Biết ba thứ này cùng một lúc –
Tánh không, tánh biết, và tánh vô ngại –
Đó được gọi là thấy.*

Theo đó, có được cái thấy là biết rằng cùng một lúc, tâm
rỗng không trong bản thể mà thức giác trong bản tánh.

Bản thể ví như mặt trời. Tánh của mặt trời là tỏa sáng,
tạo sức ấm và chiếu ánh sáng. Cũng vậy, chúng ta cần
phân biệt giữa tâm và bản thể của tâm. Bản thể của tâm
có đủ ba tính chất. Thể của nó là rỗng không, tánh của nó
là thức giác, và lượng của nó là vô biên hay vô ngại.

Phật tánh là tính chất cơ bản của mọi sự vật. Đó là trạng
thái tự nhiên, không do Đức Phật hay chúng sanh nào tạo
ra. Đó là chân lý cứu cánh. Dù Đức Phật có xuất hiện hay
không xuất hiện, bản tánh của sự vật vẫn là bản tánh của
sự vật. Đức Phật là người nhận ra điều chân thật, điều thật
sự hiện hữu. Nếu muốn giác ngộ, chúng ta cũng chỉ cần
nhận ra điều chân thật đó.

Nền tảng cơ bản đó có thể được nhận ra qua sự tu tập.
Chúng ta tiếp xúc với cái đã sẵn có để khởi đầu. Khi còn

bị đánh lừa và còn đang trên con đường tu tập, chúng ta
không thấy cái đó như chính nó. Chúng ta lẫn nó với một
thứ gì khác, như dây thừng mà nhìn ra con rắn. Chúng ta
cần vượt qua sự điên đảo tạm thời đó.

Để vượt qua những trạng thái điên đảo trên con đường
tu tập, chúng ta cần có nhận thức, thiền quán và giới luật.
Khi thấy được cái tâm tự nhiên, chúng ta bắt đầu thấy
được một mảng nền. Càng làm quen với cái thấy đó,
chúng ta càng thấy rõ hơn, cho đến khi chúng ta thấy
được toàn thể cái nền.

Do đó, nội dung sự tu tập gồm có ba phương diện:
thấy, hoàn thiện cái thấy, và ổn định trong cái thấy đó.
Chúng ta cần làm cho sự điên đảo không còn nữa. Khi
tiếp xúc bằng mắt, hãy làm cho sự điên đảo không còn.
Khi tham thiền, hãy làm cho sự điên đảo không còn. Khi
thực hành giới luật, hãy làm cho sự điên đảo không còn.
Khi mọi sự điên đảo hoàn toàn được dọn sạch, chúng ta
có thể gọi đó là kết quả.

Khi chưa biết hay chưa thể nghiệm được sự không
phân ly giữa tánh Không và Từ bi, chúng ta khó đi hết
cuộc đời một cách êm thấm.

Hình dung một cặp vợ chồng chung sống trong hạnh
phúc và thương yêu. Rồi một ngày, người vợ nghe được
giáo pháp, yêu mến giáo pháp và có một sự hiểu biết về
tánh Không. Người vợ nhận ra rằng không có gì trên đời
này có bản chất vững bền, mọi sự vật đều không có nền
tảng chân thật, đều không có bản thể. Đối với cô, mọi sinh
hoạt trước kia - những tiệc tùng, sắm sửa v.v... không còn
ý nghĩa gì nữa. Và cô bắt đầu sống khép mình, ngưng mọi
sinh hoạt đó.

Từ một một điểm nhìn, điều mà người vợ suy nghĩ là sự
thật. Mọi sự vật trong thực tế đều không có bản thể.

Trong khi đó, người chồng lại nghĩ: "Vợ mình đã thay



đối. Có thể mình làm điều gì sai chăng? Có thể nàng có một tình nhân mới chăng?”. Và khi người chồng để nghị những cuộc đi chơi, người vợ đều từ chối... Người chồng bắt đầu cảm thấy không vui, hai người bắt đầu mâu thuẫn và rồi đưa đến đổ vỡ...

Vấn đề ở đây là tuy người vợ có một mức độ hiểu biết nào đó về tánh Không nhưng không có đủ tâm Từ bi. Nếu có tâm từ bi hơn, cô sẽ nhận ra rằng mặc dù có những sự việc có thể không có ý nghĩa, nhưng không cần thiết phải bị loại trừ. Chúng có thể không có ý nghĩa đối với mình, nhưng có thể quan trọng đối với người khác. Nếu biết mở lòng và có tâm từ bi, người vợ sẽ cảm thấy vui vẻ khi tạo niềm vui cho người khác dù những việc đó đối với cô là không có ý nghĩa. Có thể cô sẽ còn tích cực hơn trước kia khi thực hiện những việc đó. Đó là phong cách của Đại thừa.

Sự không thể phân ly giữa tánh Không và Từ bi có nghĩa là hai cái đó chỉ là một. Chỉ hiểu về tánh Không và về sự không ý nghĩa của sự vật một cách tổng quát cũng chưa đủ. Điều đó có thể làm cho chúng ta trở nên ích kỷ và lãnh đạm. Nếu chỉ hiểu tánh Không một chiều, nghĩ rằng “Các sự vật đều không có ý nghĩa và không có gì liên quan đến mình,” chúng ta cũng sẽ bị dẫn đến thái độ không quan tâm đến những điều có liên quan đến người khác. Chúng ta có thể nói rằng “Tôi sẽ chỉ ngồi đây và tham thiền bởi vì như thế tôi sẽ có niềm vui. Tôi không quan tâm đến việc gì khác”.

Từ bi mà không có sự hiểu biết về tánh Không thì dễ trở thành chấp trước. Ngược lại, hiểu về tánh Không mà không có từ bi thì trở nên ích kỷ, một chiều và hạn hẹp. Để tránh những mối nguy đó, điều rất quan trọng là hiểu về sự duy nhất giữa tánh Không và Từ bi. Cái tâm trần trụi hiện diện trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta là cánh cửa cho sự hợp nhất của tánh Không và Từ bi.

Cánh cửa này bị khóa kín do sự chiếm ngự của dòng niệm tưởng chạy qua không ngừng. Nhưng nếu chúng ta bắt được chỉ một khoảng cách giữa một niệm với niệm kế tiếp, chúng ta liền có thể nhìn thấy cái tâm trần trụi hàng ngày, sự tỉnh thức tự tại. Bấy giờ cánh cửa mở ra ngay ở đó, để từ bi và tánh Không hiển lộ trong sự hợp nhất. Đó là khoảnh khắc vô tận.

Những tính chất trí tuệ của tâm giác ngộ – trí tuệ thấy được bản tánh bên trong một cách như thật và trí tuệ phân biệt mọi sự vật – hầu như không ngớt bị ngăn chặn do những niệm tưởng mà chúng ta tạo ra. Những niệm tưởng này trong thực tế chỉ có nền tảng tạm thời; trong bản chất chúng là thời gian. Khi chúng ta nhận ra được những khoảng cách trong dòng niệm tưởng này, những tính chất nội tại của trạng thái giác ngộ bắt đầu tỏa sáng.

Khi ngã không còn bám víu vào niệm tưởng, từ bi sẽ hiện ra trong sự thể nghiệm đó. Từ bi chân thật không bị hướng dẫn và không nương tựa trên ý niệm. Từ bi chân thật chỉ có được khi thể nghiệm tánh Không.

Dĩ nhiên, chúng ta cũng có thể cảm thấy từ bi ngay bây giờ. Tuy nhiên, từ bi đó không phải là từ bi chân thật, nó luôn luôn pha trộn với những khung niệm tưởng. Trong

cái từ bi pha trộn đó, thường chúng ta cảm thấy một khoảng cách nào đó giữa chúng ta và người khác. “Tôi ở đây, và chúng sanh ở chỗ kia. Tôi cao cả hơn họ. Họ là những kẻ đáng thương. Họ cần sự giúp đỡ, vì vậy tôi phải giúp họ”. Đó không phải là từ bi chân thật.

Tánh chất của Tâm là tỏ rõ, một tính chất giác ngộ tự nhiên. Từ bi xuất hiện từ đó. Từ bi này không nhắm đến một người hay một số người đặc biệt nào. Trong từ bi đó không có ý niệm về “chúng sanh khác,” nhưng vẫn ân cần hướng đến những chúng sanh khác chưa nhận ra bản tánh của tâm. Từ bi ở đây là lòng thương xót những chúng sanh không nhận biết rằng bản tánh của mình vốn là hoàn toàn giác ngộ, và vì không nhận biết nên bị đánh lừa tự giam hãm trong luân hồi. Cách vươn ra bên ngoài này có thể được gọi là từ bi vô niệm, từ bi chân thật. Từ bi đó không nhất thiết phải giống như trạng thái giác ngộ hoàn toàn của Đức Phật. Nhưng nó là dấu hiệu của một hành giả đi trên con đường tu tập, một hành giả thực thụ.

Tuy nhiên, chưa nhận ra bản tánh của tâm, không có nghĩa là không thể có từ bi chân thật. Còn có một con đường từ bi hữu niệm. Đó là cái khung của tâm thức trong đó người Phật tử coi người khác quan trọng hơn mình. Thông thường chúng ta coi mình quan trọng hơn kẻ khác. Khi chúng ta bắt đầu có cái nhìn cho rằng người khác là quan trọng hơn mình, khi đó chúng ta có lòng từ bi chân thật mặc dù vẫn còn ý niệm.

Khi nhận ra bản thể của tâm, một cảm nhận về sự tỉnh thức và tự do lớn lao xuất hiện, khi đó chúng ta có kinh nghiệm về lòng từ bi chân thật. Có một sự nhạy cảm tự tại, không tùy thuộc vào điều kiện, một sự nhạy cảm sâu xa. Sự buồn phiền theo nghĩa bị đè nén không còn, nhưng có thể có một trạng thái buồn do nhạy cảm, đồng thời với chút niềm vui. Không phải buồn cho bản thân. Cũng không phải buồn cho một người đặc biệt nào đó. Cái đó giống như sự thấm đẫm của nước trái cây, như một trái táo thấm đẫm với nước táo.

Cũng vậy, sự mở ra của tánh Không được thấm đẫm với nước ngọt Từ bi. Việc nhận biết bản tánh rỗng không này một cách rõ ràng liền mở ra một niềm tin vững chắc. Niềm tin này có một mùi vị.

Khi mặt trời lặn ở phương Tây, nếu chúng ta bước ra bên ngoài và ngồi xuống, hướng về phía mặt trời đang lặn, một cảm giác từ bi sẽ khởi lên một cách dễ dàng, tự phát. Đó là thứ tự do với một chút vui, một chút nhạy cảm, một chút buồn. Tất cả đều tự đến. Nếu chúng ta không hoàn toàn mở rộng và tâm không được giải phóng khỏi những điên đảo, nỗi buồn nhẹ nhàng này sẽ không được cảm nhận một cách chân thật, ngay cả không được nhận biết.

Từ bi mà không ý thức được về tánh Không dễ trở thành bám víu chấp trước. Ngược lại, hiểu về tánh Không mà không có Từ bi sẽ trở nên ích kỷ, một chiều, và hạn hẹp. Khi ngã không còn bám víu vào niệm tưởng, từ bi sẽ hiện ra trong sự thể nghiệm đó.

Thị Giới dịch (từ Tricycle)

TIẾNG CHUÔNG NGÂN, NƠI TUỔI THƠ TÔI ĐI QUA

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Tiếng chuông chùa xứ Huế vang lên trong buổi chiều mưa hơi se lạnh làm tan biến biết bao điều phiền não. Lòng người lâng lâng và hơi đượm buồn. Không phải vì Huế buồn thơ mộng mà vì tôi chợt nhớ đến tiếng chuông chùa làng Bắc Bộ.

Nhớ mùi hoa dại trắng ngần mê mẩn lẫn mùi hương khói, mùi hoa ngâu nồng nàn thành kính. Đặc biệt nhớ những buổi cùng bạn bè đông trang lứa tham dự “vỗ nê” giữa sân chùa rồi ngổm ngoàm cùng ăn những thứ vớ được. Thật là một cảnh không thể quên trong cuộc đời!

Mỗi ngôi làng Bắc Bộ đều có một lai lịch khá độc đáo, hấp dẫn, gắn liền với quê hương và tình đời nơi hạt lúa củ khoai chân chất mộc mạc nuôi sống con người lớn lên, để rồi khi đi đâu người ta cũng phải nhớ nhung da diết:

*“Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao”.*

Tôi sinh ra và lớn lên trên vùng đất đồng bằng chiêm trũng xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Nay dù đã xa quê hương nhưng những kỷ niệm một thời thơ ấu trong tôi vẫn còn mới lắm, nồng nàn lắm... Đặc biệt là những kỷ niệm về ngôi chùa Cầu quê hương tôi...

Không biết ngôi chùa nằm cuối làng tôi đã trải qua bao mùa mưa nắng rồi mà cổ kính trầm mặc vô cùng. Chùa không to, được xây dựng theo kiểu chuôi vồ có ba gian phía trước và hậu cung phía sau. Ẩn mình dưới bao nhiêu cội si, cội đa già khiến không khí như được thanh lọc và u tịch. Bước vào không gian ấy dường như đầu óc mình tê tê, quên đi mọi phiền muộn. Những cảm giác này không phải ai cũng có mà phải đạt đến một độ tuổi nào đó mới có thể cảm được!

Ngày xưa, khi chúng tôi ra chùa chơi thì cũng chỉ biết đây là nơi các bà, các mẹ hay đến thắp nhang cầu khẩn chứ thực sự chưa có cái cảm giác của một người đã ít nhiều bước ra cuộc đời lắm cảnh lo toan. Chính vì vậy mỗi lần hẹn nhau ra chùa vào ngày có lễ đợi vỗ nê lũ chúng tôi còn vui hơn được may bộ quần áo mới mặc tết.

Cái thời thơ ấu đại hồn nhiên đến nỗi trèo cây vườn chùa mà không sợ sệt. Đứa nào đứa nấy rúc rích khắp vườn nhặt hoa dại rụng chơi trò đi chợ bán hàng... Vườn chùa, sân chùa, và cả ngôi chùa hình như đã thân thuộc với tôi từ đấy.

Thình thoảng một hồi chuông đóng lên, tiếng mõ, tiếng cầu kinh của các bà, các mẹ như đưa hồn người đến với cõi Phật, cõi của yêu thương chia sẻ. Tình làng nghĩa xóm cũng vì thế mà thắt chặt hơn và cây đa giếng nước, sân đình, sân chùa dần dà trở thành biểu tượng văn hóa của quê hương, của tình người ở mỗi ngôi làng Việt!

Đang nô đùa, tự nhiên một đứa ngược mắt nhìn vào sân rồi reo lên:

– “Có nê rồi, có nê rồi chúng mày ơi!”

Không đứa nào chịu thua, bỏ đấy bao nhiêu thứ “hàng hóa trẻ con”, ủa vào như đàn ong vỡ tổ. Các bà, các mẹ vừa lễ mễ khiêng mấy cái nia bánh trái, hoa quả, khoai luộc, oản, bỏng gạo... ra giữa sân vừa nói:

– “Từ từ, từ từ kéo ngà chứ!”

Những thứ lộc ở trong nia đó sau khi cúng cho thập loại chúng sinh xong được người ta gọi là “nê”. Các cụ già quan niệm rằng đồ cúng này không được để nguyên mà phải cắt nhỏ hay bẻ ra làm nhiều phần, đặc biệt người ăn các thứ ấy phải là lũ trẻ con, càng đông, càng nhộn nhạo thì càng nhiều linh hồn không nơi nương tựa được hưởng thụ lộc Phật.

Mấy nia “nê” vừa đặt xuống đất, cả lũ trẻ nhào vô. Đứa vỗ, đứa ôm, đứa trên, đứa dưới ầm ĩ cả một góc chùa. Thật là một cảnh trần thế! Ngày đó tôi là đứa nhỏ con nhất trong bọn nên nhiều lần bị chúng bạn đè cho “hoa mắt hoa mũi”, cuối cùng đành phụng phịu đứng dậy vì chỉ vỗ được một hai miếng chuối không còn lành lặn. Nhưng tôi cũng không lo, vì vỗ nê chỉ là hình thức cho buổi cúng thập loại chúng sinh được hoàn tất chứ sau buổi lễ, các già trong chùa lại đem lộc ra phân phát đều cho cả lũ trẻ nên khi về ai nấy đều có phần.

Sau mỗi lần vỗ nê, ngôi chùa lại trở về trạng thái yên ả như xưa, có thể nghe được cả tiếng gió thổi qua tán lá bồ



để, tiếng lá khô xào xạc bị gió cuốn nơi cuối sân. Làn khói hương vẫn tỏa nghi ngút qua mấy ô cửa sổ.

... Nhiều lần tôi được đến thăm những ngôi chùa nổi tiếng ở Huế, cho dù đó không phải là ngôi chùa cổ quê tôi, không có cảnh vồ nẻ nữa song cũng cho tôi nhiều cảm giác thư thái, bởi đó vẫn là cội nguồn của những điều thiện mà con người Việt Nam dù ở đâu cũng muốn hướng tới.

Giữa xứ Huế, tôi như vẫn nghe được tiếng chuông trong và ấm của ngôi chùa Cầu quê tôi. Và khói hương vẫn lan tỏa nghi ngút qua từng ô cửa sổ! ■



Nhân sinh

trong tiếng đại ngàn

TRẦN VĂN HẠC

Đấy là cảm nhận của nhiều người khi được thả hồn trong sự hài hòa, cộng sinh đến tuyệt vời âm thanh của hệ thống nhạc cụ của người Thái Tây Bắc. Nhạc cụ của người Thái Tây Bắc gồm bộ gõ, bộ dây và bộ hơi: Trống, chiêng, chũm chọe, quả nhạc, các loại pí, khèn bè, đàn tính. Trong đó tiêu biểu nhất là bộ gõ và bộ hơi. Mỗi khi những âm thanh của những nhạc cụ này vút lên, người nghe như cảm nhận được sự sâu xa, tinh tế và huyền diệu của đất trời cùng tình người đầm lắng.

Nhạc cụ gõ của người Thái Tây Bắc gồm trống, chiêng, chũm chọe và quả nhạc. Bộ gõ này có vai trò rất quan trọng trong đời sống nghệ thuật và tâm linh. Bộ gõ là vật linh thiêng của mỗi bản, mường, không bao giờ được để mất, không để kẻ thù chiếm đoạt, không được đổi chác mua bán.

Việc chế tác bộ gõ được tiến hành với những bước rất nghiêm ngặt: Cúng tế xin phép thần linh, cầu mong thần linh cho phép, chứng giám và phù hộ rồi tiến hành ở nơi kín đáo, sạch sẽ. Khi chế tác xong phải cử hành lễ tế trang trọng và cất giữ ở nhà sàn hoặc gian thờ tổ tiên của trưởng bản hoặc người có chức sắc và chỉ được dùng trong dịp tết hoặc lễ cúng xên bản, xên mường... Người Thái cho rằng nếu dùng trống chiêng tùy tiện sẽ có hại cho bản mường.

Trống có hai loại "cống" và "cong". Thông thường "cống" hay được dùng trong hội xuân, lễ cúng bản mường; còn "cong" dùng khi chủ mường qua đời hoặc khi có giặc, báo động... Tang trống dùng cây gỗ tròn được đục bỏ lõi, thường là gỗ xằng hoặc mít. Tang dài 0,8 - 1 m, mặt có đường kính từ 30cm đến 50 cm, bịt bằng da trâu bò, âm thành trầm và gấn.

"Cong" là loại trống dài từ 1,5m đến 3 m, mặt bịt da bò,



có đường kính từ 50cm đến 70cm, âm thanh trong hơn, vọng rất xa. Khi chế tác tang trống, để có âm thanh như ý, các nghệ nhân cạo nhẵn bên trong và mặt ngoài chứ không dùng sơn.

Chiêng và chũm chọe được chế tác công phu, đặc biệt là rón chiêng. Để có âm thanh mong muốn, xưa các nghệ nhân pha thêm vào đồng một tỷ lệ vàng, bạc theo công thức bí truyền và dùng búa nhỏ tạo một hệ thống điểm nhấn lốm trên bề mặt chiêng một cách chính xác.

Chiêng có âm thanh trầm được gọi là "tò me", tức là con mái, chiếc có âm thanh cao gọi là "tò po", tức là con trống, chiếc có âm thanh ở khoảng giữa gọi là "tò lự" tức là con con.

Chũm chọe gọi là "xánh", chũm nhạc là "mắc hính".

Chiêng có thể dùng riêng, hoặc phối hợp cả ba loại tạo ra một hợp âm độc đáo mà các nhà nghiên cứu cho rằng đậm đà ý nghĩa nhân sinh, mang một khát vọng phát triển và trường tồn của dân tộc.

Thường là đàn ông đánh trống, đàn bà đánh chiêng, trẻ em dùng chũm chọe, con gái trẻ dùng quả nhạc tạo ra những âm thanh sôi động, lôi cuốn lòng người. Nghe những âm thanh tinh tế bộ gõ của người Thái, người ta như cảm nhận được sự giao hòa của đất trời, tình người cùng vạn vật, ngân rung bay bổng khát vọng một cuộc sống sinh sôi, phát triển, ấm no, hạnh phúc, làm cho tâm hồn người trong sáng hơn, thêm tin yêu vào cuộc sống, hướng mỗi người đến giá trị đích thực của Chân - Thiện - Mỹ.

Nghe tiếng trống, chiêng, người ta có thể biết ở bản Thái ấy đang có việc vui hay buồn: Nghe tiếng trống nhịp 2/4 theo kiểu 3 tiếng cùng với 7 tiếng, tiếng chuông gõ trên con mái và con trống rơi vào nhịp mạnh, tiếng của con con rơi vào nhịp nhẹ của trống, thì chắc chắn rằng ở đó có hội xòe. Còn khi nghe tiếng "cong" dồn dập 3 tiếng hoặc 5 tiếng là có việc khẩn cấp như: Cháy nhà, có lũ bão, có giặc... Các quả nhạc cùng phụ trợ cho lời hát và các điệu xòe làm tăng sự vui tươi, sôi động, rộn ràng bay bướm.

Bộ gõ nói chung và chiêng trống nói riêng là những nhạc cụ không thể thiếu của người Thái Tây Bắc, góp phần làm cho đời sống nghệ thuật thêm phong phú, đồng thời còn chứa đựng những ý nghĩa tâm linh và nhân sinh cao cả, gửi gắm vào đó cả tình yêu, tình thần lạc quan tin tưởng vào cuộc sống no ấm, hạnh phúc.

Bộ hơi gồm các loại pí (sáo) và khèn bè, riêng pí có tới 7 loại: Pí pặp, pí lè, pí sên, pí ló, pí thiu, pí tốt, pí rạ. Đây là những loại sáo dọc, dùng lưỡi gà bằng đồng hoặc tre, nửa... Trong đó đứng đầu là pí pặp - nhạc cụ của tình yêu. Song nói tới bộ hơi phải nói tới khèn bè, bởi đây là nhạc cụ chủ đạo trong bộ hơi của người Thái Tây Bắc và là biểu tượng độc đáo của nền âm nhạc Thái.

Với 14 ống nửa tép (mạy pao) được ghép lại thành từng đôi trên một bầu cộng hưởng bằng gỗ thùng mực (mạy mực), nghệ nhân dùng 12 lỗ bấm đối xứng và khoét các lỗ thoát hơi trên các ống nửa với các kích cỡ khác nhau ở các vị trí thích hợp. Một trong các kỹ thuật khó nhất là xử lý các lam đồng, từ độ dày, độ dài tới độ bóng bề mặt. Với năm cung và một quãng tám, khèn bè có thể diễn tả được hầu hết các điệu dân ca, nhạc hiện đại và làm nền cho các điệu dân vũ và múa hiện đại. Bởi vậy khèn bè luôn có vị trí xứng đáng trong đời sống nghệ thuật của người Thái và cả trong các tiết mục sân khấu.

Điều thú vị là ở khèn bè Thái có những âm thanh sóng đôi như: Lả - lá, hai nốt rế, hai nốt son, đố - đố, phà - phả... mà các nghệ nhân gọi là "pò mề" - tức là bố mẹ. Bởi vậy mỗi khi tiếng khèn bè cất lên nghe da diết sâu lắng như lời tâm tình yêu đương cháy bỏng của những đôi trai gái. Dù đó là điệu "Báo xao" - trai gái; "Sài peng" - tình tự; "Lòng tông" - qua cánh đồng; "Han nê" - ở đây, tại đây, ngụ ý tự hào - điệu khắp chỉ có ở Mường Lò, trong hội xuân chơi hang Thẩm Lẻ... hay đệm cho các điệu xòe. Triết lý âm dương, sự sinh sôi phát triển của cuộc sống được thể hiện vô cùng tinh tế... Bởi vậy khèn bè khi kết hợp với bộ gõ, các loại pí... đem lại một hiệu quả vô cùng to lớn, những âm thanh như tiếng của đại ngàn, của đất trời và tình người huyền diệu, trải bao năm tháng, sống mãi với thời gian.

Có thể nói hệ thống nhạc cụ của người Thái Tây Bắc là tinh hoa văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, được chắt lọc từ thực tế cuộc sống, không chỉ đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật âm nhạc dân tộc, mà còn gửi gắm vào đó nhận thức về vũ trụ, nguyên lý âm dương, khát vọng sống ấm no, hạnh phúc tự bao đời. ■



Tạm biệt Maitrigita

PADMAKETU

Câu chuyện do tác giả Padmaketu kể lại, cô đã chăm sóc người bạn của mình, Maitrigita, trước khi cô ấy chết vì căn bệnh ung thư.

Khi tôi nghĩ về người bạn của mình, Maitrigita, lòng quyết tâm và ý chí của cô ấy luôn là những điều đầu tiên xuất hiện trong tâm trí tôi. Khi cái chết kề cận, từ cô luôn tỏa ra sự mềm mại, tình yêu thương và lòng biết ơn vô bờ. Cô là một giáo viên dạy yoga tận tụy, có kỷ luật và biết tự kiểm soát; việc thực tập yoga đã giúp cô rất nhiều để chịu đựng các cơn đau do căn bệnh ung thư mang lại. Tôi đã không thể quên được cảnh tượng hai ngày cuối cùng trước khi chết, hình ảnh cô ấy oằn mình nôn thốc nôn tháo trong bồn nhà vệ sinh.

Đã một năm trôi qua kể từ ngày Maitrigita qua đời, gần Essen ở Đức, do căn bệnh ung thư bùng phát. Lúc đó cô 47 tuổi. Trong hồi tưởng của tôi, tôi có thể nhớ lại rõ ràng lúc tôi thử nằm lên chiếc giường bệnh để hiểu được cảm giác của Maitrigita khi cô ở trên đấy. Nhìn ra bên ngoài qua những ô kính của thấy toàn là bầu trời, có cây tiêu huyền thật lớn phía sân sau và một trạm phát

thanh khổng lồ ở phía xa. Từ phía sau, có thể nghe thấy tiếng nước bắn tung tóe từ chiếc vòi nhỏ mà chúng tôi làm giúp. Trên bệ cửa sổ bên trái có để tấm hình hai người bạn thân của cô là Dharmapriya và Kulanandi, chính giữa cửa sổ là một bàn thờ được bài trí đơn giản có hình Đức Phật A-di-đà phủ đầy hoa hồng đỏ, một bức ảnh giáo viên của cô ấy, thầy Shangharakshita, và một cây bồ đề nhỏ phía bên trên. Có một vài đĩa nhạc cổ điển, vài đĩa giải thích văn học Đức do thầy Shangharakshita giảng cùng một chiếc kệ xếp đầy sách tiếng Đức và tiếng Anh.

Chắc chắn là trong những ngày tháng cuối đời mình, Maitrigita không thể nghe hay đọc những tác phẩm cô đã chọn lọc này. Vì lẽ đó, khi Maitrigita qua đời, bên cạnh những người thân của cô đến xung quanh, những thứ đồ dùng thân thiết ấy của cô cũng được mang đến bên cạnh. Tôi không thể biết cô ấy đã cảm thấy ra sao khi nằm trên chiếc giường này. Chỉ có thể đoán rằng khi cơn đau đến, hẳn là cơ thể sẽ trở nên yếu đuối hơn bao giờ hết. Nếu tôi

có thể dễ dàng ra khỏi chiếc giường này thì đối với cô ấy, công việc này quả thật không đơn giản.

Maitrigita đã thực tập đạo Phật với Tổ chức Thân hữu Phật tử Quốc tế hơn 15 năm qua. Trong năm cuối đời, cô quyết định chuyển sang tu tập với một nhóm Phật tử nữ. Đây không phải là một quyết định dễ dàng đối với cô, khi cô phải từ bỏ thói quen sống tự do và thoải mái một mình, hay đó cũng không phải là sự thay đổi dễ chịu đối với chúng tôi, khi sẽ phải dành riêng một nơi để cô dưỡng bệnh. Nhưng rồi cuối cùng chúng tôi nhận thấy sự thôi thúc cần phải giúp đỡ, sau lần phát bệnh đầu tiên của Maitrigita, báo hiệu cô ấy sẽ không thể chiến đấu chống lại căn bệnh ung thư lâu hơn nữa. Chúng tôi đã hành xử như những người bạn, nhìn nhận điều này như một sự thực tập về tâm linh, dựa vào sức mạnh tập thể mà chúng tôi đã dày công gầy dựng hơn tám năm nay.

Khi Maitrigita chuyển đến, cô nhận thấy thật dễ dàng để từ bỏ căn hộ cũ của mình để bắt đầu nghỉ ngơi. Cô được hóa trị và hàng ngày chống chọi với căn bệnh ung thư ác nghiệt. Nhưng trong một đợt hóa trị không mang lại kết quả khả quan, trong vòng sáu tháng cô quyết định ngừng mọi sự điều trị. Cô đã sẵn sàng đối diện với cái chết. Từng là một phụ nữ biết tự kiểm soát, Maitrigita ngày càng đặt niềm tin nhiều hơn vào tình thương và sự tình thức. Khi đó, cô đã được kết nạp vào Tổ chức Thân hữu Phật tử Quốc tế, được đặt tên mới là Maitrigita, nghĩa là *"Bài hát về tình yêu"*. Buổi lễ kết nạp diễn ra tại trung tâm tu học Vimaladhatu thuộc Tây Đức. Tôi nhớ sự mạnh mẽ của cô lúc tìm cách băng qua con đường ngập tuyết để vào trụ sở trung tâm, khi chiếc xe không thể nào đi được nữa. Cô đã cố gắng hết sức để được gia nhập vào tổ chức, điều mà cô đã chuẩn bị trong rất nhiều năm. Và điều đó đã trở thành một trong những kỷ niệm hạnh phúc nhất trong cuộc đời cô.

Maitrigita lúc bấy giờ đã trở nên rất gầy gò, không ai biết cô ấy sẽ sống được bao lâu nữa. Bốn tháng cuối cùng của cô trở nên gấp rút và căng thẳng đối với tất cả chúng tôi. Maitrigita vẫn tương đối độc lập trong một thời gian dài. Cô có ý niệm rõ ràng về những thứ mình cần, làm cuộc sống vừa đơn giản vừa phức tạp. Các mong muốn của cô có thể thay đổi nhanh chóng, lúc bối rối, lúc bức bối. Đôi khi tôi cảm thấy vượt quá giới hạn của mình, thật khó để giữ được kiên nhẫn và tường tận về những gì là có thể hay không thể, muốn được tiếp tục yêu thương nhưng cũng cần một sự cảm thông bền vững. Lựa chọn duy nhất của tôi là an trú vào hiện tại càng nhiều càng tốt và để mọi chuyện xảy đến tùy duyên.

Maitrigita có thể nói là khá bí ẩn và kiệm lời. Cô ấy không nói chuyện nhiều và chúng tôi buộc phải lắng nghe chăm chú bởi cô có thể bất ngờ nói ra điều gì đó quan trọng mà không nhắc lại nữa. Tuy nhiên, thỉnh thoảng, trong khi đang xoa bóp cho cô ấy, chúng tôi tự nhiên nói chuyện với nhau thoải mái một cách không ngờ.

Đôi khi Maitrigita lại khá bướng bỉnh. Có một đêm

tôi thức giấc khi nghe cô ấy đang tìm cách xuống bếp. Vào giai đoạn này cô không thể ăn gì mà chỉ được truyền nước, nhưng cô lại đòi uống hai ly đầy nước táo ép. Thật vô ích để ngăn cô ấy bởi cô không thể cưỡng lại cơn thèm khát của mình. Rồi chúng tôi đã có một trận cười rủ rượi khi Maitrigita kể việc cô đã trải qua hàng giờ để đấu tranh với cơn thèm muốn mạnh mẽ mùi vị của nước táo, đến nỗi cuối cùng đành phải đầu hàng chúng. Tôi nhận ra cô ấy cũng đã cố gắng hết sức mình để kháng cự lại những ham muốn chứ không chỉ là một ý thích nhất thời.

Càng ngày Maitrigita càng hạn chế ngủ, có ba thành viên trong nhóm chăm sóc cô cùng ba phụ nữ khác giúp đỡ chúng tôi trực tiếp công việc nấu nướng và mua sắm. Tôi không tin trước đây chúng tôi đã từng cảm thông với nhau trọn vẹn và đầy đủ hơn khoảng thời gian cuối cùng đó, luôn mong muốn rằng chúng tôi sẽ gặp nhau càng nhiều càng tốt. Mặc dù tôi sẽ được nghỉ ngơi thoải mái sau khi Maitrigita chết, kinh nghiệm đầy căng thẳng này đã mang lại một bước tiến khác biệt cho sự thực tập tâm linh của chúng tôi.

Cái chết của Maitrigita đến nhanh hơn tôi dự kiến bởi tôi đã tiên lượng đến sức mạnh cơ thể và ý chí của cô. Theo tôi hiểu, đó là do khối u cản trở gây ra những hậu quả nghiêm trọng, kèm theo nôn mửa dữ dội trong những ngày cuối cùng. Chúng tôi đã không làm được gì nhiều ngoài tình yêu của chúng tôi dành cho Maitrigita, những toa thuốc phù hợp, và kiên nhẫn cam chịu những hạn chế và sự bất lực của chính mình.

Maitrigita có một mong muốn mạnh mẽ được chết ở nhà, vì vậy giải pháp đơn giản của chúng tôi là chỉ ở bên cạnh cô. Vào đêm bác sĩ dự đoán cô sẽ ra đi, chúng tôi, Dharmapriya, Kulanandi và mẹ của Maitrigita, thay phiên nhau chăm sóc. Đêm đó tôi ngủ rất ít và thức giấc bất kỳ khi nào nghe tiếng kêu rên từ phòng bên cạnh, những âm thanh thường xuyên mà qua đó, vào giữa trưa hôm ấy, bác sĩ dự đoán cô ấy chỉ có thể sống thêm được một ngày nữa.

Bạn của Maitrigita đến mỗi lúc mỗi đông thêm. Vào khoảng bốn giờ sáng, Taracitta và tôi mời mọi người ra khỏi phòng, để chúng tôi tắm rửa và mặc quần áo khô cho cô ấy. Tôi đề nghị nên cởi đồng hồ của cô ra, vì nó để lại một dấu đỏ trên da. Maitrigita luôn đeo chiếc đồng hồ này, vốn ngày càng trở nên rộng bởi tay cô ngày càng gầy, có lẽ nó giúp cô tự kiểm soát và để ra những kỷ luật trong cuộc sống của mình. Tôi tháo chiếc đồng hồ ra, và chỉ trong vòng một phút Maitrigita ngừng thở. Cô ấy đã ra đi lặng lẽ khi chúng tôi đang tắm rửa cho cô ấy, đến nỗi chúng tôi đã không lập tức biết được chuyện gì đang xảy ra. Chính Taracitta là người phát hiện đầu tiên *"Ồ, như thế cô ấy vừa rời khỏi chúng ta"*. Chúng tôi quyết định tiếp tục công việc lau rửa và mặc quần áo cho cô ấy trong im lặng trước khi thông báo cho những người khác biết.

Không khí của nhóm Phật tử nữ vào ngày Maitrigita qua đời tự nhiên trở nên hài hòa và nhẹ nhàng một cách

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Bà Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giáy	: 33 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 16 cuốn/kỳ
Ô. Lương Trung Hiếu, Q.1	: 15 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 10 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Từ Uyên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Lê Chí Vũ	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lê Kiều Diễm	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Hồng Phúc-Xuân An, Q. BT	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Trắc	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai	
89 Nguyễn Thượng Hiền, BT	: 4 cuốn/kỳ
Cô Phan Thị Nguyên Thảo	
Cty Unilever	: 4 cuốn/kỳ
Chị Thanh	
298 Lạc Long Quân, P.8, TB	: 4 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh	: 4 cuốn/kỳ
Chị Liên Hoàng, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Cô Minh Hương, Q. PN	: 2 cuốn/kỳ
Cô Lý Lạc Bích Ngọc, Q.12	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này : 335 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG:

(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



bất thường. Bầu không khí không nhiều bi lụy bởi sau khi Maitrigita chết, vào buổi tối mẹ cô đã có thể nấu ăn cho chúng tôi.

Cơ thể Maitrigita được đặt trong một chiếc quan tài gỗ kính tại Trung tâm Phật giáo Essen. Chúng tôi đã tổ chức một buổi lễ dành cho toàn cộng đồng Phật tử để tụng kinh cầu nguyện cho đến buổi trưa ngày hôm sau cũng như tụng kinh *Di Đà*, và sau cùng là những phần chính của tang lễ. Đối với tôi, điều làm người ta được nhắc nhớ chính là sự vui vẻ trong cuộc sống và những phẩm chất của họ. Khi cha của Maitrigita đứng dậy để cảm ơn mọi người, ông nói mặc dù rất khó khăn, ông rất vui mừng khi biết con gái mình đã sống hạnh phúc. Giống như thể có một điều gì đó đang bắt đầu lành lặn trở lại. Chúng tôi cùng nhau đồng ca một bài hát của Gustav Mahler khi lễ tang kết thúc.

Sau lễ tang, Taracitta và tôi giúp sắp xếp một vài thứ trong quan tài, thân thể Maitrigita được quấn bằng vải trắng, xung quanh phủ đầy hoa sen hồng. Chúng tôi cũng đặt tất cả các tấm bưu thiếp với những lời chúc tốt lành bên cạnh cô, và đặt tấm thiếp của thầy Shangharakshita trên trái tim cô ấy. Sau đó chúng tôi đóng nắp quan tài và chuyển đến lò hỏa thiêu. Công việc cuối cùng này tôi đã làm thật tự nhiên trong toàn bộ những kinh nghiệm vừa qua của mình.

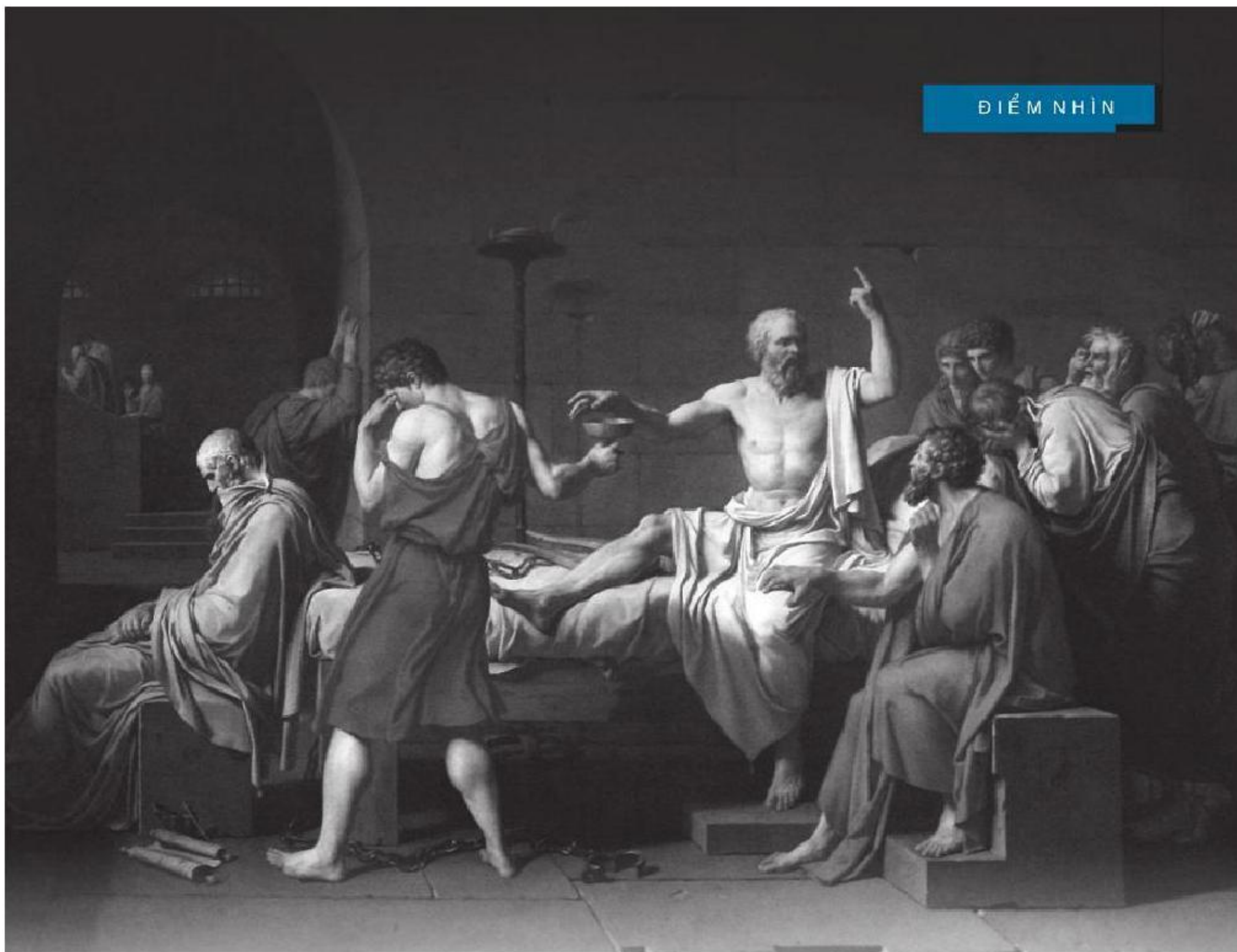
Đến giờ, tôi vẫn còn cảm thấy ngạc nhiên bởi sự tích cực và sẵn sàng của mọi người trong tang lễ. Maitrigita không phải là người đặc biệt dễ tính, nhưng cô ấy có nhiều phẩm chất đặc biệt, giúp chúng tôi có thể chấp nhận cô. Sau cái chết của cô, tôi biết cô ấy đã cố gắng nhiều đến thế nào trong một hoàn cảnh không thể lựa chọn. Liệu tôi có thể làm được như cô ấy không? Cô ấy quyết tâm phát triển chánh niệm, tình yêu và lòng từ ái, trong thời gian lâm bệnh, cô ấy trở nên nhẹ nhàng và kiên nhẫn hơn bao giờ hết.

Lòng biết ơn của Maitrigita cũng thật khác biệt. Cô ấy sẽ cảm ơn bất kỳ điều gì mà bạn đã làm, ngay cả khi đau buồn nhất. Cô ấy cũng sẽ thường xuyên dùng tên bạn để trực tiếp liên lạc với bạn. Cô ấy dám đưa ra những quyết định mà tất cả chúng tôi đều cảm thấy khó hiểu vào thời điểm đó, cho thấy một sự can đảm tuyệt vời trong quá trình đối mặt với đau đớn, sự sợ hãi bệnh tật và cái chết. Những điều này chính là một món quà tuyệt vời mà Maitrigita đã dành tặng chúng tôi.

Và tôi vẫn thật sự không hiểu chuyện gì đã xảy ra, cuộc sống và cái chết dường như quá bí ẩn. Từ những bài học có được, tôi tin tôi đã học được cách chấp nhận mọi người như là chính họ, chấp nhận Maitrigita, gia đình, bạn bè và chính bản thân tôi trong mở phức tạp và cũng đầy mâu thuẫn. Chứng kiến cái chết của cô ấy đã giúp tôi chỉ nên biết là hãy yêu thương mọi người dù cho họ là ai.

Thuần Chơn dịch (theo Dharma Life)

Nguồn: <http://dharmafire.com/issue24/farewell.html>



Chén thuốc độc của Socrates

PHAM VĂN NGÀ

Đi tìm lương tâm công chính

Khi Socrates⁽¹⁾ thanh thản cầm chén thuốc độc, ông đã nói với các môn đệ của mình: *"Hãy cứ vui lên, các con chỉ chôn cái thể xác của Thầy"* để rồi nhẹ nhàng ra đi. Các môn đệ, trong đó có Platon, đã khóc và như họ nói họ không chỉ khóc vì mất đi Socrates mà là mất đi một vị tôn sư, hay nói đúng hơn, một tấm gương can đảm về một con người chân chính. Socrates đã dám là chính mình, trở thành bản mẫu chân lý tự thân theo cách mà Saint Augustine quan niệm: *"Làm cho chính mình trở*

thành chân lý". Để trở thành con người công chính, chính Socrates đã vinh danh một lối sống không mưu cầu danh lợi để gìn giữ lương tâm. *"Chịu đựng bất công còn hơn phạm sự bất công, khi đã phạm sự bất công thì đến bù tội lỗi hơn là không đến bù tội lỗi"*. Quan niệm ấy có vẻ tiêu cực chăng? Thật ra đó là một quan điểm tích cực và cấp tiến không chỉ ở thời đại mà ông đang sống mà còn có giá trị đến hôm nay vì nói như Platon *"Công chính là mẹ đẻ của mọi đức hạnh"* hay *"Người nào nhận thức được lẽ công bằng thì mới đánh giá sự việc được"*.



Phẩm chất ấy phải có ở mọi người, từ cậu học sinh cho đến nhà lãnh đạo. Một bác sĩ giỏi phải có y đức thì mới chuyển năng lực chuyên môn của mình vào từng mạch máu tế bào bệnh nhân khi chữa bệnh. Một giáo viên giỏi luôn đối xử công bình đối với học sinh và chuyên tâm truyền đạt kiến thức mà không tính toán đến sự phân biệt học sinh có học thêm lớp riêng của mình ngoài giờ hay không.

Đạo đức nghề nghiệp là những gì chúng ta đang kêu gọi hàng ngày khi các bác sĩ trở thành "trình dược viên" cho những hãng dược phẩm, các trường đại học trở thành nơi cung cấp các văn bằng "khó kiểm chứng" vì cơ sở nghèo nàn, giáo viên thiếu và yếu... mà gần đây đang khuấy động dư luận như các trường Đại học Hồng Bàng hay Đại học Phan Thiết... Các nhà kinh doanh chỉ biết tung ra thị trường hàng hóa mà không quan tâm đến sức khỏe người tiêu dùng như hàng nghìn tấn thịt "bẩn" đang trôi nổi qua các chợ... Rộng hơn, những dự án do những người chỉ biết lợi nhuận bản thân hay tập đoàn của mình đang gây tổn hại đến môi trường, cảnh quan, thiếu lương tâm công chính để nhìn nhận đánh giá sự việc như những dự án sân golf tràn lan khắp nơi. Chúng ta cảm thấy những khẩu hiệu trên đường phố nhắc nhở rất nhiều "Lương y như từ mẫu", "Lương sư hưng quốc" hay "Cán bộ là đầy tớ nhân dân"... dù đôi khi khá xa vời.

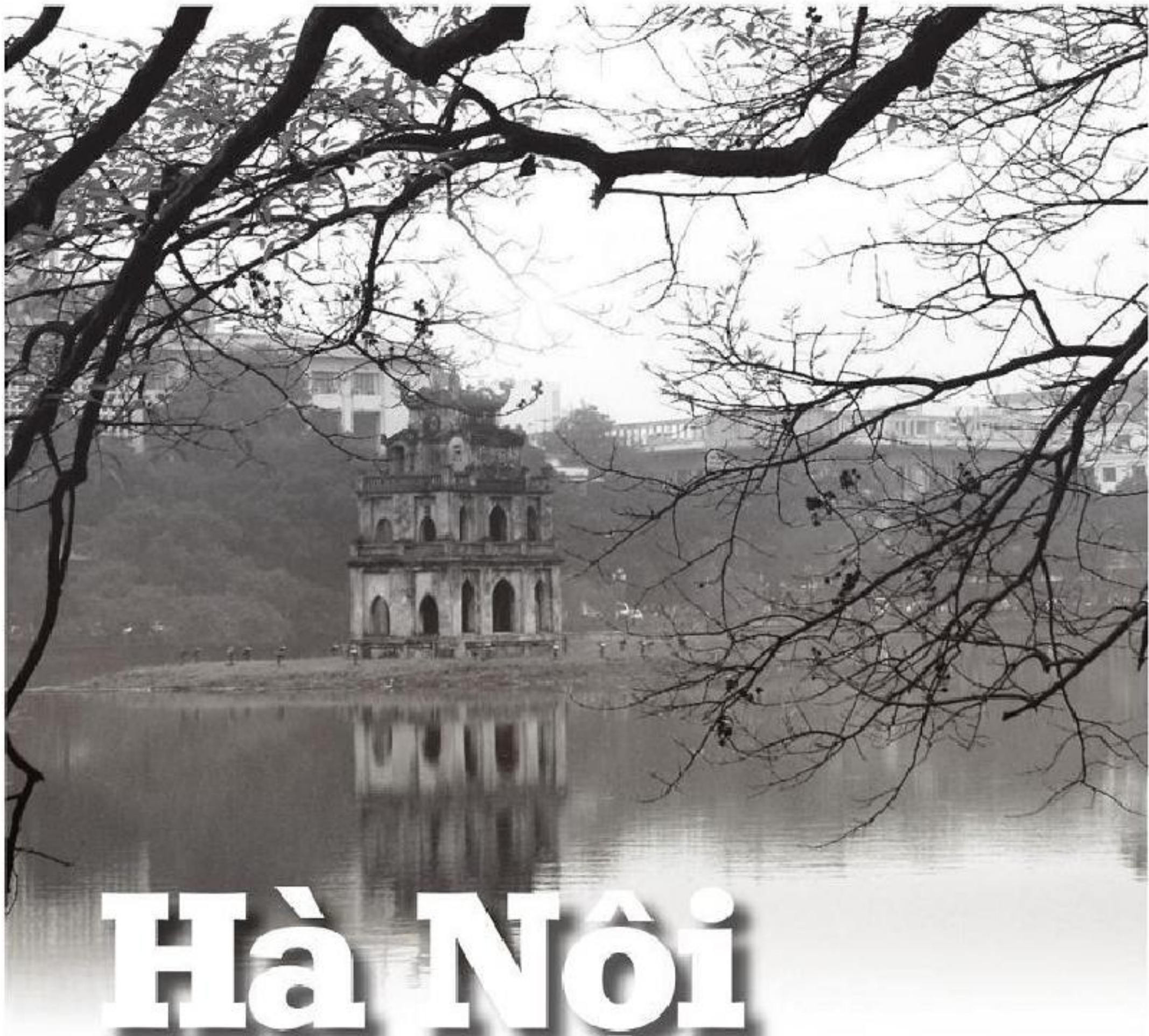
Socrates đòi hỏi người ta phải định nghĩa chính xác những điều mà quan tâm: Công bình là gì? Đạo đức là gì? Làm thế nào để thiết lập một nền đạo đức mới? Làm thế nào để cứu vãn tình trạng suy đồi của một quốc gia do các định chế dân chủ cực đoan gây nên? Chính vì đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi trên mà ông nhận lấy cái chết và đồng thời trở thành bất tử. Tuy vậy, ông lại chủ trương một nền đạo đức thực tiễn không dựa theo những giáo lý thần học mơ hồ. Con người tốt, theo ông phải là con người thông minh, đức hạnh và khôn ngoan, nhận thức được những quyền lợi chánh đáng, quán triệt luật nhân quả,

kể hãm được dục vọng để tránh cảnh hỗn loạn tự diệt vong và tiến đến một xã hội có kỷ cương. Tất cả tạo nên những yếu tính của một nền luân lý không dựa vào thần học hay những điều răn dạy của một đảng giáo chủ nào.

Hãy quay về chính mình

Để thiết lập nền đạo đức, với những chuẩn mực ấy, ta phải tự nhìn lại chính mình, từng người một "Đừng ngước lên trời tin tưởng thần linh, đừng cúi xuống đất mê hoặc theo duy vật, mà hãy tự ngó vào con người, chỉ tự tin vào con người. Khổ, đừng bảo vì chế độ xã hội bất lương, đừng bảo vì kinh tế bị lũng đoạn, mà hãy nhìn kỹ những nguyên nhân chính của nó: chính những ý nghĩ ác và hành vi ác, những ý nghĩ và hành vi muốn gây khổ cho nhau, duy trì một xã hội bất lương, chính do những ý nghĩ và hành vi ấy của con người mà con người tự chịu khổ quả" (Thích Trí Quang, *Tâm ảnh lục*). Đạo Phật dạy rằng con người phải chịu trách nhiệm đối với đau khổ và hạnh phúc của mình. Giá trị vô thượng của đạo Phật là ở chỗ con người tự kiến tạo nên hạnh phúc của chính mình. Chỉ có con người mới làm được điều ấy và gìn giữ lâu bền. Phải quay về quán chiếu lòng mình, dù đó là người công nhân hay một nhà lãnh đạo. Càng ở địa vị cao, càng phải cẩn thận trong những suy nghĩ của mình vì mình có quyền trên muôn người. Một kế hoạch sai, một quyết sách lầm có thể mang lại những hậu quả khôn lường cho bá tánh. Không một ai được nhân danh quyền lợi của nhân dân để đưa ra những quy định trái lòng dân hay hạ thấp nhân phẩm nhân dân vì đó chính là văn hóa cầm quyền. Văn hóa ấy lấy lương tâm công chính làm chuẩn mực kiến tạo nên một thứ luân lý đầy trách nhiệm và hướng thiện. Được như thế thì Socrates cũng sẽ mỉm cười thanh thản bên kia thế giới vì chén thuốc độc đã không thủ tiêu được công lý hay chân lý của những con người chính trực vẫn còn trên mặt đất này hôm nay vì những cuộc cách mạng đã, đang và sẽ diễn ra không ngừng trên quả đất ngày nào còn bất công và áp bức. Nói hơi cường điệu như một bậc hiền nhân: "Mọi cuộc cách mạng đều không đáng giá, nếu nó làm rơi máu chỉ một giọt nước mắt trẻ thơ". Và chúng ta mong nước mắt sẽ không còn rơi trên quả đất này! ■

⁽¹⁾ Chú thích của BBT: Socrates (469-399 trước Tây lịch) là một triết gia Hy Lạp cùng thời với Khổng Tử của Trung Hoa và Đức Phật Thích Ca của Ấn Độ. Ông là một nhân vật bí hiểm và, mặc dù không hề để lại một văn bản nào, được coi là một trong số ít triết gia đã làm biến đổi sâu xa nền triết học Tây phương. Theo Platon, người học trò thân cận nhất của ông và là một nhà tư tưởng lớn của triết học Tây phương, chính quyền Athens đã đưa ông ra xét xử về các tội làm băng hoại tư tưởng thanh niên Hy Lạp thời đó, phủ nhận các vị thần Athens và du nhập các thần linh mới; cuối cùng đã kết án ông phải tự tử bằng thuốc độc. Ông có nhiều cơ hội được giảm án nhưng từ chối và chấp nhận chết để giữ vẹn nhân cách mình.



Hà Nội như tôi thấy

CAO HUY HÓA

Từ nhỏ, dẫu chưa đặt chân tới Hà Nội, tôi đã yêu Hà Nội qua những trang văn, phần lớn của Tự Lực Văn Đoàn, viết về ba mươi sáu phố phường, về đường Cổ Ngư, về làng Ngọc Hà, ... về người Hà Nội thanh lịch, về những món ăn Hà Nội tinh tế, về những mối tình trai thanh gái lịch; và sau này, tôi thêm yêu Hà Nội qua *Mặt Hồ Gươm vẫn lung linh mây trời*, qua *bầy sâm cầm nhỏ vỗ cánh mặt trời*, ...

Tình cảm đó như tiếp nối một cách sâu xa trong tiềm thức từ nỗi nhớ mang mang về quê hương cội nguồn đối với mọi con dân Việt, ở khắp mọi miền đất nước, đến tận cùng Nam Bộ xa xôi: *"Từ thuở mang gươm đi mở cõi; Trời*

Nam thương nhớ đất Thăng Long". Hiển nhiên tôi vẫn mơ ngày đất nước hòa bình, thống nhất để được thấy Hà Nội và đất Bắc thân yêu.

Ngày đó đã đến, và tôi cũng đã đến Hà Nội vài lần, cách đây khá lâu, khi đi tàu hỏa, khi đi xe hơi, với tâm trạng khám phá hồ hởi, không chỉ Hà Nội mà cả làng mạc, phố xá, công trình hai bên con đường thiên lý. Lúc ấy, mọi nơi, mọi cảnh đều nghèo; và Hà Nội như lọt giữa thôn quê cực nhọc triền miên như bao năm vẫn thế. Nhưng khi sắp đến Hà Nội thì quang cảnh sáng dần, đẹp dần, và biết bao bồi hồi xúc động khi trước mắt là mặt hồ, là liễu rũ, là con đường nhỏ ven hồ, trong bình minh ửng hồng, mờ mờ sương khói.



Mới đây tôi lại có duyên may đến Hà Nội, lần này đi bằng máy bay. Tôi biết thêm Hà Nội trên con đường dài 40 cây số từ sân bay Nội Bài về thành phố. Xa rồi những quê nghèo, phố thị điêu hiu. Thay vào đó, bây giờ bao la hoành tráng không biết bao nhiêu công trình, từ đường sá mở rộng xe chạy vận tốc đến gần trăm cây số, đến cầu qua sông, cầu vượt ngạo nghễ băng băng tiến về phía trước, rồi công trình, xí nghiệp, cơ quan, cái thì hoàn thành vươn cao, cái thì lở dờ ngổn ngang. Hà Nội đang hăm hở xây dựng, cho xứng tầm với một lịch sử ngàn năm văn hiến và anh hùng.

Cũng như những lần trước, lần này tôi cũng chỉ ở lại Hà Nội vài ba ngày, không kịp nhớ hết phố phường nơi tôi đã đi qua, không nhớ nổi những con đường, những tên phố, cũng như chưa thâm nhập vào sinh hoạt văn hóa, thị hiếu, lối sống của người Hà Nội, chưa thăm nhiều những di tích, đền đài, phong cảnh, ... nhưng tôi vẫn giữ ấn tượng về một Hà Nội ngày nay.

Hà Nội đập vào mắt tôi là đường phố ào ào, nườm nượp xe cộ đủ loại, hùng hổ tiến bước, tranh nhau từng tấc đường, ai xông đến trước thì thắng, bất chấp trái phải, bất chấp xe lớn xe nhỏ. Không ai sợ ai, kể cả xe đạp đâm ngang qua xe hơi, kể cả người đi bộ băng qua đường một cách nhón nhợ. Vấn đề trầm trọng thêm là mọi vỉa hè đều bị chiếm dụng. Cửa hàng thì chi chít, thiếu diện tích, nên hàng hóa được bày lấn ra ngoài. Người đi bộ trên lề đường có thể va vào ma-nơ-canh của cửa hàng thời trang, và coi chừng ướt đầm áo quần nếu sơ ý đi qua chỗ rửa xe mà diện tích chỉ là vài mét vuông. Tất nhiên, đông đúc xe cộ thì hệ lụy là khói xe ngột ngạt, là bụi bặm tràn lan, là ô nhiễm đều khắp. Mọi hàng hóa đều chường ra, hứng lấy bụi, kể cả thịt cá và mọi loại thức ăn khác. Phố xá nhiều người bán nhưng người mua thì không nhiều tương xứng, khó mà thấy cửa hàng đẹp – mà đâu có thì khung cảnh xô bồ và bụi bặm

như thế thì làm sao đẹp được? Cũng như thế, nhiều xe hơi sang trọng trên đường phố, nhưng không thấy đẹp vì bị phủ lên một lớp bụi trông rất rõ. Ngay cả những cơ sở lớn như Bệnh viện Bạch Mai, lớp sơn màu vàng đậm đã bị ố đi vì bám đầy bụi, trông thiếu thẩm mỹ.

Hà Nội dĩ nhiên có rất nhiều công trình kiến trúc bề thế, uy nghi, xứng đáng với thủ đô, nhưng tôi chưa thấy những phố sang trọng và đường hoàng như các phố Đồng Khởi, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Lê Thánh Tôn ở trung tâm TP. HCM. Hà Nội tất nhiên có rất nhiều nam thanh nữ tú hơn bất cứ nơi nào, như là thừa hưởng của văn minh sông Hồng, nhưng nét đẹp vóc dáng và hành vi khó mà tủa cùng một lúc với cảnh xô bồ nơi đường phố, đâu người đẹp có xe đời mới, khéo trang điểm và y phục hợp thời trang. Nói về y phục trên đường phố, thì đâu đâu, nói chung đều na ná và ảnh hưởng thời trang quốc tế, được cập nhật rất nhanh; nhưng xem ra Hà Nội có vẻ thoáng hơn, nhất là phái nữ, và có lẽ chuyện hở ngực, hở vai, hở lưng, hở bụng, hở đùi là chuyện phố xá bình thường. Trên dòng xe xuôi ngược, thỉnh thoảng có một đoàn xích lô chở khách nước ngoài, các vị khách này chấp nhận hứng bụi và khói xe để thăm thú Hà Nội với phương tiện độc đáo chỉ có ở Việt Nam. Thật ra chuyện này cũng diễn ra ở các thành phố lớn, tuy nhiên, đây mới là chuyện tôi chỉ thấy ở Hà Nội: cảnh đám cưới ngoạn mục với một đoàn dài xe xích lô trang hoàng sắc sỡ, có rèm che, người lái mặc đồng phục, thắt cà vạt, nối đuôi nhau lượn qua phố phường, đưa nàng về “dinh”.

Hà Nội như thế, với sức sống dồi dào trong một hoàn cảnh như thế, đã gần bó máu thịt với người dân ở đây; nhưng người ở xa đến thăm Hà Nội ít nhiều cảm thấy khó thích nghi. Cũng may, nơi chốn thư thái vẫn không xa, ít nhất tôi cũng có thời giờ dạo quanh Hồ Gươm, xa xa là Tháp Rùa, đền Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Tháp Bút, lòng trở lại yêu Hà Nội, trước sau vẫn giữ ấn tượng về một Hà Nội quá đẹp, quá nên thơ. Tôi đến Nhà Thủy Tạ lúc chiều xuống, nhìn trời mây, nhìn bao quanh hồ cây xanh trùng trùng và một số kiến trúc cao vừa phải hài hòa với màu xanh của thiên nhiên. Xung quanh hồ, cả một xã hội vui chơi, thư giãn, tình tự: các em bé chơi trò tập thể, các vị trung niên rèn luyện sức khỏe, cụ già luyện tập dưỡng sinh, khách phương xa nhân du, nói cười vui vẻ, trong đó rất đông khách du lịch nước ngoài, và đặc biệt các nam nữ thanh niên xem các ghế đá như là không gian lý tưởng cho việc thể hiện tình yêu.

Tôi đã tìm lại không khí “chè chén” của một thời bao cấp. Trước đây nhan nhản “quán” chè chén, quán chỉ chiếm một chút vỉa hè, dưới cây cổ thụ, nơi đây thức uống duy nhất là trà nóng, loại trà Bắc Thái pha đậm, rót vào tách nhỏ, khách chỉ cần ngồi vào ghế đơn sơ hoặc tấm ván kê trên gạch, nhấp ngậm trà chất đắng ngọt đầu lưỡi, nghe và nếu muốn, góp chuyện trên trời dưới đất, còn không, khách có thể thả ý nghĩ lan man, băng quơ nhìn đường phố, nhìn ngọn cây. Nhiều quán còn để điều cây thuốc Lào cho những ai mơ màng rít và phả khói. Ngoài một số quán

chè chén giữ phong độ như cũ, bây giờ chè chén có biến tướng với thức uống là trà đá, chỗ ngồi là ghế nhựa, có vẻ gần như quán giải khát nhỏ ngoài trời, không còn cái thú vị thân thương, gần gũi nữa.

Tôi đã tìm lại một chút “thôn quê” giữa lòng Hà Nội: đó là vào lúc sớm tinh sương, những chị đi xe đạp chở rau quả từ nông thôn về các đường phố Hà Nội, đánh đổi những đồng tiền khiêm tốn, đi trong sương lạnh mà mồ hôi thấm đẫm trên vai áo. Trong khi bộ mặt đô thị biến đổi một cách sâu sắc, phố phường hào nhoáng, xe cộ nhộn nhịp, một bộ phận dân cư giàu bọc phát, thì ở đây, các chị chỉ được giải phóng từ đôi chân trần quang gánh đến chiếc xe đạp thô trên đoạn đường ít nhất cũng hàng chục cây số; cuộc đời lao động quá sức chân chính khiến ta không khỏi bàng hoàng!

Đứng trước đường phố nhộn nhịp, trong dòng người xuôi ngược, tôi cũng bàng hoàng về Hà Nội xưa và nay: có còn chăng nét thanh lịch của người Hà Nội? Câu tự vấn này được đề cập trong dân gian, của chính người Hà Nội tại chỗ, cũng như của những người Hà Nội đã đi xa, được đưa bình luận trên trang báo, trên mạng, và tôi có cảm nghĩ rằng hầu như dân Hà Nội không khỏi có chút ngậm ngùi. Người ở xa đến thăm Hà Nội vài ba hôm, nhìn cảnh tượng phố xá chen chúc xe cộ và khách bộ hành, nhìn cách ăn mặc thoải mái phóng túng, cảnh mạnh ai nấy đi, không kể gì người già, phụ nữ, cảnh xả rác vô tư, cảnh bực dọc đối đáp ở đường phố... dễ đi đến kết luận: nét thanh lịch một thời của người Tràng An đã lùi xa, nhất là trước đó được biết nào là chuyện viết vế bầy trên di tích lịch sử, chuyện đua xe, chuyện cướp hoa trong ngày hội hoa... Những người đã từng có kinh nghiệm sống ở Hà Nội cũng bức xúc trước thực tế đó, và cho rằng đây là hệ quả của xã hội chuyển biến qua nền kinh tế thị trường, giá trị đạo đức và nếp sống truyền thống bị thử thách, đời sống khó khăn, cạnh tranh gay gắt, sức mạnh đồng tiến chi phối quan hệ giữa người và người, dân cư phát triển quá nhanh, kể cả dân tứ xứ vào thủ đô, khiến cho những tập quán tốt đẹp của người chính gốc bị khuất mờ... Đúng là nét thanh lịch khó có thể tìm thấy nơi xô bồ, chật hẹp của đường phố, nhưng vẫn còn đó những con người lưu giữ truyền thống tốt đẹp của Hà Nội ngàn năm văn vật, những con người tha thiết với văn hóa dân tộc, những con người tự hào là người Hà Nội; những người đó vẫn giữ nét thanh lịch như là cái hồn của thủ đô.

Tôi đã gặp những người như thế, trong không gian riêng tư của căn nhà, trong sân vườn nho nhỏ rợp bóng cây, trong phòng khách lịch sự đậm nét văn hóa. Nhưng nét thanh lịch không cố thủ trong bốn bức tường và những chủ nhân của những căn nhà như thế không bảo thủ, ngược lại, họ đón nhận thông tin từ mọi nơi, và các thế hệ tiếp nối đã thừa hưởng gia tài tinh thần quý báu của cha ông, để từ đó thành đạt trên lãnh vực văn hóa, khoa học, giáo dục và các mặt hoạt động khác.

Tôi đã gặp những người như thế, ngay trên đường phố đông đúc. Đó là những người lịch sự chỉ đường cặn kẽ cho

chúng tôi, những con người bình dị, gặp tình cờ. Chúng tôi càng vui hơn khi người dân nhận ra trong đoàn chúng tôi có một vị Tăng trẻ, họ liền có thái độ cung kính. Tôi cũng đã gặp những người như thế, vào một buổi trưa, tại một quán ăn chay. Không lạ gì quán ăn chay tại một thành phố phía Nam, nhưng lần đầu tiên tôi biết đến quán chay tại Hà Nội. Từ đường chính, đi vào hẻm rộng im mát, quán ăn rất yên tĩnh, lịch sự, cách biệt với thế giới ồn ào bên ngoài. Quán đông khách đầu hôm ấy không phải ngày rằm hay mồng một âm lịch. Khách phần lớn ở độ tuổi thanh niên và trung niên, đây đó có vài vị xuất gia. Tôi nghĩ rằng thực khách có thể là Phật tử hoặc không hẳn là Phật tử, có thể có người lâu lâu muốn ăn chay cho biết, ăn chay để đổi khẩu vị, có thể có người nhận thấy ăn chay vẫn ngon và bình thường, và cũng có thể có người ăn kiêng thịt cá như những người vegetarian trên thế giới, nhưng tự nhiên họ thấm nhuần một văn hóa ăn chay thể hiện qua thái độ hòa nhã, tôn trọng mọi người, trong đối thoại vui vẻ nhưng không ồn ào.

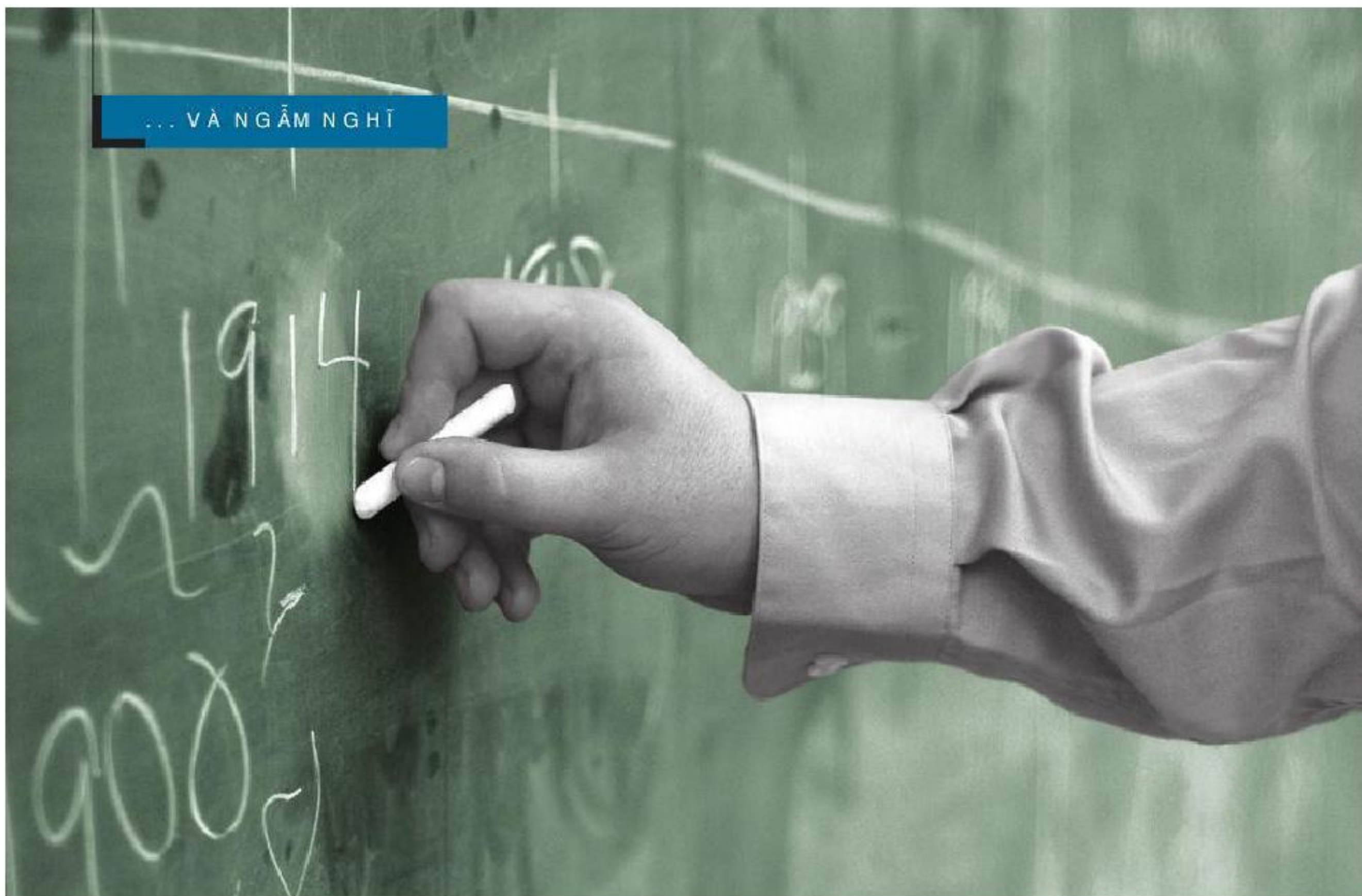
Tôi tin sẽ gặp những người như thế nếu tôi được sống ở Hà Nội dài ngày hơn, và có điều kiện tìm hiểu cuộc sống ở đây. May thay, chuyến đi này không chỉ cho tôi trở về nơi chốn cũ, mà còn đưa tôi đến – dù là cưỡi ngựa xem hoa – hai khu đô thị Linh Đàm và Nam Thăng Long. Khu đô thị Linh Đàm ở phía Nam, cách trung tâm thủ đô 15km, rộng 200ha, có kiến trúc hiện đại, có hồ nước, hệ thống cây xanh, được xem là khu đô thị kiểu mẫu và được gắn biển công trình kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long Hà Nội. Khu đô thị Nam Thăng Long, ở phía Tây Bắc, chỉ cách trung tâm thủ đô gần 10km, bờ Nam sông Hồng, kế bên đường cao tốc Bắc Thăng Long – Nội Bài và ngay bên Hồ Tây, gồm nhiều biệt thự và chung cư chất lượng cao. Phải chăng trong những ngôi nhà tiện nghi, hiện đại, trong không gian thoáng đãng và môi trường trong sạch, nét thanh lịch của người Tràng An sẽ hiện rõ nơi đây?

Mấy ngày ở Hà Nội trôi qua thật nhanh. Trên máy bay xuôi Nam, tình cờ tôi nghe mẩu đối thoại ngắn giữa một bà du khách nước ngoài và một người Việt, ngồi hàng ghế sau tôi. Được hỏi bà nghĩ như thế nào về Hà Nội, bà trả lời ngắn gọn: “Fascinating!” (quyến rũ). Cái gì quyến rũ? Thiên nhiên, kiến trúc, hay văn hóa, lối sống Hà Nội? Đạo Bồ Hổ, giải khát ở nhà Thủy Tạ? Ngồi xích lô Sans Souci ngắm phố phường? Xe máy ào ào trên đường phố như là chuyện lạ? Mua hàng ở phố cổ?... Dĩ nhiên Hà Nội của bà không giống như Hà Nội của tôi, nhưng khi nghe “fascinating”, tự nhiên tôi chợt nhìn lại Hà Nội: Vâng, Hà Nội quyến rũ thật, có nơi đâu đẹp như Hồ Gươm ở trung tâm thành phố, có nơi đâu đẹp như mùa thu Hà Nội, có nơi đâu giàu truyền thống văn hóa và di tích lịch sử như Hà Nội? ■

Sans Souci (tiếng Pháp, có nghĩa là: Không lo âu): Một thương hiệu xích lô du lịch tại Hà Nội.

Lời ca khúc “Hà Nội, niềm tin và hy vọng” của Phan Nhân.

Lời ca khúc “Nhớ mùa thu Hà Nội” của Trịnh Công Sơn, Thơ Huỳnh Văn Nghệ.



Năm trong một

HÀ THỨC HOAN

Học trường Quốc Học - Huế từ năm 1956 đến năm 1959, tôi được may mắn thụ giáo nhiều vị thầy giàu kiến thức và đức hạnh. Qua hình ảnh quý thầy, tôi yêu nghề dạy học và thi vào Đại học Sư phạm để trở thành thầy giáo dạy Việt văn ở trung học và đại học. Sống và làm việc nhiều năm trong ngành sư phạm, tôi luôn luôn thao thức với câu hỏi: Một nhà giáo mẫu mực, đúng tiêu chuẩn phải hội đủ những phẩm chất gì? Gần đây, khi đã đến tuổi hưu trí, qua một lần nói chuyện nghề nghiệp với một cựu giáo chức Quốc Học là anh Nguyễn Đức Đồng, tôi đã nhận ra cái "sơ đồ" phác thảo cho mình cái chân dung nhà giáo: Như năm ngón tay trên một bàn tay, có năm mẫu người cùng tồn tại trong một nhà mô phạm là học giả, tu sĩ, lực sĩ, nghệ sĩ và cảnh sát viên.

Có một vị học giả cần mẫn

trong đời sống của nhà mô phạm

Học giả là người có kiến thức sâu rộng trong một lĩnh vực chuyên môn nào đó. Muốn dạy tốt môn nào, thầy giáo, cô giáo phải hiểu biết tường tận môn ấy. Chính vì

yêu cầu này mà người làm nghề dạy học cần phải có bằng cấp chuyên môn, thầy giáo muốn có uy tín đối với học sinh và đồng nghiệp thì phải có công trình nghiên cứu liên quan bộ môn được phân công giảng dạy. Dạy là học suốt đời. Nói chung, điều này không có gì phải bàn luận thêm nữa. Nhưng vấn đề cần thảo luận là phải chăng dạy học trò một, thầy giáo phải biết mười như có người đã khẳng định?

Tôi nghĩ những bộ môn thuộc khoa học tự nhiên như Toán, Lý, Hóa thì không cần phải có yêu cầu cao như thế. Bằng chứng là thầy Châu Trọng Ngô dạy Toán năm đệ nhị (lớp 11), thầy Bùi Ngoạn Lạc dạy Toán năm đệ nhất (lớp 12) đều được tất cả học sinh ban B kính phục về kiến thức chuyên môn và phương pháp giảng dạy, mặc dù khi dạy toán cho chúng tôi hai thầy có tuổi đời còn trẻ mà tuổi nghề thì chưa nhiều.

Đối với thầy giáo dạy các bộ môn thuộc khoa học xã hội như Anh văn, Việt văn, Sử Địa thì yêu cầu về kiến thức phải cao hơn. Kinh nghiệm cho biết, muốn dạy Việt văn một cách tự tin và có kết quả, thầy giáo, cô giáo tốt

nghiệp sau ba hoặc bốn năm học tập ở đại học còn phải trải qua hàng chục năm nghiên cứu và giảng dạy. Dạy các môn Công dân, Sử Địa và Pháp văn ở trường Quốc Học, thầy Nguyễn Hữu Thứ có kiến thức tổng quát chẳng khác gì một cuốn tự điển sống. Tuy không được học với thầy, nhưng qua lời truyền tụng của những anh chị ở các lớp trước, tôi được biết nhờ có trí nhớ tuyệt vời mà thầy đã có hiểu biết sâu rộng về pháp luật, sử địa, ngôn ngữ và văn chương Pháp cùng các lãnh vực khác như thể thao, điện ảnh, âm nhạc. Nhờ vậy, thầy đã chiếm trọn vẹn cảm tình và sự kính trọng của nhiều thế hệ học sinh.

**Có một ông thầy tu nho nhỏ
trong đời sống của nhà mô phạm**

Theo truyền thống Đông phương, tu sĩ là người đã thoát khỏi năm cái bẫy sập là tài, sắc, danh, thực, thụ. Muốn có mặt một cách xứng đáng trong hàng ngũ của những nhà mô phạm, thầy giáo, cô giáo phải biết dừng lại ở một giới hạn để không mất uy tín vì tiền bạc, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ.

Nhiều vị thầy dạy tôi ở trường Quốc Học có tài cao học rộng mà vẫn bằng lòng với cuộc sống giản dị, thanh bạch đến trọn đời. Thầy Dương Thiệu Tống đỗ tiến sĩ giáo dục ở Đại học Colombia (Mỹ), hát hay, dạy Anh văn và từng làm Hiệu trưởng trường Quốc Học, vào Sài Gòn làm Hiệu trưởng trường Thực nghiệm ở Thủ Đức rồi dạy Anh văn và Giáo dục học ở Đại học Sư phạm. Thầy Lê Khắc Phò đỗ cử nhân luật ở Đại học Montpellier (Pháp), vẽ giỏi, ban đầu dạy Sử Địa ở trường Quốc Học, có một thời gian làm Tổng thư ký Đại học Huế khi mới 30 tuổi, nhiều năm sau dạy Địa lý và Pháp văn ở Đại học Sư phạm Huế. Nhưng mãi cho đến những năm cuối đời, tại TP. HCM, ngôi nhà nhỏ của thầy Tống vẫn ẩn khuất trong ngõ ngách của đường Lê Văn Sĩ, còn ngôi nhà nhỏ của thầy Phò thì vào sâu trong một con hẻm của đường Phan Đăng Lưu. Tôi đã đến thăm hai thầy vài ba lần mà lần nào cũng phải hỏi nhà vì lối vào thì quanh co với nhiều ngã rẽ mà số nhà dù đã phân biệt A/ B vẫn còn có thêm hai cái "xuyếc" (ur).

Năm tôi học lớp đệ tam, thầy Tôn Thất Ngạc dạy Toán với phong cách rất đặc biệt làm tôi nhớ mãi. Những buổi sáng mùa thu trời se lạnh, mặc com-lê (complet) màu lam nhạt, thắt cà-vạt (cravate) màu đỏ, thầy đứng hoặc đi lại chậm rãi trong lớp, nói nhỏ nhẹ, từ tốn, đầu hơi nghiêng xuống, hai bàn tay chắp thành hình hoa sen búp trước ngực, đầu mấy ngón tay hướng lên cao và khẽ chạm vào cằm. Trong lớp học yên tĩnh, tôi lắng lòng tiếp thu những định nghĩa, định lý toán học mà có cảm tưởng như đang nghe một vị Thượng tọa thuyết giảng Phật pháp. Thấy Ngạc ngày trước là huynh trưởng Gia đình Phật tử An Lăng, về sau tu Thiền và hiện là bậc trưởng thượng của một môn phái Thiền Pháp Hoa ở Mỹ.

Có một sự trùng hợp khá thú vị là cùng với hai vị giáo sư dạy Toán cho tôi ở Đại học Huế là thầy Nguyễn Văn Hai và thầy Nguyễn Văn Trường, ba vị giáo sư dạy Toán khá kính của tôi ở trường Quốc Học là thầy Tôn Thất Ngạc, thầy

Châu Trọng Ngô, thầy Bùi Ngoạn Lạc kẻ trước người sau đều quy y Phật và đã trở thành những cư sĩ, những thiện tri thức có uy tín của Phật giáo quốc nội và hải ngoại.

**Có một vận động viên không chuyên
trong đời sống của nhà mô phạm**

Vận động viên là người có sức khỏe dồi dào để tập luyện và thi đấu ít nhất một môn thể thao. Phải có thể lực tốt như một vận động viên thì thầy giáo, cô giáo mới có đủ sức khỏe để sống thủy chung trọn đời với cái nghề dạy học "đem hơi ra" và nhiều hao tâm tổn trí. Ở trường Quốc Học, tôi đã được thụ giáo những vị thầy như thế.

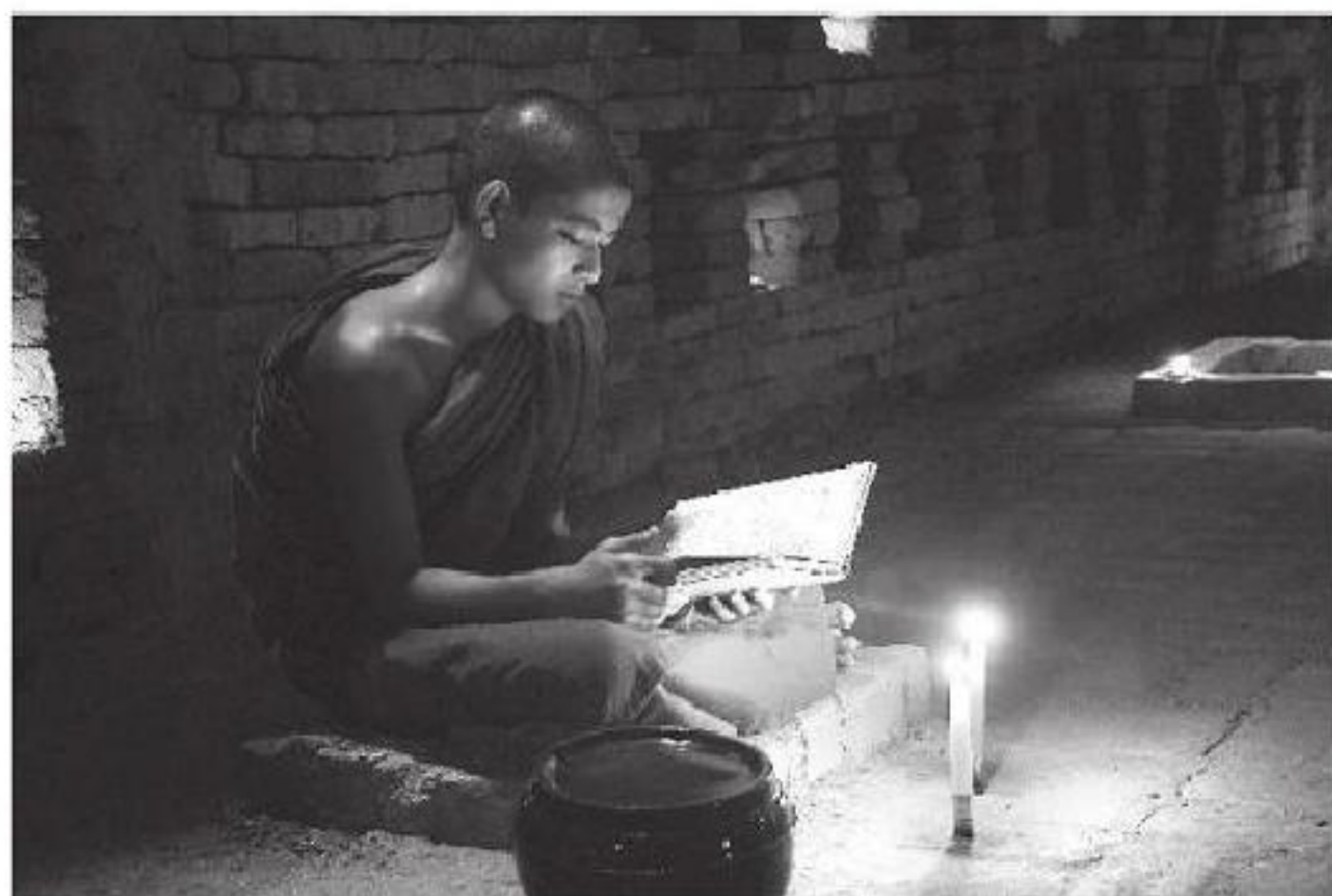
Người phải nhắc đến trước hết là thầy Châu Trọng Ngô. Thầy là một cầu thủ bóng đá đã nhiều lần mang giày ra sân thi đấu với học sinh và giáo chức Huế trước và sau năm 1975. Nhờ chơi thể thao mà thầy Ngô có sức khỏe tốt, sống cởi mở, gần gũi với học sinh và thân ái hòa đồng với mọi người. Nhờ biết duy trì sự có mặt liên tục của một cầu thủ bóng đá trong cuộc đời của một nhà giáo mà thầy Ngô cho đến bây giờ, dù tuổi đã trên tám mươi, trông vẫn còn tráng kiện và nhanh nhẹn hơn nhiều bạn đồng nghiệp và học trò. Hiện nay, thầy vẫn có đủ sức khỏe để làm Phật sự, để tổ chức và thực hiện nhiều chương trình từ thiện.

Có dáng người nho nhã, thanh mảnh của một thư sinh, nhưng thầy Lê Khắc Phò là một cầu thủ bóng bàn có thành tích. Năm học 1949-1950, thầy Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Thứ mời danh thủ bóng bàn Lê Văn Tiết đến thi đấu biểu diễn ở trường Quốc Học. Năm ấy, đang học lớp đệ nhất, được vinh dự thay mặt học sinh Quốc Học cầm vợt đấu giao hữu, thầy Phò đã chọn thể thủ để đương đầu với thể công của tuyển thủ bóng bàn Việt Nam, tạo cho mọi người cơ hội thưởng thức những đường bóng bay nhanh như chớp, mạnh như vũ bão của nhà vô địch Lê Văn Tiết, và những lần bỏ bóng, cứu bóng nhẹ nhàng, khôn khéo của vận động viên Lê Khắc Phò. Tất nhiên trận đấu đã kết thúc với phần thắng thuộc về "cây vợt vàng" Lê Văn Tiết, người đã từng hạ vô địch thế giới Murakami với tỉ số 3/2 sít sao. Nhưng tất cả học sinh Quốc Học có mặt hôm ấy đều cảm thấy thích thú vì đã có dịp hăng say cổ vũ "gà nhà" trong một trận đấu thể thao sôi nổi và hào hứng. Mười năm sau, làm giáo sư hướng dẫn lớp đệ nhất B1, thầy Phò đã vui miệng thách đấu với các học sinh và tự tin hứa hẹn sẽ tặng phần thưởng nếu có bạn nào giành được chiến thắng.

**Có một nghệ sĩ nghiệp dư
trong đời sống của nhà mô phạm**

Nếu nhà nghệ sĩ bước ra sân khấu để giao lưu với nhiều khán giả thì nhà giáo bước lên bục giảng để tiếp xúc với nhiều học sinh. Dù công việc có khác nhau, nhưng muốn thành công thì cả hai đều phải quan tâm đến hình thức và đồng thời phải có một ít năng khiếu về nghệ thuật.

Tuy không đua đòi ăn diện, nhưng thầy giáo, cô giáo cần có nét mặt tươi tỉnh và y phục chỉnh tề mỗi khi xuất hiện trước học sinh. Trừ mùa hạ nóng bức, trong ba mùa



xuân, thu và đông, những giáo sư Quốc Học thế hệ chúng tôi đều thắt cà-vát, mặc áo vét-ton trông rất nghiêm chỉnh và lịch sự.

Ngày 26 tháng 12 năm 1956, trường Quốc Học tổ chức trọng thể Lễ đệ lục thập chu niên. Tối hôm ấy, tại nhà chơi, đã diễn ra một chương trình văn nghệ dàn dựng công phu có thể nói là chưa từng có. Mở đầu chương trình văn nghệ hoành tráng này là bản hợp ca bốn bè *Ly rượu mừng* của Phạm Đình Chương do thầy Lê Hữu Mục soạn phần hòa âm và 70 nam nữ học sinh Quốc Học trình diễn rất kỹ thuật và đầy nghệ thuật. Theo lời tường thuật sau này của thầy Nguyễn Hữu Thứ, rất nhiều khán giả cho rằng khó có một bài hợp ca gây ấn tượng đẹp như bài *Ly rượu mừng* của học sinh trường Quốc Học hôm đó.

Vào những phút cuối giờ học Pháp văn, thầy Nguyễn Hữu Thứ thường tập những bài hát tiếng Pháp để học sinh luyện giọng, đồng thời giảm căng thẳng cho trí óc của học trò. Tôi được biết trong đại hội tái lập Hội ái hữu Cựu học sinh Quốc Học tổ chức vào năm 1972, theo yêu cầu của Hội trưởng là thầy Nguyễn Đình Hàm, thầy Thứ đã hát bài *Sérénata* của Eurico Tosselli và hát rất hay, làm cho Hội trưởng là thầy Hàm phải khen "Ông Phó quả là chim họa mi của Hội".

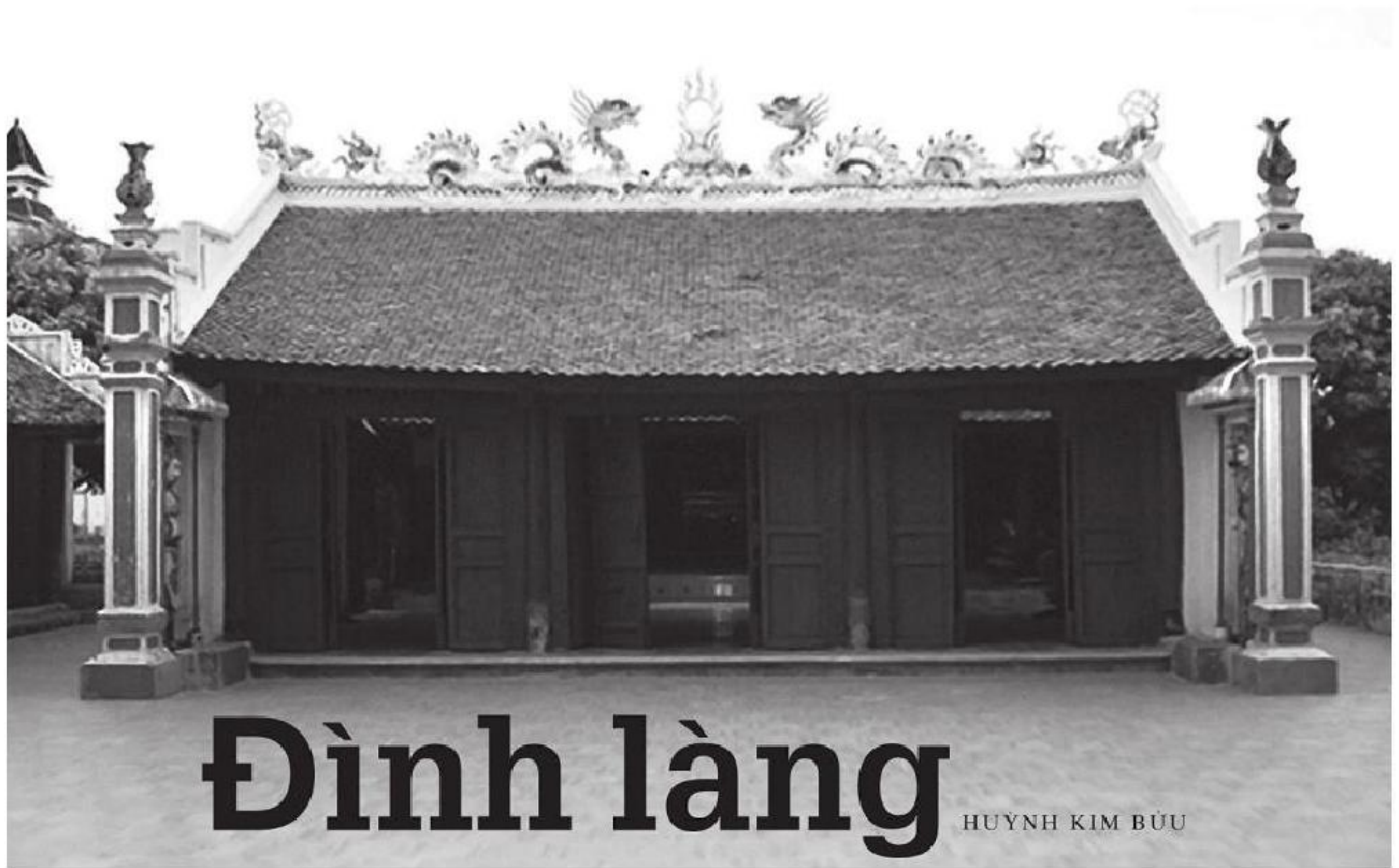
Nhiều thầy giáo dạy văn chương đã hơn một lần bước vào lớp học như đi vào một thế giới khác, một thế giới không hề có một thoáng lo toan về cơm áo gạo tiền của đời thường. Những khi ấy, đối diện thầy, cô là những gương mặt, những cái nhìn biểu hiện sự trong sáng và tin yêu của những tâm hồn còn trẻ, và trong lòng thầy, cô chỉ có ý cao, tình đẹp của những tài năng lỗi lạc như Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, v.v. Đó là lúc nhà giáo sống trọn vẹn với bài giảng, làm hồi sinh tình cảm và tư tưởng của tiền nhân với tất cả cảm xúc và đam mê của một nghệ sĩ trên sân khấu, tạo nên sự hứng thú, cảm thông, hòa hợp giữa thầy và trò, khắc ghi vào tâm trí học sinh những ấn tượng khó phai mờ...

Có một cảnh sát viên công tâm trong đời sống của nhà mô phạm

"*Tiên học lễ hậu học văn*" là một đặc trưng giáo dục có tính truyền thống cần được tôn trọng và phát huy của người Việt Nam. Theo phương châm "dạy người trước dạy chữ sau" ấy, như ông cảnh sát giữ gìn an ninh và trật tự trên đường phố, trong lớp học, ông thầy có công tâm không bao giờ quên nhiệm vụ uốn nắn, sửa chữa những sai sót, những lỗi lầm có tính đời thường để giáo dục nhân cách cho học sinh.

Năm học 1956 - 1957, tại lớp đệ tam B1 trường Quốc Học, thầy Phạm Đình Thắng đã để lại cho tôi một bài học khó quên về giữ gìn nhân cách. Là một nhà giáo trẻ dạy Anh văn, thầy Thắng vui tính, thích sống hòa đồng với học sinh. Vào một ngày chủ nhật, thầy dẫn chúng tôi đi xem các danh lam thắng cảnh của thành phố Huế. Vào đầu giờ học ở tuần sau, thầy phân phát những tấm hình chụp trong lần du ngoạn ấy để học trò chuyển tay nhau mà xem cho vui. Khi nhận lại những tấm hình, thầy đếm cẩn thận và biết mất một tấm. Hỏi trò nào còn giữ tấm ảnh mà không thấy ai trả lời, thầy đỏ mặt vì tức giận, lớn tiếng phê phán gay gắt bạn nào đó đã "ăn cắp" tấm hình. Thuở ấy, còn trẻ người non dạ, tôi tự hỏi tại sao mất một tấm ảnh không đáng giá bao nhiêu mà thầy Thắng đã không giữ được bình tĩnh, làm cho học trò có cảm tưởng thầy đang đau lòng tiếc của như mất bạc mất vàng? Sau này, khi đã trưởng thành, sống với nghề dạy học, tôi mới cảm thông cách thầy Thắng ứng xử một tình huống sư phạm. Mất một tấm ảnh trong lớp học có nghĩa là một tên trộm nhỏ đã xuất hiện ở học đường, nơi giảng dạy chữ nghĩa và trao truyền đạo lý. Tên trộm này nhỏ mà gan to vì dám đánh cắp của cải của ông thầy. Nó lại hèn nhát không dám nhận trách nhiệm việc làm sai trái và ngoan cố không chịu đứng lên nhận lỗi để ăn năn hối cải. Cho nên phải la mắng cho nó biết hổ thẹn, phải mạnh tay đối phó để triệt tiêu ngay từ đầu mầm mống của cái xấu, của sự gian dối vừa xuất hiện trong thế giới còn thơm mùi giấy mực học trò. Hôm nay một tên trộm nhỏ xuất hiện ở nhà trường mà chẳng biết xấu hổ và không bị trừng trị thì mai sau xã hội phải hứng chịu nhiều tai họa do những tên trộm lớn vô cảm liên tục gây ra...

Không ai thi vào Đại học Sư phạm để thỏa mộng làm giàu hay kiếm tìm quyền cao chức trọng. Nhiều người chọn nghề dạy học vì không muốn "*Ra trường danh lợi vinh liền nhục / Vào cuộc trần ai khóc lẫn cười*" như Nguyễn Công Trứ. Cho nên, nếu được trả thù lao xứng đáng để tổ chức cuộc sống cho bản thân và gia đình, nếu được trung thực nói ra những điều mà mình đã cảm xúc và suy nghĩ, không cần thi đua, chẳng phải bình bầu, như quý thầy dạy trường Quốc Học trước đây, tôi tin phần đông giáo chức ngày nay sẽ tự trọng, tự giác hoàn thành nhiệm vụ trồng người, sẽ sống trọn vẹn, gắn bó, thủy chung với trường lớp, từ đó gìn giữ và phát huy phẩm cách *Năm trong một* của người thầy để trở thành những "*lương sư*" góp phần "*hưng quốc*". ■



Đình làng

HUỲNH KIM BÙU

Rằm tháng Giêng năm nọ, về An Nhơn, tôi đã ở lại với bà con làng An Định ba ngày đêm để xem hát bội và nghe câu chuyện về cái đình, do mấy người trung niên và các cụ cao niên trong làng kể lại.

Theo lời các cụ thì làng An Định chưa có đình mới mà đình cũ thì đã không còn trong hồi tiêu thổ kháng chiến. Mấy năm nay, mỗi khi có hát bội, người ta dựng sân khấu ở Nhà Văn hóa thôn. Trong các làng quê xưa, làng nào chẳng có một ngôi đình. Mà nghe như ở thành phố Quy Nhơn cũng có đình: đình Cẩm Thượng, đình Xuân Quơn... Đình làng quen thuộc quá đối với mọi người:

"Hôm qua tát nước đầu đình"

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen..." (Ca dao).

Đình làng An Định ở trung tâm điểm của bốn xóm: Xóm Miếu Đông, xóm Miếu Tây, xóm Miếu Nam và xóm Miếu Bắc, các xóm châu tuần với đình. Làng có *đình*, xóm có *miếu*. Nhìn từ xa, khách thăm làng đã thấy nóc đình hiện lên từ một vùng cỏ thụ xanh um. Con đường dẫn tới đình tẻ ra từ đường làng. Đình là một tòa nhà năm gian hai chái, uy nghi cổ kính. Mái đình lợp ngói âm dương, nóc đình đắp lưỡng long chầu nguyệt, mặt tiền của đình sau một lần cửa võng là lớp cửa bàn khoa; nội thất đình đủ các thứ hoành phi, liễn đối, long ngai, thần chủ rực rỡ vàng son, và đầy vẻ đẹp của những hoa văn, họa tiết chạm khắc trên mái, trên rui, trên kèo, trên trính... Bên cạnh đình là những nhà tả gian, hữu gian và những hành lang. Đình có sân rộng ở trước, có bình phong, trụ biểu với nhiều nghệ đá, sư tử đá ở trong sân và ngoài cùng là cửa tam quan.

Cửa tam quan soi bóng nước ao sen và đón gió đông làng. Làng lớn như làng An Ngãi, làng Biều Chánh, đình làng 7 gian 2 chái, có ao sen trước đình rộng tới mấy mẫu đất. Đa số các ngôi đình ở quê tôi đều hướng mặt vào Nam, chỉ có một ít đình do thuật phong thủy mới quay mặt hướng khác, như đình Thái Thuận quay mặt ra hướng Bắc...

Đình làng được lập ra là để thờ vị Thành hoàng. Tượng Thành hoàng ngồi trên long ngai đặt trên bàn thờ giữa, các bàn hai bên thờ các bộ hạ của Thành hoàng. Nếu không có tượng Thành hoàng thì có thần chủ, bài vị thay thế. Mỗi làng có vị Thành hoàng riêng. Làng theo nghề dệt thì thờ Thành hoàng là người có công dạy dân nghề canh cửi. Làng đúc đồng, thờ Thành hoàng là người đem nghề đúc đồng về làng. Thành hoàng như vậy thường xuất thân từ trong dân, rất gần gũi với dân. Tuy nhiên, cũng có làng như làng Háo Đức, đình làng thờ ông Quan Văn Trường và các ông Quan Bình, Châu Xương (thời Tam quốc), dân làng bảo thờ vậy là thờ cái gương *trung nghĩa thiên thu* của của ba vị này. Làng An Định thờ Thành hoàng là ông thầy đồ Trần Văn Huấn, quê ở đâu không rõ, đến đây mở trường ngồi dạy học, bên cạnh đình có lập nhà thờ "Ông Lớn". Ông Lớn có tên là Lê Đình Xuân, người ở trong làng, nhờ đỗ khoa thi võ mà được ra làm quan võ triều Nguyễn. Dân coi vị Thành hoàng nào cũng là phúc thần, luôn phù hộ độ trì cho những dân làng lương thiện.

Đình có khói hương hằng ngày, đến ngày sóc (mồng một) ngày vọng (rằm) mỗi tháng có cúng trà nước, hoa, chuối. Công việc này do ông từ làm: **"Lừ đừ như ông từ vào đến"**. Hằng năm, đình có hai lần tế lễ, hội hè lớn: Đó



là lệ “Xuân Thu nhị kỳ”, mùa Xuân cầu quốc thái dân an (kỳ yên), mùa Thu tạ ơn Thành hoàng trong gần một năm đã bảo vệ cho dân làng tai qua nạn khỏi cùng sự làm ăn thịnh đạt. Đó là những dịp dân làng được ăn uống (hương ẩm) được vui chơi. Ăn uống thì “*một miếng thịt làng bằng một sàng thịt chợ*”, “*một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp*”, ai cũng lấy đó làm điều sung sướng, làm niềm vinh dự. Hương chức nhìn vào đó, hiểu rõ thêm cái câu nói mà mình đã thuộc: “*Dân dĩ thực vi tiên*” (Dân lấy cái ăn làm trước) để làm tròn trách nhiệm lo cái ăn cho dân. Còn vui chơi thì xem hát bội và chơi các trò: kéo co, đồ vật, đập ảm, bịt mắt bắt dê, xổ cổ nhân, đánh cờ người, hội bài chòi... Đình mà không đám, có khác gì chùa cho bốn đạo về tụng kinh. Phải chăng, từ đó mà có từ “*đình đám*” trong ngôn ngữ dân gian ta thường gặp? Ông Phi cha, rồi ông Phi con, nhà hai đời làm ông từ giữ đình An Định. Mỗi khi làng cúng, ông Phi cha được làm phụ thờ chả, nhờ thế mà học được nghề. Đến khi già, ông Phi cha truyền lại cho ông Phi con “chức” ông từ giữ đình và nghề mang dao thớt đi khắp vùng để mổ lợn, quét chả, làm đám cho người ta.

Hương chức làm việc tại đình, họp dân để bàn và “triển khai” việc làng tại đình, thường là ở gian bên phải của đình nên nhà hữu gian còn được gọi là nhà *hương hội*. Thành hoàng giám sát các việc của làng, “nghị quyết” của làng đã có thần chứng giám, buộc người ta phải làm đúng, làm nghiêm chỉnh, dù cho có phải cãi lại phép vua (Phép vua thua lệ làng). Xem như thế, cái làng quan trọng biết chừng nào. Mà cái làng quan trọng thì cái đình cũng quan trọng theo.

Đêm hát thứ ba là đêm hát “Giang Sơn thứ ba” trong vở tuồng San hậu, sân khấu thiếu điệu ngả nghiêng, vì hát hay và không khí phấn khởi của hồi tôn vương, thái tử lên ngôi vua sau khi đã trừ gian diệt nịnh xong. Văn hát, tôi về nghỉ đêm ở nhà cụ Tú Lễ, 90 tuổi, còn minh mẫn. Cụ thức đến gần sáng, uống rượu và nói chuyện tiếp cho tôi nghe về cái đình mà hôm qua cụ bỏ dở: “Ồi chao! Hễ đi xa thì nhớ cái đình như nhớ nhà mình. Cũng phải thôi, vì hồi mình còn nhỏ, hằng ngày ra đình nhặt quả bàng khô, ôm cột đình lảng bóng xoay tít đu quay với chúng bạn cùng lứa tuổi, chờ có lễ hội ở đình để đi xem, đến khi cao niên lại được làng mời ra đình đọc chữ Nho, cầm chầu đám hát, ăn uống ngồi chiếu trên, lại còn được thẳng mỗ đưa cái thủ lợn về nhà...”. Bác dừng lại uống rượu, tôi hỏi: “Thưa bác, chữ “đình” có ý nghĩa gì trong từ *triều đình*?”. Bác lại hớp một ngụm rượu, gật gù, rồi nói: “Chà! Câu hỏi bất ngờ mà lý thú lắm. *Triều* là nơi của vua, của cả nước, còn *Đình* là nơi của hương lý, của làng; vạn làng hợp lại thành nước; vạn làng yên vui thì nước yên vui, thái bình. Còn nữa, giặc ngoại xâm vào thì giày xéo, tàn sát dân làng trước hết, cho nên vạn làng lo đánh giặc giữ làng, thành ra cả nước cùng đánh giặc giữ nước. Đó là tôi nói tách bạch, chứ *triều đình* là một từ vồn vẹn chỉ chỗ làm việc nước của vua quan. Tôi già nôm na mách qué thế, xin chú đừng trách”.

Nói xong, cụ quay ngủ khi... Chỉ còn cổ tôi thao thức với bao ý nghĩ về cái đình làng. ■

Chú thích: 1. Cũng nói “*Dân dĩ thực vi tiên*” (Dân coi cái ăn bằng Trời).



Những giọt nước mắt

NGUYỄN MANH HÙNG

Trên đời ai cũng khóc. Người ta khóc vì buồn. Người ta còn khóc vì vui. Là người, ai cũng có những giây phút ấn tượng. Những ấn tượng khó quên. Đối với tôi, những giọt nước mắt mà tôi chứng kiến vừa qua là rất đặc biệt, vô cùng đặc biệt. Những giọt nước mắt vẫn như những thước phim chiếu trong đầu tôi. Trong nhiều ngày, nhiều đêm. Mỗi ngày.

Tôi là một trong hai người Việt Nam được Tổ chức Giá trị sống (Living Values) mời tham gia chương trình "Bình an Tâm trí" (Peace of Mind) được tổ chức tại Học viện Vì một thế giới tốt đẹp hơn (Academy for the better world) kéo dài mười ngày. Mười ngày giá trị với bao kiến thức

và trải nghiệm. Mười ngày với bao năng lượng và trí tuệ mà chúng tôi thu nhận được. Mười ngày với những cuộc gặp gỡ gần 300 đồng nghiệp và bạn bè từ gần 100 nước khắp thế giới.

Trong ngày thứ hai của chương trình, chúng tôi bắt gặp một cô gái khóc nức nở. Cô khóc rất to ngay sau giờ thiền tập buổi sáng. Cô khóc và gục trên vai một người đàn ông mà ngay sau đó tôi biết rằng người ấy là chồng cô. Cô khóc và đôi vai cô rung lên. Cô khóc và nấc. Mọi người xúm vào để trợ giúp và yểm trợ.

Tôi cũng đến bên cạnh nhưng không biết làm gì. Tôi không hiểu chuyện gì. Chiều hôm đó tôi mới ngồi riêng với cô. Tôi tặng cô gói kẹo dừa Bến Tre mang đậm mùi



vị quê nhà Việt Nam. Tôi xoa bóp đôi vai cô. Tôi massage nhẹ nhàng cho hai cánh tay cô. Tôi nói chuyện và chia sẻ với cô. Tôi lắng nghe cô. Và tôi đã hiểu tại sao cô khóc.

Cô tên là H. Nemoto. Cô là người Nhật, là phụ nữ nội trợ. Cô theo chồng mình, Tiến sĩ Y. Nemoto – Giám đốc Văn phòng Masaru Emoto đến dự chương trình này. Cô đến Ấn Độ lần đầu tiên, còn chồng cô đã đến đây nhiều lần.

Ngay trong chuyến đi này, cô đã tận mắt thấy cuộc sống của một bộ phận người dân Ấn Độ. Họ nghèo quá. Họ không có nhà để ở. Đêm họ ngủ nơi đất hoang. Phía trên họ là mấy tấm vải che sơ sài. Nhiều người ngủ lang bạt khắp nơi. Nhiều gia đình sống lang thang theo năm tháng. Họ không đủ thức ăn để ăn. Họ không có nước sạch để uống. Họ mặc những bộ quần áo cũ kỹ, rách nát, bụi bẩn. Ấn Độ mùa khô nên càng không có mưa. Thiếu nước trầm trọng!

Lần đầu tiên H. Nemoto thấy có những người nghèo đến vậy. Những người nghèo khổ nhất nơi đất nước của cô cũng còn rất sung sướng gấp trăm lần những người này. Cô không thể tưởng tượng ra trên thế gian này lại có những người nghèo đến thế. Cô không hiểu nổi nghèo vậy thì sống ra sao. Cô không tin nổi rằng hàng đêm vẫn có biết bao người không có mái nhà che mưa, che gió, che sương. Cô không tin vào mắt mình. Cô chưa bao giờ tưởng tượng ra cuộc sống của người nghèo lại tồi tàn đến mức như vậy. Cô thương họ quá. Cô xót xa cho họ quá. Và cô đã khóc.

Mấy ngày sau H. Nemoto lại khóc. Vẫn khóc rất to. Chẳng những thế, cô còn khóc to hơn hôm trước. Vẫn nấc. Vẫn gục vào vai. Lần này thì cô gục vào vai nhiều người chứ không phải riêng đôi vai chồng mình. Tôi lại đến với cô và tìm hiểu. Hóa ra lần này cô khóc vì lý do khác.

H. Nemoto đã khám phá được rằng những người Ấn Độ nghèo nàn kia không hề nghèo. Họ chỉ nghèo về vật chất mà thôi. Họ không có tiền, không có nhà, không có xe máy, xe hơi, không có đủ thức ăn nhưng họ có bao thứ khác mà cô không có. Họ rất giàu tình yêu thương và tình cảm. Họ rất giàu bình an và hạnh phúc. Họ thừa

nụ cười và sự thư giãn. Những người mà cô cảm thấy thương yêu và đau xót cho họ mấy ngày nay lúc nào cũng vui vẻ. Họ sống trong bình an và yêu đời. Họ còn nhảy múa cho cô xem. Họ còn tặng cả quà cho cô nữa!

H. Nemoto khóc vì cô thấy mình nhỏ bé quá, rằng cô đang nghèo “bình an” quá. Cô không thiếu vật chất nhưng cô vẫn thấy thiếu bình an, thiếu nụ cười, thiếu niềm vui trọn vẹn. Cô nhận ra rằng cô phải học từ những người dân nghèo kia rất nhiều. Rằng cô mới là đáng thương chứ không phải họ.

Lần thứ ba tôi lại chứng kiến H. Nemoto khóc. Lần này cô khóc to hơn. Rất to. Lý do đã hoàn toàn khác: Cô chưa bao giờ nhìn vào tâm của mình. H. Nemoto đã dành rất ít thời gian tìm hiểu về chính mình, về nội tâm của mình. Mà có tìm hiểu đến đâu đi chăng nữa thì đến nay cô vẫn chưa biết mình là ai, mình từ đâu đến, mình làm gì ở thế gian này và sẽ đi về đâu. Cô khóc vì đây là lần đầu tiên cô tự soi vào tâm mình, khám phá bản ngã của mình, tìm hiểu về chính con người và những gì sâu thẳm trong chính mình. Cô khóc vì lần đầu tiên cô hiểu được mình, dù chỉ là một phần, dù chỉ là bước đầu.

Ngày cuối của chương trình “Bình an Tâm trí”, mọi người lên chia sẻ. H. Nemoto giơ tay xin phát biểu và chạy lên rất nhanh. Cô chạy lên bục chia sẻ như một đứa trẻ, mặc dù tôi đoán cô phải trên 30 tuổi. Cô nói trong nghẹn ngào. Thông qua phiên dịch, tôi hiểu rằng cô rất vui. Với các động tác, cử chỉ và những giọt nước mắt, tôi hiểu rằng H. Nemoto đã ngộ ra nhiều điều. Tôi chắc chắn rằng những giọt nước mắt, của cô trong những giờ phút ấy là những giọt nước mắt của hạnh phúc và mãn nguyện, của sung sướng và thỏa mãn.

H. Nemoto và những giọt nước mắt. Mười ngày với đất nước Ấn Độ huyền bí và thế giới của chúng ta. Sự giàu và nghèo (về vật chất và tinh thần). Ngày hôm qua và tương lai. Tất cả vẫn cứ như đang xoay vần, đang bay bổng trong đầu tôi trong những ngày cuối cùng của năm 2009 này. ■

Chốn Cũ

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Ai mà chẳng có một quê xưa? Vậy mà, lắm khi không ít người chẳng hề nhớ về chốn cũ, trong cuộc tồn sinh dằng dặc mà ngẩn ngùi ngậm ngùi! Nhưng, nói rên rang theo cái cách điệu hoa hòe hoa sói phi-lô-dốp⁽¹⁾ như thế, cũng chỉ là để... lan man về về một chốn - xưa - hiện - tiền: quán cà phê mà tôi tự đặt tên là Chốn Cũ để khỏi mang tiếng quảng cáo không công.

Vì sao, giữa vô thiên lủng quán cà phê ở cái thành phố "mạnh mẽ" này, mà lại chỉ "chấm" ra vài quán, khả dĩ lưu dấu trong chút "tâm tình" trên cái cuộc rong chơi mà nhiều người Quảng "nôm" vẫn ưa lặp lại ngôn ngữ của cố lão thi sĩ Bùi Giáng: cuộc lữ? Ấy là, vì chủ quán có cái tên gọi rất chi là... mông lung bàng bạc: Vô Biên. Ấy bởi, cái quán nhỏ nằm trên đường Nguyễn Công Trứ quận Sơn Trà này là chỗ dừng chân của không ít bạn bè văn nghệ nhiều nơi, mỗi khi về Đà Nẵng. Ấy là...

* * *

Trên gác. Gác nhỏ, dành cho những ai "ưng cái bụng" theo kiểu ngồi xếp bằng mà chờ từng giọt cà phê... thánh thót. Mà, thờ chậm, theo sự "bày vẽ" của... bức thư pháp trên tường: *Thở đi con*. Chỉ riêng chuyện thở, người quên vẫn nhiều hơn người nhớ. Quên mất cái chốn cổ quận của bất kỳ sinh linh nào (là cái bụng), vốn là cuống rốn từ trong bào thai. Để chạy theo... cái đầu hỗn độn vọng tưởng. Lại chợt nhớ cu Nam ba tuổi, ở Mỹ, đang mãi đùa nô, bỗng dừng lại mà... nhớ "phình bụng ra thót bụng lại" theo lời dạy của người hướng dẫn tại trường học mẫu giáo. Thì ra, ta cứ quen chê bai phương Tây kỹ thuật thực dụng, nào có hay đâu, từ lâu, người ta đã rút tỉa những tinh

hoa của phương Đông; trong khi chính "ta đây" đang đại khờ đi lượm lại những thứ mà người ta đã ném bỏ(!). Ly cà phê ở Chốn Cũ, sáng nay, với lời nhắc thăm lặng ấy, chẳng lẽ không đáng ghi nhận hay sao?

Dưới nhà. Thì cũng chỉ là một quán cà phê phổ. Với không gian nhỏ và những gổm những đá những giấy dó... vốn đã trở thành một cách điệu "tìm về" cho những ai muốn giảm bớt stress giữa chốn thị thiếng bụi bặm bồ xô. Thường thì những quán cà phê có cái style như thế này "xác định" đối tượng khách của mình là thuộc lứa trung niên trở lên. Ở đây, lại có những gương mặt thanh sạch ngổ ngáo của những người 9X. Chẳng lẽ lại mất công đi làm cái - gọi - là "điều tra xã hội học", nhưng biết đâu, thực tế này lại chẳng "minh thị" cho một điều gì có chút nghĩa lý đáng vui: Những người trong khoảng 20, đầu phải tất cả đều... quay cuồng với pop với rap (?).

* * *

Trong ánh nắng nhẹ của Đà Nẵng sau những ngày dằng dặc của dầm - dề - sùi - sụt, khi bước ra khỏi quán, nghe như có tiếng ai hát, phía sau, mơ hồ trong gió sáng: "... nhắc chỉ ngày xưa đó đến se buồn lòng ta. Đào nguyên trước...". Không dung mà nhớ đến câu thơ, của

cô chủ quán. Như một vang hưởng, một thì thầm réo gọi chẳng cho riêng ai: "Mưa reo ngô trúc, hồn quê thật gần"!

Như lời chào của Chốn Cũ... ■

⁽¹⁾ phi-lô-dốp: phiên âm từ philosophe của Pháp, có nghĩa là triết lý, một cách nói thời thượng của người miền Nam các thập niên 60, 70 thế kỷ trước khi nhắc đến những vấn đề nghe có vẻ "phi-lô-dốp"!



Phỏng vấn GS TS Thái Kim Lan

Văn hóa Phật giáo là nền tảng của văn hóa Việt Nam



GSTS Thái Kim Lan hiện giảng dạy về Triết học và Phật học tại Đại học Ludwig-Maximilian, Munich, Đức, và là Chủ tịch Trung tâm Giao lưu Văn hóa Đức – châu Á. Bà là người quan tâm sâu đậm đến Phật giáo và văn hóa Phật giáo. Nhân dịp bà đến Nha Trang, Khánh Hòa tham dự khóa Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hoạt động văn hóa Phật giáo tổ chức từ ngày 2 đến 5/12/2009, chúng tôi có buổi trò chuyện với bà về những vấn đề của văn hóa Phật giáo Việt Nam. Xin được ghi lại.

Thưa TS, văn hóa là một vấn đề rất chung nhưng cũng rất riêng, vì ai cũng có văn hóa, nhưng không ai giống ai. Vậy thế nào là văn hóa Phật giáo Việt Nam?

Văn hóa Phật giáo Việt Nam là nền văn hóa lấy giáo lý của Đức Phật làm trung tâm, xảy ra trên đất nước Việt Nam, cho con người Việt Nam, do con người Việt Nam tiếp nhận và biến đổi cho phù hợp với xã hội Việt Nam, trong lịch sử Việt Nam... nên gọi là văn hóa Phật giáo Việt Nam. Cụ thể, nếu ta lấy sự truyền bá Phật giáo vào Việt Nam cách đây 2.000 năm thì đồng nghĩa với ta có chừng ấy năm văn hóa Phật giáo Việt Nam. Như vậy, qua thời gian văn hóa Phật giáo đã thấm nhuần vào phong tục tập quán, lối sống, hình thành tư tưởng tình cảm... của người Việt Nam. Tất cả những cái đó gọi là văn hóa Phật giáo Việt Nam.

Văn hóa Phật giáo Việt Nam được thể hiện trên rất nhiều phương diện. Vậy trọng tâm của văn hóa Phật giáo Việt Nam là cái gì?

Đó là đạo đức. Vì văn hóa Phật giáo nhấn mạnh đến cách thể sống của con người trong môi trường xã hội Việt Nam. Nó định hướng cho tư duy và hành động của con người để đạt đến mục đích sống cao nhất cho bản thân và cộng đồng xã hội, thậm chí là môi trường thiên nhiên. Đó là tính thiện, tính hướng thiện. Điều này chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp qua ca dao tục ngữ: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo, nhân nào quả nấy... đó đều là những phạm trù đạo đức.

Xin TS thử định về trí của văn hóa Phật giáo trong dòng chảy văn hóa Việt Nam?

Nó là nền tảng của văn hóa Việt Nam. Tôi nói nền tảng bởi vì nó là cơ sở để người Việt tồn tại và phát triển trên

phương diện quốc gia, dân tộc, tư tưởng... chúng ta biết sự kiện 1.000 năm đô hộ giặc Tàu. Sự đô hộ tất nhiên diễn ra trên tất cả mọi phương diện, nhưng nặng nề nhất là ở tư tưởng. Nếu đô hộ bằng quyền lực thì sau khi người bị đô hộ đánh đuổi kẻ thù ra khỏi biên giới là hết, còn vấn đề tư tưởng nó nằm trong đầu không dễ gì gột rửa được, thậm chí kéo dài cả nghìn năm, và rất nhiều dân tộc trên thế giới bị biến mất bằng mỹ từ đồng hóa. Trung Quốc đã dùng Nho giáo để khống chế tư tưởng dân tộc ta cho mục đích đồng hóa. Chính lúc đó, Phật giáo với những nét gần gũi, dung dị mà sâu lắng phù hợp với dân tộc ta được lựa chọn để làm công cụ để kháng lại với tư tưởng Đại Hán xâm lăng phương Bắc, cho sự độc lập của dân tộc.

Có thể nêu lên một ví dụ. Festival Huế được tổ chức rất nhiều lần, nhưng tôi cảm giác chưa chạm được đến chiều sâu nhất của văn hóa Huế, điều đó cũng có nghĩa là chưa thành công. Bởi vì sâu nhất của văn hóa Huế là Phật giáo. Văn hóa Phật giáo bàng bạc trong không gian, thấm đẫm trong hồn người sông Hương núi Ngự, chừng nào chưa khai thác hoặc khai thác chưa hết yếu tố này chừng đó Festival Huế vẫn chưa thành công.

Nói Phật giáo là hệ tư tưởng cho độc lập dân tộc. Nhưng Nho giáo là sản phẩm của dân tộc Trung Hoa, Phật giáo là sản phẩm của dân tộc Ấn Độ. Không ảnh hưởng Nho thì ảnh hưởng Phật, bản chất của nó đâu có gì khác nhau?

Khác nhau rất nhiều. Nho giáo là hệ tư tưởng của kẻ thù đang thống trị dân tộc ta, và đang ra sức đồng hóa dân tộc ta qua con đường văn hóa Nho giáo. Để thoát khỏi một ảnh hưởng văn hóa phải dùng một hệ thống văn hóa khác xứng tầm. Lúc này văn hóa Phật giáo là duy nhất để lựa chọn. Hơn nữa, Ấn Độ ở rất xa ta và chưa bao giờ xâm lược ta. Mặt khác, ở đây ta xét đến tính nội tại của văn hóa Phật giáo. Đó là tính độc lập rất cao. Nó phá vỡ mọi lệ thuộc, đưa con người đến đỉnh cao của chân lý và sáng tạo. Một đặc điểm nữa, Phật giáo là một nền văn hóa mở, ở đó dân tộc ta có thể tìm thấy những điều phù hợp cho mình, và sáng tạo đóng góp và hệ thống giá trị đó, nên ta mới có Phật giáo Việt Nam, khác với Phật giáo các nước.

Như TS nói, Phật giáo có rất nhiều cái hay. Nhưng chúng ta thấy ngày nay đến với Phật giáo chỉ có những người lớn tuổi, người chết, người không còn những khát vọng trần thế. Phải chăng Phật giáo ít chia sẻ những giá trị thời đại?

Già và chết nằm trong tiến trình của của sự sống, hơn nữa đối với Phật giáo, chết cũng chưa phải hết. Nên quan tâm đến người già, người chết là cần thiết và hết sức nhân bản. Tuy nhiên chúng ta cũng phải thừa nhận là Phật giáo ít quan tâm đến nhu cầu của giới trẻ để có cách tiếp cận phù hợp nên không thu hút được họ là đương nhiên. Giới trẻ ngày nay nghĩ gì, thích gì, có những đau khổ gì...

đó là những vấn đề phải được đặt ra, trên cơ sở đó đem tinh thần khế lý khế cơ của Phật giáo ra mà vận dụng để đáp ứng. Đáp ứng được thì họ theo là tất nhiên. Đây là tại chúng ta chưa vận dụng, không vận dụng, chứ không phải Phật giáo không có khả năng đáp ứng. "Phật giáo tại thế gian, bất ly thế gian giác" tôi nghĩ đây là then chốt của vấn đề, và đây cũng là trách nhiệm của ngành văn hóa Phật giáo.

Đến với hội thảo này, điều tâm đắc nhất TS muốn chia sẻ là gì?

Như tôi đã nói, đó là đạo đức Phật giáo. Đạo đức xã hội đang xuống cấp đến mức báo động. Con đánh cha, vợ giết chồng, thầy giáo xâm hại học trò, cán bộ tham nhũng, người dân xem thường pháp luật, giới trẻ ngày càng sa đọa... đó là những biểu hiện bằng hoại đạo đức trong xã hội, trong khi Phật giáo có một kho tàng đạo đức đồ sộ được kiểm định chất lượng qua lịch sử dân tộc, được cộng đồng quốc tế công nhận mà không đem ra ứng dụng được thì rất đáng tiếc. Tất nhiên để đi đến tình trạng này có rất nhiều nguyên nhân như chiến tranh và nhiều vấn đề khác nữa. Nhưng đây là thời điểm thích hợp để ta làm những việc này. Và tôi nghĩ những hội thảo như thế này là vô cùng cần thiết, kịp thời của ngành văn hóa Phật giáo, rất đáng khích lệ và nên mở rộng.

Hội nhập là xu thế tất yếu ngày nay, TS nghĩ Phật giáo có thể đóng góp được gì cho xu thế đó?

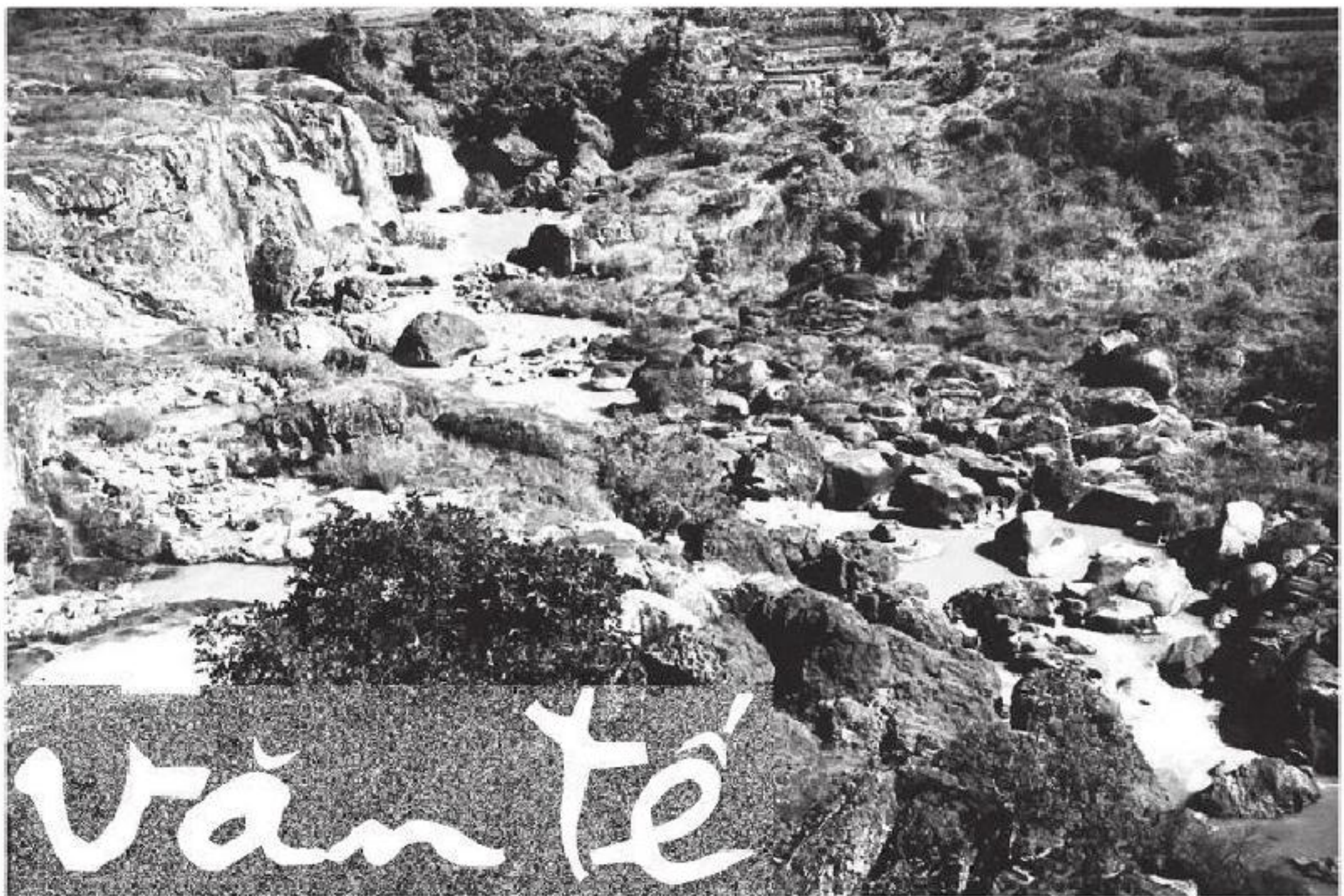
Rất nhiều. Tôi nói cụ thể, hội nhập với quốc tế để là để thế giới thấy được cái hay cái đẹp của Việt Nam, và học hỏi người ta để nâng cao đất nước, con người, văn hóa mình, chứ không phải chìm ngìm trong bể mê mông của văn hóa nhân loại. Muốn như thế thì những gì là tinh hoa của ta phải định cho rõ, phải phổ cập cho rộng rãi, phải thấm nhuần cho sâu xa. Ở đây, như tôi đã nói từ đầu, văn hóa Phật giáo qua thời gian đã thấm nhuần trong phong tục, tập quán, trong tâm tư, tình cảm giúp định hình nên cốt cách Việt... đây là điểm rất quan trọng mà ngành văn hóa Phật giáo nói riêng, Giáo hội Phật giáo nói chung phải nắm thật chặt để vun đắp cho cội nguồn văn hóa Việt. Nếu làm được như thế sẽ là một đóng góp vĩ đại nữa của Phật giáo cho dân tộc trong thời đại mới.

Xin được hỏi một câu riêng tư. Đức là đất nước của triết học. Chúng ta không lạ gì những tên tuổi lớn như Kant, Hegel, Nietzsche, Heidegger, Marx... và triết học là một ngành rất nam tính. Một phụ nữ Việt Nam dạy triết học tại đây. TS có bí quyết gì không?

Không có bí quyết gì hết. Chắc là do duyên, do Phật phù hộ và do nỗ lực của bản thân mà thôi.

Xin cảm ơn TS về buổi nói chuyện này.

Thanh Tri ghi



THÁC GOUGAH & THÁC LIÊN KHÀNG

(Nhân đọc tin Sở VH-TT tỉnh Lâm Đồng “khai tử” và xin rút hai thắng cảnh trên ra khỏi danh sách xếp hạng di tích quốc gia)

Ôi thôi!

Nghe đã náo lòng! Ngẫm càng xót ruột!

Hỡi Liên Khàng, Gougah! Ôi Lâm Đồng, Đà Lạt!

Mới ngày nào còn tên tuổi nức vang. Nay phút chốc sao xác hồn phiêu dạt?

Cho hay,

Hễ có sinh ra; Ất rồi diệt mất.

Dẫu lẽ thông thường; Mà lòng quay quắt.

Cấp cấp giấy má chung bày,

Vội vội hương đèn sắp đặt.

Nhớ xưa ấy,

Bọn Tây qua xâm lược, gót viễn chinh mù tít một góc trời,

Dân Nam phải gồng cùm, thân vong quốc giận cay đòi con mắt

Rừng vàng biển bạc, khác chi đâu mỡ trước miệng mèo,

Suối ngọc thác ngà, y như thể thịt trong móng cắt.

Versin¹ giỏi thật, non cao lung sục, mở lối thông thương,

Doumer² ghê thay, đổi dốc chiếm dần, làm nơi nghỉ mát.

Đó Tánh Linh, đây Bảo lộc, lũ thực dân đua dựng tháp xây lầu,

Này Daklak, nọ Lang Biang, dân thiểu số cầm tồn rừng mất đất.

Nơi dưỡng sức khí trong cảnh đẹp, một phần đầu tới bọn bạch đình,

Chỗ vui chơi thông tốt hoa tươi, trăm thứ để cho người ngoại quốc.

Giơ-ne³ xứ Việt, côi bóng lai riêng độc giới thượng lưu,

Sa-pa miền Nam, chốn nhược thủy dành toàn dân quý tộc.

Quần soóc trắng, mũ đầm chơi ten-nít, phồn phơ chân khoe vế trắng tinh

Áo vét đen, thẳng xếp lái ô-tô, vênh vào mặt vênh râu đen đặc.
 Giận đã càn hông,
 Tức thêm bể ngực.
 Sơn hà thì chung hưởng, thật có đâu tới phận thấp hèn,
 Cường thổ há riêng ai, sao đành chỉ cho phường trên trước?

May thay!
 Ác mỷ mà bền; Bao thì phải mệt!
 Xứng mặt dân ta; Đáng đời thẳng giặc!
 Nước nhà một sớm giành độc lập, diệt Mỹ bình Tây,
 Sông núi muôn nơi vững kết đoàn, hợp Nam liên Bắc.
 Nhà nhà cùng hưởng, mấy ngàn năm cơ nghiệp sắt son,
 Chốn chốn chung vui, liến một dải sơn hà gấm vóc.
 Vườn bảo tồn, khu du lịch, đua nhau mà xây dựng lút ga,
 Dân bản địa, khách ngoại kiều, nối gót đến tham quan mặc sức.
 Cam Ly, Gougah bao thác, người ngất ngây giữa rừng núi mờ sương,
 Xuân Hương, Than Thở mấy hồ, dân xúm xít bên nước mây trong vắt.

Những tường là,
 Thung lũng bạc tình nhân say viễn mộng, đàn đá gõ long lanh,
 Thành phố hoa lữ khách bước lãng du, nhạc thông reo diu dặt.
 Tung bừng lễ hội, dân an cư ca ngợi thuở thái bình,
 Rộn rã chiêng cồng, bản lạc nghiệp sum vầy thời phát đạt.
 Hàng hải tăng độ giàu đất nước, xí nghiệp cạnh công ty,
 Thiết tha nâng mức sống dân tình, liên minh kế hợp tác.

Thiệt chẳng ngờ,
 Lắm chú nồn nao làm kinh tế, ham liên doanh lối ăn xối ở thì,
 Nhiều o nóng nảy kiếm kim tiền, chuộng khai thác kiểu mau bùng sớm tắt.
 Lập quy hoạch trước suôn sau rồi, chống chéo lên nhau,
 Xây công trường nay nhỏ mai to, giẫm đè với chắc.
 Hồ Đại Ninh tích thủy, anh Gougah đấu ngập lũ dâng,
 Đường Hai Mươi quảng khai, chị Liên Khàng miệng khô nước rặt.
 Ngao ngán bấy xô bồ người nhốn nháo, um sùm tiệm nước, nhà hàng,
 Nực cười thay chen chúc khách nhi nhô, tóa lọa hổ bơi, quán nhạc.
 Cây đau chặt, cành chơ vơ đầu khóm lá hoa,
 Đá xót tan, mảnh lẫn lộn giữa rừng giấy rác.
 Thiên nhiên phong cảnh, xin vẫy chào với đấng khai canh,
 Di tích quốc gia, đành trả lại cho người ban phát.
 Bụi ngùi một phút chia tay,
 Đau đầu không ngày gặp mặt.

Than ơi!
 Thế là hết, mong lai sinh sẽ đến chốn trường tồn,
 Xem như xong, cầu hậu kiếp về được nơi an tức.
 Thác còn chảy, bà con ơi, xin cố sức giữ gìn,
 Suối chưa khô, giới chức hỡi, hãy tận tình đùm bọc!

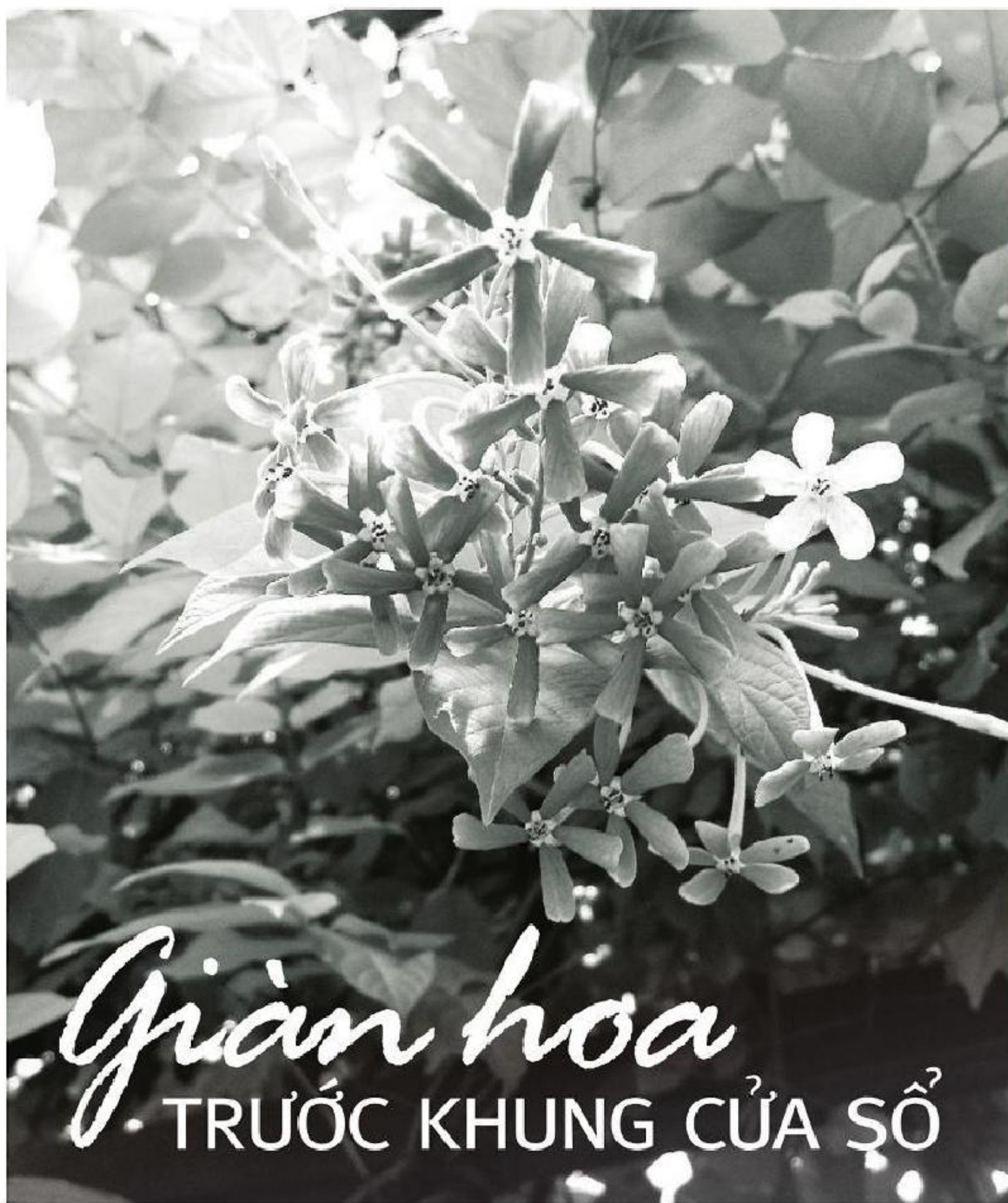
Thần đá, ma cây
 Vong rừng, quỷ nước
 Tốc tốc hiển linh
 Thừa thừa phúng dục!

Vĩnh Ba



Chú thích:

1. Tháng 1.1893 Bắc sĩ Alexandre Yersin nhận nhiệm vụ từ Toàn quyền Lanessan khảo sát một tuyến đường bộ đi từ Sài Gòn xuyên qua vùng người Thượng và kết thúc ở một bờ biển ở Trung Kỳ. Từ 08.4 đến 26.6.1893, ông đã thực hiện 3 chuyến đi và tìm ra cao nguyên Lang Biang vào ngày 21.6.1893.
2. Để xây dựng một khu nghỉ mát có khí hậu ôn hòa như châu Âu, Toàn quyền Paul Doumer đã viết thư hỏi ý kiến Yersin. Yersin trả lời đó là cao nguyên Lang Biang. Tháng 3.1899, Yersin đi cùng Doumer khảo sát cao nguyên Lang Biang và quyết định lập một trạm điều dưỡng ở đây.
3. Thành phố Genève (Thụy Sĩ), một nơi nghỉ mát lý tưởng ở châu Âu.



Giàn hoa TRƯỚC KHUNG CỬA SỔ

NGUYỄN VĂN TÚ

Từ hai năm trước, khi thi đậu vào Đại học Kinh tế, tôi được mẹ tôi gửi trọ tại nhà di Tư tôi ở thành phố Hồ Chí Minh. Phòng trọ của tôi là một căn gác gỗ mỗi bề ba mét. Đây là một căn nhà trệt nhỏ nằm trong hẻm lộn giữa những căn nhà lâu kiên cố. Nhà chỉ có di Tư và tôi. Chị Hai con của di làm việc tại Cần Thơ, vài ba tháng mới về

thăm nhà một lần. Dì cũng suốt ngày ở ngoài tiệm tạp hóa cách nhà khá xa. Tôi cứ hai buổi sáng chiều đi học, buổi tối tôi còn đi dạy kèm cho mấy em nhỏ thuộc hai gia đình khác nhau để kiếm thêm tiền phụ vào khoản trợ cấp ăn học hạn chế mà mẹ tôi vẫn gửi lên hàng tháng. Thời gian ở nhà của tôi rất ít, ngoại trừ các ngày lễ hay ngày chủ nhật.

Tôi sống thui thủi, chúi đầu vào học và hầu như không có thì giờ giải trí. Buồn, cô đơn, và cảm thấy tâm hồn bị tù túng, tôi thường nghĩ đến khoảng trời rộng, vườn cây xanh, tiếng chim hót và những cơn gió mát của quê nhà, một xã nhỏ cách khá xa thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Căn gác tôi ở có khung cửa sổ nhìn ra một con hẻm nhỏ. Đứng cạnh đó, nhìn quanh quất, ngửa mặt lên, quay mặt xuống, tôi chỉ thấy toàn là tường nhà người ta. Cũng may, trên tầng lầu của căn nhà đối diện với khung cửa có một giàn hoa xanh mát mà tôi không biết tên gọi, chỉ thấy hoa nở thành từng chùm, màu trắng màu hồng chen lẫn nhau. Buổi sáng thường có dăm bảy con chim sẽ bay đến giàn hoa, rìa lông, nhảy nhót và kêu két két... Suốt ngày bận bịu, tôi chỉ có chút thời gian rỗi rảnh vào lúc sáng sớm để nhìn cái khung cảnh nhỏ nhoi nhưng sinh động, đáng yêu ấy ở ngoài cửa sổ. Riêng ngày chủ nhật, tôi thường dành cả tiếng đồng hồ để lặng ngắm, theo dõi, quan sát từng cánh hoa, từng ngọn lá, từng con chim sẽ... Lâu ngày, tôi cảm thấy mình quen thuộc, gần bó, thương yêu chúng, xem chúng như những sinh linh chia sẻ vui buồn, an ủi mình trong cảm giác cô đơn.

Trên giàn hoa, góc nọ có dăm ba chồi non đang vươn lên, hiển nhiên chỉ trong vòng tuần lễ, chồi sẽ lớn mạnh, mở rộng và những chiếc lá tươi sẽ trải ra, màu xanh đậm dần, cuống lá sẽ dai và cứng hơn để đỡ mấy đôi chân mảnh khảnh của đám chim sẽ. Góc kia mấy cụm hoa non đang chen chúc chờ ngày khoe sắc. Lại, nhiều ngọn lá xanh đã xuất hiện những đốm vàng, màu vàng dần lan tỏa nhưng lá vẫn tươi, lại càng đẹp hơn và rất lâu mới rụng. Con chim sẽ bé nhất mấy ngày qua còn rụt rè đứng khuất sau cụm hoa mà kêu chim chirp nay đã trở nên dạn dĩ, hăng hái bay nhảy, riu rít luồn mồm.

Niềm vui thầm lặng nhỏ nhoi của tôi rồi cũng có người chia sẻ. Một sáng chủ nhật, Lan đến thăm tôi. Lan là cô bạn đang học năm thứ nhất khoa Kinh tế mà tôi được quen thân cách đây khoảng ba tháng. Chúng tôi đang bàn về một vấn đề trong quản lý doanh nghiệp thì bỗng Lan bảo có con chim lạ đậu ở giàn hoa ngoài cửa sổ. Tôi bảo đó là một trong mấy con chim sẽ. Lan cãi và tỏ cho tôi xem. Con chim màu nâu, dài khoảng gang tay, lưng và đuôi màu sậm ngả sang đen, lông bụng phớt trắng hồng. Đặc biệt, đôi mắt đen long lánh, nằm giữa đám lông trắng toát. Phía trên mắt là một vệt đen dài, hơi cong và phần cuối hơi chếch lên giống hệt lông mày được kẻ sắc sảo của một phụ nữ duyên dáng. Đây là một con chim họa mi, loài chim quen thuộc với tôi hồi tôi còn ở quê nhà. Chim có mình thon dài, bộ lông rất đẹp và

nhất là tiếng hót thì rất tuyệt với từng hồi dài có nhiều giai điệu trầm bổng ít có loài chim nào bì kịp. Tôi từng nghe Mẹ tôi bảo trong kinh Phật có nhắc đến loài chim Ca-lăng-tần-già, loài chim thiêng ở cõi trời, hót rất hay và chuyển được ý lời kinh Phật dạy. Hẳn là họa mi không thể sánh với Ca-lăng-tần-già nhưng cũng gọi cho tôi ý niệm về tiếng hót thần diệu của loài chim thiêng ấy.

Con chim họa mi trước cửa sổ phòng tôi đứng trong khóm lá, tia nắng bông hoa, lách đầu xuống dưới mấy ngọn lá, có lẽ đang tìm sâu bọ, côn trùng. Nó không hót. Tôi biết không dễ gì nó hót vì tôi chưa từng nghe con chim họa mi nào ở thành phố bay ra khỏi lồng mà cất tiếng hót. Tôi đoán rằng con chim vừa mới sổ lồng, còn đang ngỡ ngàng, lạ lẫm với môi trường mới.

Tôi kể cho Lan nghe về chim họa mi, nêu nhận xét về con họa mi mới đến, đang ngo ngoáy chiếc đầu nhìn đám chim sẽ nò nua. Lan chăm chú nghe, đôi mắt đen long lánh, cặp mày dài và thanh của cô khiến tôi liên tưởng đến vệt đen dài trên mắt con chim mới đến: họa mi nghĩa là vẽ lông mày.

Những buổi sáng tiếp theo, con chim họa mi vẫn đến với giàn hoa. Nó gần như đã quen với khung cảnh nhưng nó vẫn không cất tiếng hót. Gặp Lan ở trường, tôi thuật lại từng chi tiết về con chim cho Lan nghe. "Anh nghĩ, bao giờ thì nó hót?" Lan hỏi. Tôi đáp rằng có lẽ chủ nhật tuần tới. Chủ nhật ấy, Lan lại đến với tôi để chờ nghe chim hót. Con chim họa mi vẫn chưa chịu cất tiếng nhưng tiếng nói thầm trong lòng tôi và Lan hình như đã bắt đầu mừng tượng. Hoa trên giàn vẫn nở rộ, thắm tươi. Lá vẫn xanh, chen lẫn với những chiếc vàng tươi, rất đậm thắm, mỹ miều. Mấy con chim sẽ vẫn vui đùa rộn rã.

Thế rồi gần cuối năm học thứ ba, tôi cùng một số bạn học tham gia một cuộc tham quan dã ngoại trong bốn ngày tại Tây Nguyên. Khi trở về, bước lên gác trọ, nhìn ra cửa sổ, tôi bàng hoàng sửng sốt. Giàn hoa đã bị phá bỏ, bức tường được xây lại trang trí bằng những thanh sắt uốn theo hình hoa lá, sơn phết màu hồng thắm nổi lên giữa màu hồng phấn của bức tường. Bên dưới cửa là mặt sau của chiếc máy lạnh, khô khan, trơ cứng.

Thời hết rồi, giàn hoa của tôi, của sự thân thương, an ủi, vỗ về. Mấy con chim sẽ thỉnh thoảng bay qua cửa sổ của căn gác trọ, cất tiếng kêu khe khẽ như rên rĩ. Con chim họa mi thì biệt tăm. Tất cả chỉ còn lại màu hồng của căn nhà đối diện mà tôi tưởng như màu máu nhọt nhọt của đám lá, của khóm hoa cũ. Tôi dần dần ít gặp Lan. Lan cũng không còn đến với tôi vào sáng chủ nhật. Lan và tôi hình như xa nhau dần. Tôi không biết tại sao và có lẽ Lan cũng thế.

Tôi ghi lại những dòng này vào mấy trang trắng còn thừa của cuốn vở cũ mà tôi đã dùng từ hai năm trước. Tôi nghĩ rằng đây đã là những gì rất thực về một quãng thời gian ngắn ngủi, được ghi lại để có lẽ khi mở ra xem, tôi sẽ như được gọi lại một giấc mơ, và biết đâu, kinh nghiệm được đôi chút về tính vô thường, ảo hóa của cuộc đời. ■



Mãi mãi cảm ơn đời

ĐAN ĐÌNH ĐÌNH

Xin cảm tạ những nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho phép con được mang thân người. Đức Từ Phụ từng dạy rằng có được thân người là điều hy hữu. Ngài đã đưa một ví dụ. Giả sử có một con rùa mù cứ mỗi trăm năm mới trồi lên mặt biển một lần, và trên mặt biển có một thân cây mang một bọng cây trôi nổi khi Đông khi Tây theo chiều sóng đẩy. Ngài khẳng định rằng xác suất để con rùa mù khi trồi lên mặt nước chui đúng vào bọng cây còn cao hơn xác suất một kẻ phàm phu trồi nổi trong lục đạo có thể tái sinh được thân người. Vì thế một lần

nữa, xin cảm tạ những nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho phép con được mang thân người.

Xin cảm tạ những nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho con có mặt trong cộng đồng người Việt và xuất thân trong một gia đình có truyền thống tin sâu lời Phật. Con cảm nhận sâu xa rằng quê hương con đã từng tan nát vì bom đạn chiến tranh. Con cũng cảm nhận sâu xa rằng cộng đồng người Việt chúng con còn đang chia rẽ đến tận cùng vì những kiến giải sai khác học được từ người ngoài, đến nỗi cha không nhìn mặt con, vợ không nhận ra chồng, anh không chấp nhận em. Nhưng con

luôn tin tưởng rằng quê hương tan nát và dân tộc chia lìa lại chính là những tiến để buộc người Việt phải nhìn lại mình sau những tháng năm dài đắm chìm trong tủi nhục vì bị lân bang coi nhẹ. Như đứa cùng tử lang thang không biết trong ché áo mình có viên ngọc quý, sẽ có lúc người Việt nhận biết cần phải trở về nguồn, biết tiếp nhận những góp ý của người ngoài trên tinh thần gạn đục khơi trong, biết rằng những giải pháp cho người Việt vẫn có sẵn trong dòng sử Việt. Con cũng tin tưởng rằng khi chấp nhận thân phận bị đọa đày, con cùng đồng bào của con có cơ hội thanh thỏa những cộng nghiệp mà con cùng đồng bào của con từng gây tạo trong quá khứ, để dân tộc này tái sinh trong một môi trường mới tịnh lạc. Vì thế một lần nữa, con xin cảm tạ những nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp đã cho con là người Việt có niềm tin vào đấng Từ Phụ.

Xin cảm tạ những nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã thành tạo đất nước Việt Nam, qua nhiều biến chuyển vẫn trải dài từ Hữu Nghị quan đến mũi Cà Mau. Con cảm nhận sâu xa rằng để có được giang san gấm vóc, bao thế hệ tiền nhân đã phối xương đổ máu, tận tụy hy sinh. Con cũng cảm nhận rằng trong suốt chiều dài lịch sử của dân tộc Việt, nhiều tộc người khác nhau cùng có mặt trên dải đất hình chữ S ven bờ biển Đông này đã luôn luôn chung vai sát cánh với tộc người Việt để cùng xây dựng một cuộc sống chung hài hòa, chia sẻ với tộc người Việt trong những bước thăng trầm phá Tống bình Nguyên đuổi Tây đánh Mỹ. Con cũng cảm nhận một cách sâu xa rằng để xây dựng nên đất nước gấm vóc như ngày nay, những thế hệ tiền nhân của con cũng đã gây biết bao điều oan trái. Và con cũng cảm nhận sâu sắc rằng những vay trả giữa những cộng đồng khác nhau trong lòng cộng đồng dân tộc cũng như giữa những cộng đồng dân tộc khác nhau trong cộng đồng con người chỉ có thể thanh thỏa bằng lòng yêu thương để xóa bỏ hận thù, đúng như Đức Từ Phụ đã dạy rằng lấy oán báo oán thì oán chất chồng, chỉ có lấy yêu thương báo oán thì oán mới tiêu tan. Do đó, trong lúc cảm tạ nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp đã thành tạo đất nước Việt Nam, con cũng nguyện cùng mọi người gieo rắc tình thương, hóa giải oán thù.

Xin cảm tạ những nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho con có mặt trong thời trụ kiếp để thấy được ánh sáng, bầu trời, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, không khí, nguồn nước, mặt đất, mặt biển, núi non, hải đảo, rừng rú, hồ đầm, sông suối, ruộng vườn, đất đá và muôn loài cây cỏ, muông thú, chim chóc, cá tôm... cùng loài người xây dựng nên các hệ sinh thái vững bền. Con cảm nhận sâu xa rằng do vô minh, có lúc loài người đã tự nhận mình là chủ tể của muôn loài, đòi hỏi mọi loài mọi vật phải phục vụ cho sự sinh tồn của loài mình, đến nỗi xâm hại các loài khác và làm cho môi trường sống của muôn loài trở nên mong manh. Vì thế, con xin cảm tạ cả những hình thức thiên tai, vì nhờ vậy mà loài người chúng con mới nhận thức được rằng sự vĩ đại của loài người không nằm ở chỗ

khắc phục được thiên nhiên mà chính ở chỗ biết cách khuất phục trước thiên nhiên, rằng con người không nên làm chủ muôn loài mà chỉ nên làm chủ chính mình.

Xin cảm tạ nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã đem lại cho người Việt chúng con cả bạn bè lẫn kẻ thù. Con cảm nhận sâu xa rằng qua những cọ xát cả với bạn bè lẫn với kẻ thù khắp bốn biển năm châu mà người Việt đã nhận thức được rằng con người nói chung thực sự không hề có kẻ thù nào khác ngoài chính mình, như Đức Phật đã từng dạy, con sư tử không thể bị bất cứ con vật nào ăn thịt trừ những con trùng ngay trên thân nó. Quả thật, khi mình khéo xử thì mọi kẻ thù đều có thể trở thành bạn. Và ta có kẻ thù chỉ vì ta đã mời gọi người khác trở thành kẻ thù của mình. Khi nhận thức được điều đó, con người và con người Việt Nam nói riêng sẽ luôn luôn tìm mọi cách biến tất cả mọi người khác thành bạn bè bằng lòng yêu thương và sự trung thực, bằng sự chấp nhận thanh thỏa những nghiệp ác mà mình đã gây tạo, nhưng cũng bằng sự dũng cảm nhìn thẳng vào những điều xấu ác đang hình thành để biết cách ngăn chặn.

Xin cảm tạ nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho con được thân cận gần gũi với cha mẹ, ông bà, anh chị em, chồng vợ, con cháu, bạn bè, thầy cô, được thân cận gần gũi với cả những người thương yêu lẫn những người ghét bỏ, những người xem trọng lẫn những người khinh khi, những người thành thật lẫn những người giả dối... Con cảm nhận sâu sắc rằng chính sự thân cận gần gũi nhiều người vừa theo thuận duyên vừa theo nghịch duyên đã mang lại cho con những cơ hội để nhận biết một cách rõ ràng những tác hại của việc nói lời hư vọng. Vì thế con xin nguyện sẽ hết sức giữ gìn hạnh nói lời chân thật và khuyến khích mọi người gìn giữ hạnh nói lời chân thật để cùng mọi người xây dựng một cuộc sống hòa ái an vui. Và cũng vì thế, con xin cảm tạ nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp đã cho con luôn được thân cận gần gũi với người thương kẻ ghét, người hiền kẻ ác, người tốt kẻ xấu, người công chính kẻ gian tà.

Sau cùng, xin cảm tạ nhân duyên từ nhiều đời nhiều kiếp đã cho con lại được tiếp xúc với Phật pháp nhiệm mầu, được thân cận gần gũi với các sư trưởng, các bậc thiện hữu tri thức, được nghe các ngài tận tình giảng giải về giáo pháp, được tận mắt thấy hạnh nguyện thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sinh của các ngài. Con cảm nhận một cách sâu sắc rằng mọi thiện duyên hay ác duyên mà con gặp phải trên đường đời đều do những hành vi của mình chiêu cảm, vì thế con nguyện thanh thân chấp nhận mọi hoàn cảnh thực tại để nỗ lực vươn lên theo chánh pháp và chánh đạo. Con cũng nguyện suốt đời mời gọi mọi người thanh thân chấp nhận mọi hoàn cảnh thực tại của họ để nỗ lực vươn lên theo đúng chánh pháp và chánh đạo. Con mãnh liệt tin tưởng rằng ánh sáng của chánh pháp sẽ giúp mọi người xây dựng một cõi tịnh lạc ngay trên mặt đất này. Con cũng xin nguyện đời đời luôn trở lại cõi thế trong thân người Việt. ■



Vườn xưa mắt mẹ

LÊ HUYNH LÂM

Bây giờ mảnh vườn của mẹ không còn giàn bầu, giàn bí, không còn những hột mồng tơi tím tím cho các em thơ làm mực, những hoa mướp vàng dâng hương sắc cho những con ong. Màu xanh mực cũng héo tàn theo thời gian, vườn của mẹ không còn hoa cúc, hoa nhài và chiếc cầu tre xiêu vẹo nhô ra sông, để mỗi chiều hè những trẻ nhỏ thay phiên nhau tung mình xuống dòng sông thơ dại chỉ còn trong tâm tưởng. Dòng sông chảy ngang qua ngôi nhà tuổi thơ giờ đây không còn trong xanh như ngày xưa ngày xưa.

Chiều mưa lất phất, tôi về thăm khoảng vườn xưa cũ của mẹ, lẳng lặng ra bãi đất bồi trước nhà đứng nhìn dòng sông mà lòng cô quạnh bởi sự đổ nát hoang tàn,... tuổi thơ vùn vụt hiện về những gương mặt thời thơ ấu hồn nhiên của xóm bờ sông mà tôi gọi là xóm lủ lựt, nguyên nhân để có tên xóm lủ lựt, do hàng năm khoảng trên dưới mười trận lụt ghé thăm xóm nhỏ.

Ẩn sâu trong những lùm cỏ lau là hình ảnh thân thương của Hùng mỗ côi cha mẹ khi mới hai tuổi, của Việt con chú Thoàng, của Tư con bác Tổ, Vui con o Toại, của bé Ti, cu Lợi con bác Liên, bé Lắc, bé Xiêu con bác Hào, bé Gỏ con o Mười... Những gương mặt thơ ngây ngày nọ bây giờ không còn nữa, người đã là bác sĩ, người là kỹ sư, giáo viên, công nhân, cũng có người đang thất nghiệp,... Ngay cả những con chuồn chuồn cũng đành đoạn bỏ đi, chỉ còn lại những cái tên gọi lên trong tâm khảm như: chuồn ớt đỏ chói, chuồn voi oai vệ, chuồn cờ hùng dũng, những con chuồn chuồn màu vàng nghệ hiền lành, chuồn kim bé tí tẹo. Không biết chuồn chuồn có biết rằng, trước khi hóa kiếp trở thành chuồn chuồn để bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm, thì chuồn chuồn đã có một kiếp sống ở sông nước và lũ trẻ chúng tôi thường gọi là con "ăn mày". "Ăn mày" có thân hình mềm mại,

xanh non như một loài thực vật lơ lửng miễn sông nước, ao hồ.

Chiều nay nhìn sông hoang vắng mà nhớ dòng tóc của mẹ xanh mượt mà như màu sông ngày xưa, giờ tóc mẹ đã chuyển sang màu mây trắng. Chuyển đồ ngang hôm nay chỉ còn một chiếc bóng hao gầy, tiếng mái chèo khua nước lay động vùng không gian của ký ức, từ xa xăm tiếng chuông nhà thờ xứ đạo Thủy Thanh ở xóm Cồn Hến rung vang, tiếng chuông chùa Giác Hải xa xa vọng về gợi lên trong tâm cảm một nỗi quạnh vắng. Cơn gió chiều khẽ lay những tà áo dài trắng làm chao động hồn sông ngày nào.

Dạo quanh mảnh vườn nhỏ trong buổi chiều xáo xác, vô vàn những chiếc thuyền lá tre lơ lửng giữa khoảng không chưa tìm được nơi trú ngụ. Chốc chốc những cơn gió xô những đợt tre lay động, thân tre va chạm vào nhau phát ra âm thanh kéo cà kéo kẹt chỉ còn sót lại trong những mảnh vườn xưa cổ. Tiếng hò ru con vọng ra từ ngôi nhà nhỏ bên xóm khiến tôi chạnh lòng, chợt nhớ câu thơ của nhà văn đoàn mệnh Nguyễn Xuân Hoàng:

Mắt già sau cửa bàn khoa

Mẹ nhìn con mẹ bước qua nỗi buồn

Hầu hết thế hệ chúng tôi đều lớn lên từ những mảnh vườn của mẹ, những khu vườn đầm ấm kỷ niệm, tràn ngập tình yêu thương luôn được mẹ cha gieo trồng tạo nên một màu xanh kỳ vọng.

Đêm nay, ngồi bên mảnh vườn xưa của mẹ, nghe gió sông lùa vào những khóm lá xào xạc mà ngỡ như hơi thở người tình. Tôi đợi một bình minh trong đêm tối dưới ánh trăng bạc ngàn độ lượng thả ánh vàng vào đêm hoang vắng. Bất chợt nghe trong thăm thẳm mảnh vườn xưa cổ, vắng vắng tiếng bước chân ai về trong khuya khoắt. Gương mặt của mẹ hiền lớn dần lớn dần trong giấc mơ tràn ngập cả mảnh vườn, hình ảnh những bé thơ chạy ủa ra trước ngõ níu tay, níu áo khi dáng mẹ vừa nghiêng trước ngõ, mảnh vườn hôm đó rộn rã tiếng cười trẻ thơ. Giờ đây, vườn xưa đã tàn tạ không còn cây ổi, cây vú sữa, không còn giàn bầu, giàn mướp, không còn cả tiếng trẻ thơ vui đùa,... trước mắt tôi là những bãi đất đá ngổn ngang, những mảnh vườn hoang lạnh,... May mà trong khu vườn, còn hình bóng mẹ già hướng về phía trời xa mỗi khi chiều xuống, đó là niềm hạnh phúc lớn lao mẹ dành cho tôi. Mẹ như linh hồn của mảnh vườn xưa. Ánh mắt mẹ triu mến, nhưng trong sâu thẳm đôi mắt mồi mòn của mẹ, những vết xước cuộc đời dọc ngang chẳng chịt. ■



Và

TRẦN BỈ NGẠN

và xin hỏi đám mây trời ngang phố
có lòng ta rời bến lạ thuở nào
và xin hỏi với ngàn cây lá cỏ
có hồn ta xanh ngắt giữa chiêm bao?

và xin hỏi bầu trời xanh vô tường
mất bao lần nhắm mở giữa hư không
xin gọi lại những mùa hoang dã cháy
tắt về đâu trong tất cả một lần

và hỏi sông bụi tro ta ngày ấy
có an vui trên những cánh đồng bằng
và hỏi gió ý nghĩ ta thuở nọ
có chấp chờn trên lá những đêm trăng

và hỏi những giấc mơ qua ngàn tuyết
buổi nghiêng vai sóng sánh cuộc luân hồi
những sóng nhỏ về đâu không dấu vết
giữa muôn trùng gió dựng một trò chơi

mai hay một rù màu y lần cuối
thảy vào trong vực thăm lặng thời không
và lần nữa xin chọn làm hạt bụi
có và không giả lập một con đường.

Hát Giữa Trời Xưa

PHAN ĐẠO

Cứ ngỡ đi về trong nắng mai
Ô hay đầy mắt vũng đêm dày
Khung trời ngọt ngạt theo vuông trán
Nhịp thở già nua vẫn miệt mài

Điệp trùng lá mộng bủa tờ kinh
Nên máu hoài trong giọt nước tình
Ngực buốt ngàn năm lòng vẫn hạn
Tay cùn lần mãi chuỗi điệu linh

Đêm mơ về giữa nương vườn cũ
Nghe bùn đất tím chuyển màu da
Ngược xuôi với chợ đồ lam lũ
Nghe tim trải rộng mấy giang hà

Một sớm bất thần lòng nổi gió
Sấm dậy trang kinh xé mộng già
Máu dẫu còn khô lời đã ngỏ
Hồn xanh theo hướng Ưu-đàm xa

Cúi đầu cảm tạ mẹ Vô-biên
Cho con nhận rõ mặt ưu phiền
Cho con về giữa vòm-yêu-dấu
Mà hát dâng người Khúc-lặng-yên.

Mưa Làng

ĐINH THU

Cuối mùa đông, làng chìm giấc mưa dài
Tắm nụ hôn trời cao trao lòng đất
Thấm đẫm vào nhau lẽ đời được mất
Những vệt rêu chiêm nghiệm cõi riêng mình

Cúi còng lưng trước giá buốt tâm linh
Nhức nhối cây gầy trơ xương trút lá
Con sông ngủ đối sắc làm dáng lạ
Cỏ trảm tư lạng lẽ suốt hai triền

Mưa nối mưa khoác màu áo rất riêng
Kín nụ cười chiều long lanh ảo diệu
Bước chân mơ hồ tóc xanh mảnh liễu
Gió vi vu chạy miết dọc đồng làng

Bến vắng chờ thơ thần chuyển đồ ngang
Vườn tiếp vườn lá mục quanh thành giếng
Làn khói mỏng ngập ngừng tan biến – hiện
Mưa và mưa ôm hết mái quê nghèo

Xóm nhỏ quanh co nhột nhạt mồi meo
Bức bình phong buông tay chừng khép nép
Không gian hẹp ép vào trong gió rét
Từ rất xa tròn trịa tiếng chuông lành

Dòng hói đen uể oải đám bèo xanh
Chiếc ghe câu đã chìm sâu tịch mịch
Cái rở tép quên hiền nhà rả rích
Mưa che làng luyến tiếc ngập thình không

Giọt lâm thâm mà ướt sũng mùa đông
Lác đác chợ tàn nón mê, tơi lá
Con bù nhìn co ro trong nường mạ
Đống rơm khô bò rút ruột nhai thẫm

Bên ngọn đèn dầu chập choạng mù âm
Mùi nắm kho vẩn vương đầu mút dũa
Tàn tro than bàn tay gầy ấp lửa
Ngày sau còn thương lắm giấc mơ ời!



Sông Hiếu

PHAN THÀNH MINH

Về đi sông Hiếu
Cho thắm xanh đất lửa cổ thành
Ngã ba đường chín

Khát khao mười ngón tay dài
Đất hồn nhiên no ấm
Nắng bụi mưa bùn đã quen... sao chừ nghe lạ lắm

Nương xanh dần lấp hoang tàn
Ngai ngái gió Lào ruộng rạ
Đôi mắt đẹp hơn điệu có thật

Áo nâu sông
Chân đất
Nhà không số
Phố không tên
Biết em còn nhớ hay quên

Đòng đòng ngậm hương
Tháng ba rực trời hoa lửa
Cây gạo già nua mang hình hài mẹ

Về đi sông Hiếu
Nước mắt nhọc nhằn chảy xuôi
Gian nan mười
Hạnh phúc hai mươi.



Con nuôi

CẦU ĐẤT

Buổi sáng Huế đi làm mà bụng dạ cô cứ để ở nhà. Cô bước đi như người mộng du. Đến cơ quan chốc chốc cô lại gọi điện thoại về nhà hỏi chị giúp việc. Khi thì nghe trả lời: “Cô ơi, nó cứ đứng yên ở góc phòng, lăm lăm, không cười, không nói, mắt cứ lảo liêu liêu nhìn xung quanh. Hình như nó căm ghét căn phòng xinh đẹp này. Đổ chơi đây mà nó không đụng vào cái nào cả. Em cũng chẳng biết phải làm sao nữa!”.



Lát sau, Huế lại nghe chị Tư than: “Khổ quá, nó cứ cào cào lên người như con thú hung dữ. Mặt mày, tay chân, mình mẩy nó chỗ nào cũng trầy trụa và dính máu. Nó khóc tức tưởi như thể bị ai ức hiếp, hành hạ vậy. Em cố dỗ nó uống chút sữa, nó cũng xua tay, làm đổ vung vãi cả lên người. Muốn thay đồ cho nó nhưng không thể đụng vào người nó được. Đụng vào là nó chống đối quyết liệt. Trước giờ em chưa hề thấy đứa nhỏ nào quái lạ như vậy. Em chịu hết nổi rồi!”

Huế tìm lời trấn an chị Tư:

- Chị Tư thông cảm cho cháu. Nó là trẻ khuyết tật, bị bệnh thần kinh bẩm sinh. Hơn nữa, từ ngày mấy thấy lượm được nó trước cổng chùa đem về nuôi, ba năm rồi nó chỉ quen chỗ ở đầu tiên với những sư thầy, ni cô và

bạn nhỏ xung quanh. Mấy ngày nay mình đem cháu về sống một chỗ lạ, với những người lạ, lại không có bạn. Mình ép buộc nó sống một nơi mà nó không thích nên nó biểu lộ sự bức bối, khó chịu vậy thôi.

Ngừng một lát để thở, chợt chị tìm được ví dụ để chứng minh cho lập luận của mình:

- Chị còn nhớ hồi mình xin con Tô Tô nhỏ bằng năm tay chứ? Mấy đêm đầu lạ nhà nó cũng kêu ăng ẳng suốt đêm, không phải chỉ có nhà mình mất ngủ mà ngay cả vợ chồng bà Sáu cạnh nhà mình cũng kêu ca. Bây giờ chị thấy Tô Tô dễ thương chưa?

Huế tìm lời trấn an chị Tư, và dường như cả cho mình:

- Cần có một thời gian để cháu nó làm quen, thích ứng. Mình phải kiên nhẫn, chịu đựng. Rồi cháu sẽ ngoan như Tô Tô thôi.

Cách giải thích đó có thể không thuyết phục được chị Tư, nhưng ít ra nó cũng trải bày được niềm tin của Huế trong việc cô đang theo đuổi. Rồi mọi chuyện sẽ tốt đẹp.

* * *

Chị Tư kéo nhẹ cánh cửa lưới cho Huế vào nhà. Chị nói rất khẽ:

- Nó vật vã cả buổi sáng, mệt dữ nên mới yên được một lát đó. Cô đi nhẹ cho nó khỏi thức dậy. Nó mà dậy là khổ lắm.

Huế đứng yên nhìn. Mấy tháng trước đây, khi cô quyết định xin con nuôi cô đã dành hết thì giờ và tiền bạc để chuẩn bị chu đáo cho việc đón tiếp bé Tuệ. Trong số những trẻ khuyết tật mà cô cùng các bạn thiện nguyện vẫn chăm sóc ở Cô nhi viện Hoa Sen, bé Tuệ có cái gì đó rất lạ, thu hút sự chú ý của cô ngay từ những ngày đầu. Nó ít nói, ít cười, nhưng có cái nhìn sâu lắng, như cái nhìn của một người tình xa xưa nào đó. Huế thuê người trang trí một căn phòng xinh xắn, trên tường ngập đầy những hình chim, thú, cỏ cây, màu sắc vui tươi, chăm chút đến từng chi tiết để tạo nên một khung cảnh thật dễ thương và gần gũi với trẻ con, giống hệt những nhà trẻ xinh đẹp dành cho con nhà giàu ở trong thành phố. Lẽ ra đứa bé đang nằm kia phải là một đứa bé mũm mĩm, mặt mày sáng sủa, áo quần sạch sẽ, đi vào giấc ngủ với nụ cười mọng mị trên môi. Cảnh một đứa bé mặt mũi lem luốc đầy vết cào xước, tím bầm, áo quần nhàu nát rách cổ mất khuy nằm co quắp ở góc phòng thật tương phản với khung cảnh xung quanh. Đó không phải bức tranh cô vẽ sẵn trong đầu. Cô lấy khăn ướt chậm rãi lau mặt và tay đứa bé. Nó ngủ say như khúc gỗ. Rồi cô bắt đầu thay áo quần cho nó. Chợt nó cựa mình, mở mắt rên mấy tiếng rồi lại nhắm mắt ngủ tiếp.

Bỗng chị Tư nói:

- Sáng nay, lúc cô đi rồi nó hung dữ lắm. Mất đồ lư,

gờm gờm nhìn em như mắt của mấy lão say vậy. Nhìn nó khiếp lắm. Không chừng cha mẹ nó là dân nghiện ngập, hút chích đó, cò.

Không thấy Huế nói gì, chị Tư lại tiếp

- La hét chán nó lăn ra ngủ như chết. Lúc ngủ thì chân co giật như bị động kinh vậy. Dám cha mẹ nó là người điên hay tâm thần cò à.

Rồi chị Tư lại tiếp:

- Đây cò, cha mẹ nó mà bị bệnh si đa thế nào nó cũng bị lây trong máu phải không? Em nghe người ta nói vậy.

Rồi vừa đỡ đầu thằng bé đặt lên chiếc gối thơm tho, chị chép miệng:

- Tôi nghiệp. Mấy ngày rồi chẳng chịu ăn uống, lại còn hành hạ thân xác thế này. Nói đại miệng chớ hôm qua nó nóng như lò lửa vậy, nếu cô không đưa nó đi bác sĩ kịp thì chẳng biết chuyện gì xảy ra nữa.

Chị thở dài:

- Cứ cái cảnh này kéo dài thêm vài ngày nữa chắc nó cũng chẳng sống được, mà cô cũng tắt thở theo nó luôn! Cô hãy nhìn trong gương mà xem. Mới có mấy ngày mà người cô rạc đi thấy rõ. Thú thật em cũng muốn bứt luôn.

Huế nhỏ nhẹ như chỉ nói với mình :

- Nó bị lạ nước lạ cái ấy mà. Không sao đâu.

Vừa lúc đó thằng bé tỉnh giấc, mở mắt nhìn quanh. Chợt thấy Huế ngồi gần bên, nó hét lên, rồi lấy tay đánh mạnh vào đầu, vào mặt, đến chảy máu mũi. Huế cố giữ lấy tay nó nhưng nó đã mạnh hơn, chụp lấy tay Huế đưa vào miệng cắn một miếng ngập sâu mấy chiếc răng vào tay cô. Khi Huế giật được tay ra thì máu từ tay cô đã phun ra thành vòi. Mặt cô tái xanh. Cô nghiêng răng dùng tay kia bóp thật chặt bên trên chỗ bị cắn để máu bớt chảy. Chị Tư chạy tới, kéo thằng bé ra. Nó chống cự rất mãnh liệt, hai chân tổng đập vào mặt, vào người khiến chị Tư chịu không nổi đành phải buông tay ra. Tức thì nó ưỡn người té ngửa cho đầu đập mạnh xuống đất, miệng la hét như con heo bị cắt tiết. Máu me bé bết cả sàn nhà. Huế ôm chặt chỗ tay bị thương, trong khi chị Tư chạy đi lấy bông băng và thuốc cầm máu.

- Có sao không cô? Sao máu chảy nhiều vậy nè?

- Không sao đâu. Cột chặt lại một lát là êm thôi. Chị đi lấy nước lau rửa cho cháu và thay áo quần sạch cho nó đi. Nó vùng vẫy kiểu đó cũng đã kiệt sức. CƠn giận của nó đã qua rồi. Tôi nghiệp con tôi.

Chị Tư im lặng lau dọn, trong khi thằng bé nằm im bất động. Nó đã mệt đừ, mềm nhũn như con thú nhồi bông. Căn phòng yên lặng. Huế ngồi thu nhỏ người lại trên chiếc ghế khuất trong bóng tối, nơi ánh sáng từ cửa sổ không chiếu tới được. Cô mong chớp mắt được vài giây cho tắt cả những huyền não vừa qua lắng xuống. Nhưng những câu nói vô tình của chị Tư lúc này bây giờ dội lại trong đầu cô, mỗi lúc một to hơn, chát chúa như những nhát búa bổ "điên, tâm thần, hút chích, si đa, trộm cướp, giết người".

* * *

Chiều hôm đó Huế để bé Tuệ ở nhà với chị Tư:

- Tôi đi mua thêm cho cháu mấy thứ đồ chơi.

Chị Tư ngạc nhiên.

- Đồ chơi thiếu thứ gì đâu mà cô còn mua thêm?

- Có lẽ cháu nó không thích những thứ này.

Huế đi cả buổi. Đèn đường sáng một hồi lâu cô mới trở về, mang vào nhà nào là xe đạp, ngựa gỗ, và nhiều thứ khác kể cả áo quần, nệm gối, và cả một chiếc mùng xếp.

Chị Tư không giấu được thắc mắc:

- Nhà có muỗi đâu mà cô mua mùng?

Huế không trả lời. Cô bỏ viên thuốc vào miệng, nuốt liền một hơi mấy ngụm nước đầy rồi tới chiếc ghế xếp ngã người một cách mệt nhọc.

- Lát nữa, chị xếp tất cả đồ đạc của cháu vào thùng giúp tôi nghe. Áo quần, giày dép, đồ chơi... Nhớ lấy băng keo dán thùng đồ lại.

- Cô đem nó trả lại cho cô nhi viện sao?

Lần này nữa, Huế hình như cũng không nghe câu hỏi của chị Tư. Cô đang theo đuổi những ý nghĩ riêng. Cô vẫn nhắm mắt và đọc các mệnh lệnh thật rõ ràng:

- Ngày mai, chị gỡ hết tất cả những tranh ảnh trên tường, lau dọn và xếp đặt căn phòng lại như cũ nghe. Xem như tuần vừa rồi ở đây chẳng có chuyện gì xảy ra cả.

Chị Tư nhắc lại câu hỏi lúc nãy:

- Cô đem nó trả lại cho cô nhi viện sao?

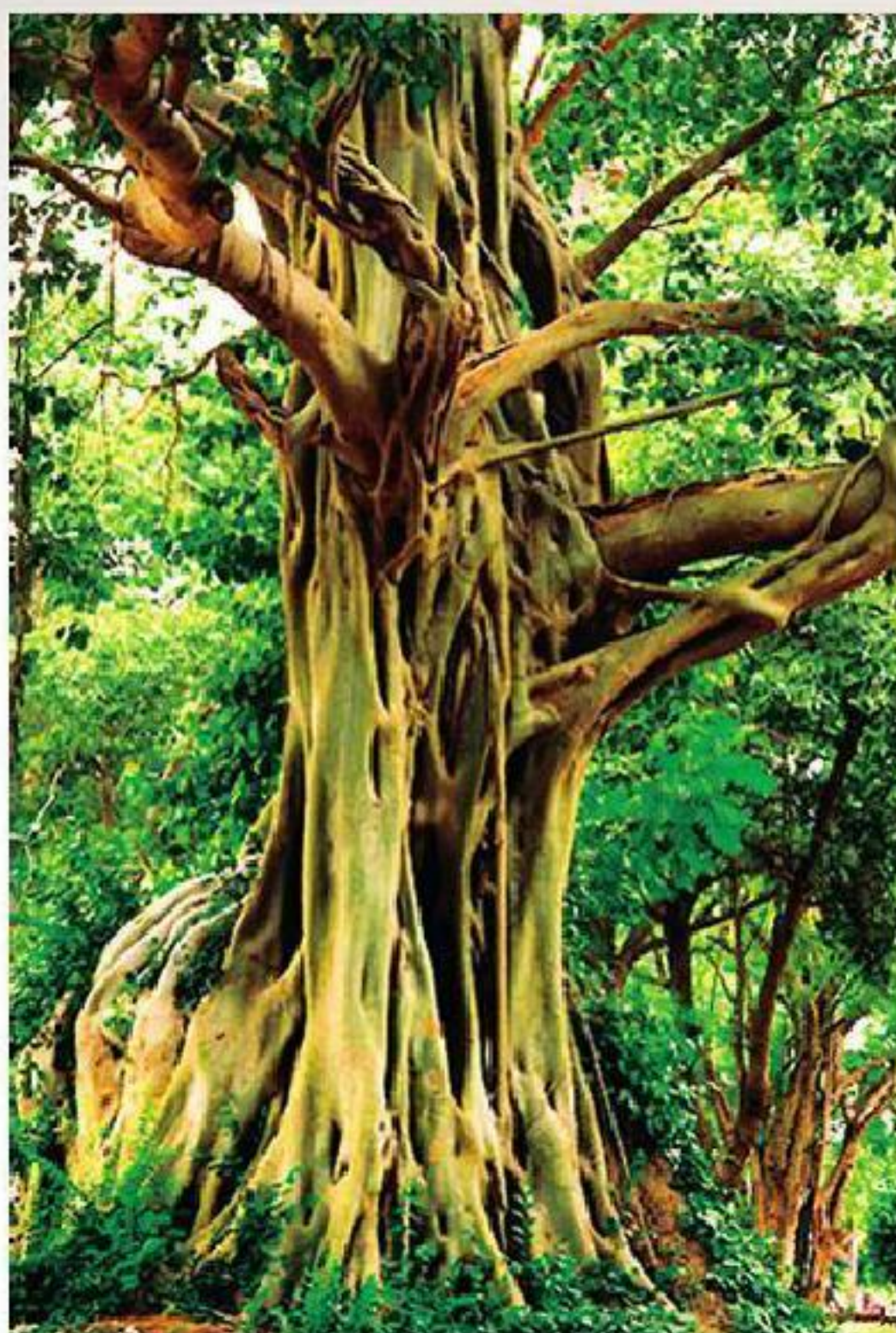
- Không đâu. Tôi còn tính đưa về đây thêm một cháu nữa cho nó có bạn. Bé Phúc có cái đầu rất to, to như quả bí đỏ. Một quả bí đỏ miệng luôn cười toe toét. Gần ba tuổi mà chẳng nói được tiếng nào, tội nghiệp! Hai đứa sẽ chơi với nhau như chúng đã từng chơi từ khi mới chập chững biết đi. Bước đầu tôi muốn trả lại cho cháu cái khung cảnh bình dị cháu đã quen trong chùa, không loè loẹt màu mè, không ồn ào với những đồ chơi điện tử hiện đại. Rồi chị Tư sẽ thấy các cháu rất dễ thương, như đôi chim non riu rít trong chiếc tổ mới.

Nói xong cô hít vào một hơi thật sâu, cổ trần át cái cảm giác lạnh lạnh đang lan tỏa khắp trong cơ thể. Huế thiếp đi, chân tay như không còn dính vào người nữa. Trong giấc ngủ chập chờn, cô mơ thấy một cô gái mặc chiếc váy rộng như chiếc váy cô dâu, mái tóc buông dài thả bay trong gió, nhờn nhơ giữa một đại lộ thành thang, trong một buổi chiều nắng đẹp. Hai hàng cây bên đường như vươn ra những cánh tay dài, cúi xuống vuốt ve những bàn chân nhẹ nhàng bước đi không chạm mặt đất. Xa xa vẳng tiếng chuông chùa nhè nhẹ giữa thinh không. ■

Saigon 2009

Chùa Hội Lâm

THU SƯƠNG



*Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông
Thơ Huyền Không*

Xã An Phú vốn trước đây là một vùng đất khô cằn bom đạn ngày nay được hồi sinh phát triển, là một xã lớn nhưng không đông dân thuộc huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Xã có diện tích hơn 24 cây số vuông nằm ở phía cực Đông bắc của huyện. Về phương diện hành chính, hiện xã có 6 ấp, các ấp Phú Trung, Phú Bình, Xóm Thuốc và Xóm Chùa nằm dọc bờ sông Sài Gòn, còn hai xã An Hòa và An Bình giáp với xã An Nhơn Tây và xã Phú Mỹ Hưng về phía Tây.

Giữa thế kỷ thứ 18, có ngài Đạo Trung Thiện Hiếu là một vị cao tăng thuộc thế hệ thứ 38 của Thiền phái Lâm Tế đến hoằng pháp trong phủ Gia Định. Ngài được dân chúng vùng Thới Hòa dinh Trấn Biên (nay thuộc địa phận huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương) tôn là Tổ Địa theo một truyền thuyết nói rằng ngài đã từng phát tâm ngồi giữa đồng bưng cho đĩa đến bám vào người với tâm nguyện độ cho loài đĩa sớm vãng sanh, nhờ vậy mà vùng đồng bưng đó hết đĩa, giúp cho dân cư quanh vùng có thể tận dụng đất đai cày cấy. Được biết ngài đã từ chùa Hội Sơn ở vùng Ngải An thuộc dinh Trấn Biên (nay thuộc huyện Thủ Đức)



đến đạo Quang Phong phủ Gia Định (nay thuộc tỉnh Tây Ninh) rồi lên núi Điện Bà khai lập chùa Linh Sơn thường được gọi là chùa Bà Tây Ninh vào khoảng năm 1763. Đến năm 1768, ngài đến vùng Thới Hòa, Bến Cát và xây dựng tại đó một ngôi chùa được gọi là chùa Long Hưng. Có tài liệu còn cho biết ngài cũng là bậc long tượng đã khai sơn trong vùng dinh Phiên Trấn chùa Hội Hưng ở xã Trung An và chùa Hội Lâm thuộc xã An Phú, cả hai xã nay đều thuộc huyện Củ Chi.

Theo lời thuật lại của những người dân cổ cựu ở hai ấp Xóm Chùa và Xóm Thuốc xã An Phú thì xưa kia, ngôi chùa Hội Lâm được xây dựng trên một khoảnh đất rộng tới năm mẫu tây trong địa phận nay là ấp Xóm Chùa, có lẽ do một Phật tử gọi là Bà Tang hiến cúng, do đó, chùa còn có tên là chùa Bà Tang và tên ấp được gọi là ấp Xóm Chùa. Ngôi chùa Hội Lâm mà các Phật tử ở Xóm Thuốc và Xóm Chùa nói đến chính là ngôi chùa Hội Lâm đã được Tổ Đạo Trung Thiện Hiếu khai sơn. Và như vậy, chùa Hội Lâm cũng thuộc hàng cổ tự có mặt trong vùng Củ Chi từ cuối thế kỷ thứ 18.

Ngay từ thời kháng chiến chống Pháp, nhân dân vùng Củ Chi ở các xã ven sông Sài Gòn rất tích cực hưởng ứng các cuộc nổi dậy nên đã bị đàn áp khốc liệt. Sang thời chống Mỹ, vùng Củ Chi đã trở thành một vùng đất thép thành đồng, thường xuyên hứng chịu các cuộc bắn phá của quân đội Hoa Kỳ và các đồng minh. Chùa Hội Lâm lại từng được quân dân Củ Chi sử dụng làm căn cứ kháng chiến nên đã bị triệt phá trong những cuộc càn quét mãnh liệt của quân đội Mỹ. Ngày nay, khu đất xưa kia có chùa Hội Lâm xây dựng trên đó đã được sử dụng làm trường học.

Từ ngày đất nước thống nhất, xã An Phú đã dần dần phục hồi sinh khí. Bên cạnh những người dân bám trụ trong hai cuộc kháng chiến, đã có nhiều người từ các địa phương khác trên cả nước đến lập nghiệp. Công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở xã An Phú, cũng như nhiều nơi khác, có nhịp độ khẩn trương. Trường học, bệnh xá đã được dựng lên. Các hoạt động kinh doanh cũng phát triển. Các hoạt động văn hóa cũng dần khởi sắc. Tuy nhiên,

là một địa phương nằm trong tâm điểm của cuộc chiến, nhân dân xã An Phú đã chịu nhiều đau thương và còn cần được giúp đỡ về nhiều mặt. Đặc biệt, về phương diện tâm linh, nếu ngày xưa xã đã từng có một ngôi chùa bề thế do một vị cao tăng đắc đạo khai mở, ngày nay, toàn xã không hề có một ngôi chùa nào.

Một nữ doanh nhân trẻ, cũng là một Phật tử thuần thành, quê ở Xóm Thuốc xã An Phú huyện Củ Chi, sau khi thành đạt trên thương trường, đã nghĩ đến việc đóng góp cho quê hương mình về mặt tâm linh. Nhớ rằng ngày xưa quê mình nằm cạnh ấp Xóm Chùa, cô cho rằng ở ấp ấy ắt có một ngôi chùa. Cô đã cất công tìm hiểu và những điều được trình bày ở trên là kết quả những gì cô thu thập được. Từ đấy, cô có tâm nguyện phục dựng ngôi chùa Hội Lâm ngay trên ấp Xóm Chùa.

Đầu tháng bảy năm 2009, cô đã cùng hơn một trăm bà con Phật tử hai ấp Xóm Thuốc và Xóm Chùa làm đơn xin chính quyền thành phố Hồ Chí Minh cho phép được phục dựng ngôi chùa Hội Lâm ngay tại ấp Xóm Chùa, trên một mảnh đất cách nền chùa cũ chừng một cây số, đất do cô hiến cúng.

Cô cho biết sẽ tự nguyện tài trợ kinh phí xây cất ngôi chùa, kể cả việc nghiên cứu những nét kiến trúc cơ bản của ngôi chùa cổ để có thể phục dựng một số chi tiết kiến trúc đã đi vào tâm tưởng của những người dân cổ cựu xã An Phú, huyện Củ Chi. Cô cũng đã có kế hoạch mời các vị Ni trưởng và Ni sư hiện trụ trì và quản lý Quan Âm tu viện ở Phú Nhuận đảm nhiệm việc quản lý công cuộc phục dựng chùa Hội Lâm.

Với những kế hoạch cụ thể của một doanh nhân trẻ có kinh nghiệm quản lý, với tâm nguyện phục vụ đạo pháp và với khả năng tài chánh sẵn có, người ta hy vọng, nếu được chính quyền thành phố Hồ Chí Minh và Ban Trị sự Thành hội Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận, việc phục dựng ngôi chùa Hội Lâm ở Xóm Chùa, xã An Phú, huyện Củ Chi sẽ sớm thành công, đem lại một chỗ dựa tâm linh cho những người dân đã từng chịu nhiều hy sinh mất mát trong các cuộc kháng chiến lâu dài của dân tộc. ■

Dựng tượng Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông

Trong cuộc hội nghị nhằm chuẩn bị lễ tưởng niệm 701 năm ngày Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết-bàn khai diễn vào ngày 7-12-2009 tại Yên Tử, Hội đồng Trị sự GHPGVN và Ban Trị sự Tỉnh hội Phật



giáo Quảng Ninh đã công bố kế hoạch khởi công xây dựng một bức tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông tại Yên Tử. Theo kế hoạch được công bố thì công trình sẽ được khởi công xây dựng vào ngày 16-12-2009, nhằm ngày 1 tháng Mười Một năm Kỷ Sửu, là ngày Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết-bàn.

Bức tượng của Ngài sẽ được dựng trên tuyến bộ hành đá tự nhiên tại Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh. Về quy mô, bức tượng sẽ nặng trên 100 tấn, phần thân tượng bằng đồng cao 9,9m, ngự trên một đài sen cao hơn 2m, tất cả đặt trên một bệ đỡ có ốp đá điêu khắc cao trên 3m. Được biết, nguyên liệu đồng dùng đúc tượng được nhập từ Australia. Không gian đặt tượng là một khu đất nằm giữa khu vực tượng đá An Kỳ Sinh lên đến chùa Đổng, rộng khoảng 2.200m² bao gồm sân hành lễ và các công trình phụ. Dự án này do Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Ninh làm chủ đầu tư với vốn xã hội hóa lên đến gần 80 tỷ đồng. Dự kiến công trình sẽ hoàn thành trong tháng 12 năm 2010. (PV)

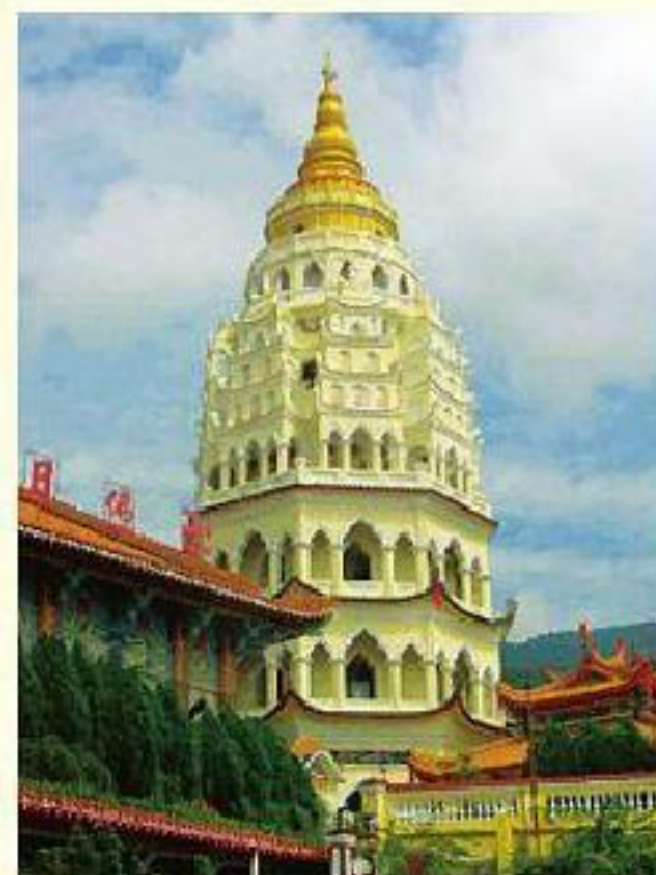
Tu tập đi kèm hội thảo về việc dùng trí tuệ Phật giáo để bảo đảm thành công và sức khỏe cho doanh nhân

Một khóa tu tập đặc biệt với chủ đề *Yoga nâng cao sức khỏe doanh nhân* dưới sự hướng dẫn của Geshe Michael Roach cùng 10 giảng viên yoga người Hoa Kỳ sẽ được các đơn vị Thái Hà Books, Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam và Công ty TNHH Mỹ thuật Thanh Sơn phối hợp tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ tối 25 và kéo dài đến hết ngày 27-12-2009. Địa điểm tu tập là Làng an dưỡng Ba Thương, ấp Ràng, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi. Để dẫn vào khóa tu tập đặc biệt này, một cuộc hội thảo có chủ đề *Khai mở bí mật*

sự thịnh vượng tài chánh bằng trí tuệ Phật giáo sẽ được tổ chức trước đó trong thời gian từ 18g-22g ngày 22-12-2009, tại Trung tâm Hội nghị White Palace, số 194 Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận, diễn giả chính cũng là ngài Geshe Michael Roach. Ngài Michael Roach cũng đang nỗ lực chuẩn bị cho cuộc đại ẩn tu kéo dài 3 năm 3 tháng 3 ngày sẽ khai diễn vào khoảng đầu năm 2010 tại bang Arizona, Hoa Kỳ. (PV)



Khánh thành điện thờ để tôn trí tượng Phật Quán Thế Âm tại chùa Kek Lok Si, Air Itam, thành phố Penang, Mã Lai



Ngày 7 tháng 12 năm 2009, tại ngôi chùa Kek Lok Si, một ngôi chùa đã được xây dựng từ năm 1891 thuộc hạt Air Itam, thành phố Penang, Mã Lai, Phật tử Mã Lai cùng khách mời thuộc các hệ thống truyền thừa Nguyên thủy và Mật tông từ Trung Quốc, Đài Loan, Kampuchea, Thái Lan và Bhutan đã long trọng làm lễ khánh thành điện thờ bát giác để tôn trí pho tượng Phật Quán Thế Âm bằng đồng cao 30m vốn đã được đặt trên một ngọn đồi phía trên khuôn viên đất chùa từ năm 2002. Đã có gần 10.000 du khách từ khắp nơi đổ về tham dự một cuộc lễ kéo dài 4 tiếng đồng hồ, bắt đầu với việc đóng ca bài hát "Ca ngợi Tam bảo" bằng tiếng Mã Lai. Trong buổi lễ, vị Bộ trưởng phụ trách Văn phòng Phủ Thủ tướng Mã Lai đã công bố việc Chính phủ Liên bang Mã Lai cúng dường cho ngôi chùa cổ này 1 triệu ringgit Mã Lai và ca ngợi ngôi chùa đã trở thành một biểu tượng cho sự phát triển của Phật giáo Mã Lai. Kek Lok Si là một ngôi chùa có kiến trúc phối hợp giữa truyền thống nền chùa hình bát giác của Trung Hoa, các tầng lửng theo thiết kế Thái Lan và mái cong theo truyền thống Miến Điện. (PV)

Lời cảm ơn cuộc sống

Tôi thư Bảy ngày 5 tháng 12 năm 2009, tôi đến ga quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất để đón một người em trai từ Hoa Kỳ về vì mẹ tôi đang bệnh nặng. Tôi đến sớm, đi một mình, và may mắn chọn được một chỗ ngồi ngay trước bảng thông báo giờ máy bay hạ cánh, cũng là con đường chính nơi các hành khách sau khi làm xong thủ tục hải quan sẽ theo đó để ra ngoài.

Khu vực đón khách của sân bay ngột ngạt vì đông người. Càng về khuya số người đến đón thân nhân càng đông vì lịch bay đêm dày đặc, nhưng sân bay chỉ bố trí một số ghế ngồi ít ỏi nên hầu hết mọi người đều phải đứng ngồi lố nhố quanh khu vực đón khách. Nhìn chung, những người đi đón thân nhân biết giữ gìn trật tự, tuân theo hướng dẫn của các nhân viên an ninh sân bay.

Sau lưng tôi lượng người đứng chờ cũng càng lúc càng đông. Những người đứng phía sau nói chuyện rôm rả khiến tôi phân biệt có hai nhóm trẻ nổi bật. Dựa trên câu chuyện của họ, tôi biết có một nhóm bốn thanh niên, ăn nói sỗ sàng, lỗ mãng, kể những câu chuyện dung tục, có lúc cười lên hớ hớ và đặc điểm là khi nói, họ chửi thề thoải mái như chỗ không người. Một nhóm khác gồm ba người, hai cô gái và một thanh niên, tôi đoán hai cô gái là người Hàn Quốc học tiếng Việt và chàng thanh niên là một sinh viên học tiếng Hàn; họ nói chuyện với nhau nhỏ nhẹ, và hai cô gái nói bằng một thứ tiếng Việt ngọng nghịu phé bình dân thanh niên ăn nói lỗ mãng kia.

Anh thanh niên học tiếng Hàn chắc cũng thấy xấu hổ, họ bảo nhau bỏ đi chỗ khác.

Ngồi cạnh tôi là hai vợ chồng một ông trung niên khoảng ngoài năm mươi cũng thấy khó chịu vì những câu chuyện sỗ sàng của nhóm bốn người thanh niên.

Khi thấy thân nhân ra khỏi phòng cách ly, bà vợ đứng lên đón người nhà, trong khi đó ông chồng quay lại nói thẳng vào mặt đám thanh niên kia, rằng, “Các anh không thấy xấu hổ hay sao mà trước chỗ đông người lại ăn nói tục tằn như vậy? Các anh có biết hai cô con gái Hàn Quốc vừa đứng đây họ bảo người Việt thô tục quá nên đã bỏ đi hay không?”. Tôi quay lại, thấy bốn chàng thanh niên ăn mặc khá ngớ ngáo, mặt sượng sùng, lặng im rồi bỏ đi.

Thì ra, ngay ở nơi đông người, nếu có người dưng cảm và khôn ngoan, biết phản ứng mạnh một cách đúng lúc với cái xấu thì cái xấu cũng phải chùn bước.

Tôi thầm cảm ơn người dân ông trung niên ngồi đón người thân bên cạnh tôi hôm ấy. Tôi muốn nói lên điều này để cảm ơn chung những ai vẫn mạnh dạn và khôn khéo phản ứng đúng lúc với cái xấu vẫn tồn tại trong xã hội ta.

Phạm Văn Hoa, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Khoảng năm năm nay, mỗi sáng tôi đều đi tập thể dục ở công viên Hải Nam, đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận. Lâu dần, tôi có một nhóm bạn cùng tập thể dục với nhau, đều là giáo viên đã về hưu. Hết giờ tập, thường là vào khoảng 6g45, chúng tôi ngồi uống với nhau một ly cà phê và nói đàm ba câu chuyện trước khi chia tay.

Sáng thứ Bảy tuần vừa rồi tôi cảm thấy không khỏe, nhưng vì nhờ bạn, tôi mượn chiếc xe đạp của con trai đạp ra sân. Đến nơi mới thấy những người quen của tôi cũng vắng mặt cả. Loay hoay trên sân một lát, tôi ra lấy xe đạp để về nhà sớm. Đến đầu đường Nguyễn Thượng Hiền, thấy xe hơi nặng, tôi nhìn xuống mới biết bánh xe đã bị xẹp. Dẫn bộ một quãng, tôi đưa xe đến một chỗ vá xe trên vỉa hè, cạnh đấy có một quán cà phê lều tều vài ba người khách trông lam lũ. Sau khi mở bánh xe ra, người thợ cho biết xe phải thay ruột vì sau khi cán phải đinh tôi còn đạp đi một quãng. Lúc làm xong, người thợ tính tiền 25.000đ cả công và vật liệu. Tôi lấy tiền trả thì mới hay mình để cái bóp tiền ở nhà. Không muốn đi bộ về lấy tiền vì đường cũng còn xa, tôi bảo người thợ cho nợ khoảng một tiếng đồng hồ, nhưng ông ta cần nhân rằng mới mở hàng. Nghe thấy thế, một thanh niên đang uống cà phê, đáng vẻ công nhân, đứng dậy lấy trong túi ra cho tôi mượn đủ 25.000đ để trả cho người thợ. Tôi cảm ơn và bảo với người thanh niên ấy rằng sẽ quay lại ngay để hoàn lại cho anh số tiền đã mượn.

Về nhà, tôi vội vàng lấy tiền và nhanh chóng trở ra chỗ sửa xe. Rất tiếc, khi đến nơi thì anh ấy đã đi khỏi. Hỏi người thợ sửa xe, người này bảo không biết anh ta là ai. Bấy giờ tôi mới nhớ, số tiền mà người bạn trẻ ấy cho tôi mượn toàn là tiền lẻ, nhưng từ một ngàn, hai ngàn; cho thấy số tiền mà anh đưa cho tôi mượn không phải là nhỏ đối với anh.

Xin gửi những lời này để cảm ơn người bạn trẻ tốt bụng không biết tên không nhớ mặt. Xin cảm ơn cuộc đời vẫn có những tấm lòng khoáng đạt, sẵn sàng giúp đỡ người cơ nhỡ không phân biệt.

Trần Trung Vinh, quận Gò Vấp, TP.HCM

Chè môn sáp vàng

HOÁNG ANH - PHÚ XUÂN

Được cho là loại ngon nhất trong các loại củ môn, môn sáp vàng có ruột bên trong màu vàng ươm, dẻo quánh như sáp, có vị hơi ngọt, bùi và thơm. Tuy thế, giống môn sáp này ngày càng ít đi. Môn sáp vàng có thể dùng để luộc ăn chơi, nấu canh, nấu cháo... nhưng ngon nhất là nấu chè với nếp.

Nguyên liệu:

Môn sáp vàng: 1kg
Nếp: 300gr
Đậu phộng: 100gr
Đường cát hạt vàng: 400gr
Gừng già: 1 củ
Vani: 1 ống

Cách làm:

Môn sáp vàng: Rửa sạch, hấp hoặc nấu chín. Để nguội, gọt vỏ, cắt miếng.
Đậu phộng: Luộc chín, lột vỏ.
Gừng già: Rửa sạch, cạo vỏ, giã nhuyễn.

Nếp: Vút sạch nấu chín.

Khi nếp chín bỏ môn đã cắt miếng vào, dùng đũa bếp đánh sơ cho môn bết nát trộn lẫn với nếp. Cho đường vào, nấu với lửa nhỏ, khuấy nhẹ tay cho khỏi sít nổi. Kế đó, cho đậu phộng nấu chín và gừng giã nhuyễn vào. Để chè sôi nhẹ vài lần cho thấm là được, nhắc xuống, cho vani vào trộn đều rồi múc ra chén. Món chè này dùng nóng.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN[®]

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp OHS&WA.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659
82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372





VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



NGỌC HIỂN

**QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐỒ THỜ CÚNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG**

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DD: 0983 675 570

QUÁN CHAY



pháp uyển

ẨM THỰC - HỘI HỌA - CAFEBOOK - TRÀ CỤ
mở cửa từ 7 giờ đến 21 giờ mỗi ngày

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Email: lienhe@phapuyen.com - Phone: 08 35035 579

◉ **Sách đặc biệt hay của tác giả Nguyễn Nhân**

1. Tu theo pháp môn nào của đạo Phật để giác ngộ

Giá bán: 27.000đ/1 quyển

2. Những câu hỏi về Thiên tông

Giá bán: 23.500đ/1 quyển

3. Hành động phương pháp Phật dạy chắc chắn được giác ngộ giải thoát

Giá bán: 30.000đ/1 quyển

- ❑ Sách chỉ rõ cách ngồi thiền và nhận ra Phật tánh đối với ai thích tìm hiểu.
- ❑ Có 5 pháp môn: Mật tông, Tịnh Độ tông, Thiền Nguyên thủy, Thiền Phát triển và Thiền tông.
- ❑ Được xếp vào hàng sách quý, nếu giữ lâu thành gia bảo.

❖ Liên hệ: Cô **Nguyễn Thu Thảo** phòng răng Nguyễn Công Nhân
362 Lý Thái Tổ, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 38. 324. 846 (đối diện cây xăng ngã 7)

viet-art

HOA PHẪM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘT HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS



Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, Bình Thạnh, Ho Chi Minh City VIETNAM
Tel: 84-38-5511942 • Fax: 84-38-5108212 • E-mail: vietartsupply@gmail.com



PHÒNG PHÁT HÀNH VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

Hương Sen

CUNG CẤP SĨ VÀ LỄ

- ❑ Tranh - thiệp thư pháp
- ❑ Tranh tượng Phật bằng đá quý các loại và xi mạ vàng 18k
- ❑ Bông, đĩa, kính và sách Phật giáo
- ❑ Y phục tu sĩ và cư sĩ Phật giáo
- ❑ Chuỗi niệm Phật bằng các loại đá quý và bán quý
- ❑ Các vật dụng thờ cúng Phật

ĐT: 08.38432152 - DD: 0913916036
Email: kimhuongthinhvn@yahoo.com
Địa chỉ: 308 Nguyễn Văn Đậu
P.11, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

235/53 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 7, Quận 3, TP. HCM
ĐT: 38482 028 - 38438 949. Fax: 38438 949. DD: 0909.093.106 - 0908.585.560
Email: thanhnguyen1@hcm.vnn.vn

CHI NHÁNH QUẬN 9
Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 3728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

Nuôi lớn tâm yêu thương
Nourish compassion

Tel: 38 48 33 99



NGỌC VIỆT TRAVEL

Tel: 38 48 33 88 - 39 97 97 88

• Du lịch tâm linh

Khởi Hành Hàng Tháng



Thân Nhe Tâm An
Miệng Mím Gười

HÀNH HƯƠNG VỀ ĐẤT PHẬT TỨ ĐỘNG TÂM VÀ PHẬT TÍCH ẤN ĐỘ - NEPAL

11 ngày. Khởi hành 29 -12-2009 (01-11 ÂL)

LÂM TỶ NI (Nepal)

NƠI ĐỨC PHẬT ĐẪN SANH

Chiêm bái và đánh lễ nơi Thái tử Tất Đạt Đa
đản sanh, nghe giới thiệu và tìm hiểu về trụ

đá do vua A Dục dựng lên tại đây để ghi lại sự kiện tại nơi đây người con vĩ đại của nhân loại
đã chào đời. Viếng thăm Việt Nam Phật Quốc Tự của HT. Thích Huyền Diệu.



BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG (Ấn Độ) - NƠI ĐỨC PHẬT THÀNH ĐẠO

Chiêm bái, dâng y và lễ lạy tại Tháp Đại Giác và Cội Bồ Đề - nơi Thái tử Tất Đạt Đa ngồi
thiền định 49 ngày đêm và vào nửa đêm thứ 49, nhằm ngày mùng 8 tháng 12 Thái tử Tất Đạt
Đa đại ngộ, sạch hết phiền não, chứng được đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
hiệu là Phật Thích Ca Mâu Ni vào năm Ngài 35 tuổi.

VƯỜN LỘC UYỂN (Ấn Độ) - NƠI ĐỨC PHẬT CHUYỂN PHÁP LUÂN

Nơi Đức Phật thuyết bài Pháp đầu tiên "Tứ Diệu Đế" cho 5 người đệ tử đầu tiên là 5 anh em
Kiểu Trần Như và cũng là nơi hình thành nên Tam Bảo: Phật - Pháp - Tăng. Viếng bái và
đi nhiều quanh cổ tháp linh thiêng Dhamekh.

CÁU THINA (Ấn Độ) - NƠI ĐỨC PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Viếng bái đền Bát Đại Niết Bàn và Vườn Sa La Song Thọ, ở đây đoàn sẽ dâng y và có thời
kinh cầu nguyện, đi kinh hành niệm danh hiệu Đức Bổn Sư.

*** Ngoài ra, đoàn đi tham quan các Phật tích khác như: Kỳ Viên Tịnh Xá, tháp Rambhar,
Trường Đại Học Nalanda, Trúc Lâm Tịnh Xá, Núi Kê Túc, Núi Linh Thử, tháp Hòa
Bình, Sông Hằng, hang thiền định của Ngài Anan và Ngài Xá Lợi Phất- nơi Đức Phật
giảng những bộ kinh lớn, tượng Phật cao 25 mét, chùa Nhật Bản, chùa Tây Tạng, đền Taj
Mahal...

Tour Đặc Biệt ẤN ĐỘ - NEPAL

12 ngày. Khởi hành vào ngày
26-01-2010 (12-12-2009 ÂL)

Kết hợp chiêm bái 3 Xá Lợi Phật:

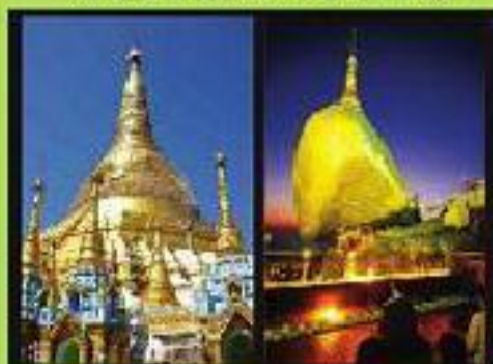
- Đức Phật Thích Ca
 - Tôn Giả Xá Lợi Phất
 - Tôn Giả Mục Kiền Liên
- tại Bồ Đề Đạo Tràng

HÀNH HƯƠNG NHẬT BẢN VÀ NGẮM HOA ANH ĐÀO

KHỞI HÀNH 4 & 5 /2010



Hành Hương Chiêm Bái
XÁ LỢI PHẬT MIỀN DIỆN
6 ngày.
Khởi hành 04/1/2010 (20/11 ÂL)



Hành Hương Về Đất Tổ
TỨ ĐẠI PHẬT SƠN - TRUNG QUỐC
12 ngày



Hành Hương
VŨ TRƯ TÂM LINH
TÂY TẠNG HUYỄN BÍ
8 ngày
Khởi hành 21/12/2009 (06/11 ÂL)



Hành Hương Khám Phá BHUTAN
VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO
MÃNH ĐẤT TÂM LINH
RỒNG SẮM
7 ngày
Khởi hành 20/01/2010 (06/12 ÂL)



NGỌC VIỆT TRAVEL

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM (CHÙA VINH NGHIÊM)
Tel: (08) 38 48 33 88 - 0913 808 338 Fax: (08) 35 26 58 62
Mobile: 0933 88 33 63 - 0933 87 69 39 * Email: ngoctviettravel@vnn.vn

NGỌC VIỆT TRAVEL

64/3 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP.HCM (CHÙA PHỐ QUANG)
Tel: (08) 3997 9788
Mobile: 0913 808 338 - 0907 010 779 * Email: ngoctviet_travel@yahoo.com

www.vietchay.vn
www.vietpearl.vn

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 96

Phát hành ngày 1 - 1 - 2010

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, Chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 - 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG